Đặc san
Văn hóa Thể thao NGHỆ AN
SỐ 12 (THÁNG 01/2024)

TRONG SỐ NÀY

VĂN HÓA TẾT

VŨ BA LAN	Tết đến, xuân về, cùng thưởng thức dòng câu đối "đặc biệt"	4
ĐOÀN MẠNH TIẾN	Nét văn hóa trong phong tục đón Tết cổ truyền của dân tộc ta	7
HỮU VINH	Tranh ảnh Tết, góc khuyết trong Tết nay	10
DƯƠNG VĂN KỲ	Nhớ chợ Tết xưa	13
HỒ BẤT KHUẤT	Xứ Nghệ - Điểm đến thú vị của những cuộc du xuân	17

VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

MẠCH QUANG THẮNG	Một nền văn hóa mới	21
TRẦN GIA	Văn hóa Thể thao Nghệ An năm 2023: Nỗ lực, sáng tạo và thành công	26
VĨNH KHÁNH	Chấn hưng văn hóa, đừng nghĩ đâu xa!	31
ĐẶNG CÔNG THÀNH	Đảng trong sạch, vững mạnh, Nhân dân hạnh phúc	35
KIM LƯU	Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước - Nhìn từ Nghệ An	39

ĐẤT & NGƯỜI XỨ NGHỆ

ĐÀO TAM TỈNH	Nghệ An năm 1924	44
TRẦN TRUNG HIẾU	150 năm khởi nghĩa Trần Tấn - Đặng Như Mai (1874 - 2024): "Phen này quyết đánh cả triều lẫn Tây"	49
PHILIPE PAPIN	Le Vieux An - Tinh và "Phương pháp Le Breton"	54
HỒNG NHUNG	Họa sĩ Lê Huy Tiếp và những món quà đặc biệt giành cho quê hương Nghệ An	57

Chịu trách nhiệm nội dung:
ThS. TRẦN THỊ MỸ HẠNH
Giám đốc Sở Văn hóa & Thể thao

Biên tập:
QUÁCH THỊ CƯỜNG
CHU THỊ XUYẾN
HỒ MẠNH HÀ

Trình bày:
QUANG MINH

Địa chỉ:
Số 11, Đ. Nguyễn Sỹ Sách,
TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại:
0238.3844511 - 0902121415
Email:
vanhoanghean2021@gmail.com

NHỮNG GÓC NHÌN VĂN HÓA

NGUYÊN THANH	Nguyên nhân thành bại của các cuộc cải cách trong lịch sử.....60
BÙI TÙNG ẢNH	Xuân về Tết đến - Cảm nhận văn chương xứ Nghệ từ điểm nhìn văn hóa 63
THÙY LÂM	Hình tượng Rồng trong kiến trúc đình làng ở Nghệ An 67
NGUYỄN CƯỜNG	Văn hóa đọc và những khoảng trống.....71

DIỄN ĐÀN VĂN HÓA

TRANG ĐOAN	Tăng cường quảng bá các hoạt động văn hóa trên mạng xã hội.....75
NGÂN THANH	Ranh giới mong manh giữa văn hóa tâm linh, du lịch tâm linh và mê tín dị đoan.....76

CỬA SỔ VĂN HÓA

NGUYỄN KHẮC THUẦN	Nhà hát opera Sydney biểu tượng nước Úc.....78

VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG

THẢO NGUYÊN	Văn hóa nhà trường trong sự nghiệp xây dựng con người 80

XỨ NGHỆ NGÀY NAY

NGÂN THƯ	Xuân về vui hội Mường Ham 82
BÙI HÀO	Hồi sinh trang phục truyền thống người Ơ Đu...85
PHAN GIANG	Quỳ Hợp: Khai thác lợi thế văn hóa để phát triển du lịch 89
NGỌC MAI - HỒ HÀ	10 sự kiện Văn hóa - Thể thao nổi bật năm 2023 92

- **Bìa 1: Giai điệu mùa xuân** (sơn mài) - BÙI TRỌNG DƯ
- **Bìa 2:** Thiết kế NGUYỄN HƯƠNG
- **Bìa 4:** Ảnh: NHẬT THANH

In 500 cuốn, khổ 19 x 27cm tại Công ty TNHH In Hòa Nhơn - Số 6/6 Lê Khôi, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Giấy phép xuất bản số: 18/GP-XBĐS do Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 29/01/2024
In và nộp lưu chiểu tháng 2/2024

Đồng hành
cùng sự nghiệp chấn hưng văn hóa dân tộc

Năm 2023, Việt Nam đã bàn nhiều đến câu chuyện văn hóa, đã nói đến sự cấp thiết phải chấn hưng văn hóa. Đặc biệt, con số 350 nghìn tỷ đồng đề xuất cho mục tiêu "chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn 2025-2035" thu hút sự quan tâm của dư luận. Một bộ phận đặt câu hỏi về cơ sở của đề xuất, về sự thiết thực của chương trình trong giai đoạn kinh tế còn nhiều khó khăn, về hiệu quả mang lại; song đại đa số, đặc biệt là những người làm văn hóa, nghiên cứu, gắn bó với sự nghiệp văn hóa đều vui mừng và hy vọng. Vui mừng khi văn hóa đã thực sự được quan tâm, đầu tư nhiều hơn, như vốn dĩ cần phải có; hy vọng vào một tương lai tốt đẹp hơn - nơi những giá trị văn hóa được gìn giữ, tôn vinh, tỏa sáng. Và năm 2024 sẽ là năm chúng ta bắt tay vào hành động để hiện thực hóa những mục tiêu, những kỳ vọng. Năm 2024 sẽ là năm chúng ta quyết tâm tìm lại đúng vị trí cho văn hóa, không chỉ trên các văn bản, câu chữ, lời nói mà trong chính tư duy, hành động, việc làm cụ thể.

Câu hỏi mấu chốt được đặt ra là việc chấn hưng văn hóa nên bắt đầu từ đâu? Thiết nghĩ, không thể khác, chúng ta phải bắt đầu từ con người, phải vực dậy những giá trị đạo đức, tinh thần đang xuống cấp trong xã hội; phải khai mở nhận thức, tư duy để mọi công dân hiểu được vai trò, sức mạnh của văn hóa. Và, đặc biệt, phải "khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc", một mục tiêu xuyên suốt cũng là trọng trách lớn lao được giao phó cho ngành Văn hóa. Hôm nay, khi đất nước đứng trước nhiều thách thức; khi chính trị thế giới có nhiều biến động và diễn biến phức tạp, tác động lớn đến kinh tế - xã hội trong nước; khi lòng tự hào dân tộc đang có biểu hiện mai một, giảm sút trong một bộ phận người trẻ thì mục tiêu ấy, trách nhiệm ấy càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Bởi, lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc đã đưa đất nước Việt Nam nhỏ bé bước ra khỏi những tăm tối, cần lao, khổ đau để có được độc lập, tự do. Lòng tự hào dân tộc đã giúp chúng ta bước qua mọi khó khăn, thử thách và chiến thắng những kẻ thù hùng mạnh nhất để có được ngày hôm nay. Đó là sức mạnh, một thứ sức mạnh kỳ lạ mà bất cứ quốc gia nào muốn phát triển bền vững, muốn vươn lên phải biết gìn giữ, khai khác, phát huy. Để tự hào dân tộc ngấm sâu vào mỗi người thì không gì khác, chúng ta phải coi trọng việc giáo dục lòng tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ. Chúng ta phải xem đây là mục tiêu quan trọng và có chương trình, kế hoạch chi tiết, bài bản và cần được tiến hành nghiêm túc, thực chất, tránh hình thức hay chỉ mang tính hô hào, kêu gọi.

Song song với bảo tồn, vực dậy những giá trị tinh thần tốt đẹp của dân tộc, chúng ta cần có kế hoạch, chiến lược dài hạn cho ngành công nghiệp văn hóa. Đó là cách phát huy giá trị di sản, đưa văn hóa thực sự trở thành nội lực, thành sức mạnh mềm của dân tộc.

Bước vào năm 2024, ngành văn hóa Nghệ An sẽ có nhiều mục tiêu cần hoàn thành, nhiều việc phải làm. Đó là thực hiện tốt các nhiệm vụ hàng năm, góp phần cùng tỉnh nhà hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đặt ra trong năm nay như: Tốc độ tăng trưởng giá trị tổng sản phẩm (GRDP) đạt 9-10%; thu ngân sách nhà nước đạt 15.903 tỷ đồng; tỷ lệ làng, bản, khối phố văn hóa đạt 69,8%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa - thể thao đạt chuẩn đạt 79,3%; … Và quan trọng, chúng ta phải tích cực triển khai các chương trình, kế hoạch để đồng hành cùng sự nghiệp chấn hưng văn hóa dân tộc. Chúng ta phải làm sao để góp phần tăng "sức đề kháng" cho nền văn hóa dân tộc, để các giá trị văn hóa tốt đẹp không trở nên biến dạng, méo mo hay bị lấn lướt bởi những giá trị du nhập từ bên ngoài. Chúng ta phải đầu tư tương xứng cho văn hóa, nhất là trong đào tạo, bồi dưỡng người làm công tác văn hóa, nghiên cứu văn hóa. Hơn hết thảy, điều quan trọng hàng đầu và cần làm ngay lúc này là phải thay đổi nhận thức, tư duy và cách thức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; để công tác văn hóa không chỉ đồng nghĩa với những việc "cờ, đèn, kèn, trống", không chỉ là đôi ba chương trình nghệ thuật, một vài không gian trang trí,... Chúng ta cần làm sao để khơi dậy những phẩm chất, truyền thống tốt đẹp của người Nghệ trong lòng mỗi người dân Nghệ An hôm nay và mai sau.

Năm mới đến, chúng ta tin và mong, mỗi công dân, mỗi gia đình sẽ biết yêu và gìn giữ những giá trị văn hóa trong đời sống hàng ngày. Chúng ta tin và mong những giá trị tốt đẹp, đích thực sẽ được khơi dậy mạnh mẽ trong lòng dân tộc. Chúng ta tin những hành động dù nhỏ hôm nay sẽ góp phần đưa sự nghiệp chấn hưng văn hóa thành công!

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN

Các đại biểu xem trưng bày thơ xuân và câu đối Tết tại Trung tâm Văn hóa tỉnh Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

Tết đến, xuân về, cùng thưởng thức dòng câu đối "đặc biệt"

VŨ BA LAN

Mỗi năm Tết đến xuân về, báo chí lại nở rộ các câu đối mừng xuân, mừng Đảng quang vinh, mừng đất nước đổi mới và phát triển, mừng Nhân dân bước sang năm mới, ca ngợi công đức Tổ tiên, ông cha, suy ngẫm về đạo lý, nhân văn, lẽ sống làm người và khát vọng lớn lao của con người, ngợi ca cảnh đẹp của quê hương đất nước. Qua câu đối, tác giả bộc lộ tình cảm, ý chí, quan niệm của mình trước các sự việc, hiện tượng trong cuộc sống. Câu đối còn thể hiện sự nhạy bén, cảm nhận tinh tế, trí thông minh của tác giả trước hiện thực cuộc sống. Có thể nói, câu đối là một hình thức sinh hoạt văn hóa độc đáo và tao nhã của người Việt Nam.

Bên cạnh dòng câu đối *Ngợi ca* đã định hình và thường xuyên xuất hiện trên báo chí trên đây, vẫn còn có song song một dòng "*câu đối đặc biệt*"

là *phê phán, lên án những thói hư, tật xấu, những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và tệ nạn xã hội*. Đó là bọn tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, quan liêu, cửa quyền, xu nịnh. Các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, nghiện hút, ma túy, mại dâm, phim đen, sách đen, bói toán nhảm nhí, mê tín dị đoan…Tính chiến đấu và sức phê phán của dòng câu đối này được thể hiện rất tài tình qua nghệ thuật chơi chữ, tài sử dụng hình ảnh, so sánh, cường điệu, ẩn dụ, hoán dụ, đặc biệt là nghệ thuật nhân cách hóa…

Trong 12 con giáp, các tác giả đã tài tình khai thác triệt để các đặc tính, hình ảnh, bản chất của từng con vật để gán cho các loại người cần lên án và phê phán. Đó là đặc điểm bao trùm của dòng câu đối này.

Năm Canh Tý đã qua, năm Tân Sửu đến, tác giả Vũ Tú Nạc có câu đối sử dụng hình ảnh xấu "Mặt Chuột" và "Đầu Trâu" trong câu đối sau đây để nói về cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực của con người:

Canh Tý qua, vẫn tiếp tục tuyên chiến bài trừ loài "Mặt chuột"

Tân Sửu đến, luôn kiên trì đấu tranh loại bỏ lũ "Đầu Trâu".

"Năm Tý qua, bọn tham nhũng ra tòa, "cháy nhà ra mặt chuột"!

Năm Sửu tới, người hảo tâm không "Trâu buộc ghét trâu ăn"!

(Tú Đặng - Xuân Đinh Sửu - 1997)

Năm Sửu, năm con trâu, nó là đầu cơ nghiệp của nhà nông, thế mà các tác giả vẫn khéo léo khai thác, viết lên nhiều câu đối phê phán tuyệt hay:

Năm Sửu qua, thằng gian, thằng lận, ăn béo như trâu quen thói "đầu trâu"

Năm Dần đến, quan nhũng, quan tham, ăn như hổ càng vênh "mặt hổ"

(**Nguyễn Tài Đại - Xuân 1998**)

Các tác giả cũng đã nhờ sức mạnh của Trâu và Hổ để nói lên ý chí của mình trong đấu tranh chống tiêu cực:

Tiễn năm Sửu, Trâu đi húc bạt mạng lũ ma túy, ma cô, cùng ma mãnh

Đón năm Dần, Hổ về vồ sạch trơn phường tham ô, tham nhũng với tham quyền!

(Hoàng Nghĩa Phượng - Xuân 1998)

Tiễn năm Dần, khen công Hổ vồ lắm kẻ tham ô, hối lộ!

Đón năm Mão, thưởng sức Mèo chụp nhiều tên móc ngoặc, ô dù!

(**Duyên Hải - Xuân kỷ Mão - 1999**)

Mời bạn đọc thưởng thức đôi câu đối của hai tác giả Nguyễn Sỹ Cẩn và Trần Hải Đường sáng tác năm Quý Mùi - 2003 sau đây:

Tiễn năm Ngọ, tống khứ tiêu cực, tham ô đi theo vó ngựa!

Đón Tết Mùi, hoan nghênh kinh doanh, sản xuất, không treo đầu dê!

Tiễn năm Ngọ, xây dựng kỷ cương, luyện phong cách nói thẳng thừng ruột Ngựa!

Đón tết Mùi, bài trừ tệ nạn, bỏ hết trò treo lủng lẳng đầu Dê!

Tệ nạn xã hội là đối tượng để câu đối "Tuyên chiến" với nó. Tiêu cực và tệ nạn xã hội đang hàng ngày tàn phá cơ thể sống lành mạnh của đất nước. Bên cạnh sức mạnh của luật pháp, kỷ cương, có sức mạnh của lòng dân, báo chí, văn học, nghệ thuật…Câu đối phê phán đã góp phần nhỏ trong cuộc "Gạn đục, khơi trong", góp phần làm trong sạch và lành mạnh xã hội. Xin điểm qua những câu đối hay:

Ma túy sát nhân, vui Tết giữ mình, đừng nghiện ngập!

Siđa diệt chủng, chơi xuân phòng bệnh, chống tà dâm!

(**Nguyễn Cảnh Em - Xuân 1995**)

Đẩy lùi bọn nghiện ngập bê tha, để khỏi lo nhà tan cửa nát!

Quét sạch bọn dâm ô, trụy lạc, là không sợ phận hỏng, duyên hư!

(**Cụ Hùng Sinh - Xuân 1995**)

Tiễn năm Hợi, ngăn chặn phim heo, sách độc, ảnh đen, làm tâm hồn dơ bẩn

Đón năm Tý, bài trừ thói chuột, bia ôm, nhạc sex, làm lối sống suy đồi!

(**Nguyễn Văn Chương - Xuân 1996**)

Trưng bày câu đối Tết tại Đường hoa xuân TP. Vinh - Ảnh: Ngọc Mai

Tác giả Tú Nhốp có câu đối hay phê phán tệ nạn bia rượu, cờ bạc bê tha khi Tết đến xuân về như sau:

"Bia chục thùng, rượu vài can, Tết lãng phí khiến buồn nghĩa Tết

Bài suốt tuần, chơi suốt tháng, Xuân bê tha thêm khổ đời xuân".

(Tác giả: **Tú Nhốp**)

Vui xuân, cờ bạc quen thân, lâm cảnh nợ nần tong vị Tết.

Đón Tết, rượu say bê bết, chuốc cơn mỏi mệt hết hương xuân.

(Tác giả: **Thợ Xây**)

Nghiện cơm đen, đen mệnh, đen lòng, đen sự nghiệp!

Say chất trắng, trắng tay, trắng mắt, trắng tiền đồ!

(**Vũ Đình Thi**)

Với câu chữ hùng hồn, lời văn khảng khái, ý tứ sâu xa, mục đích cuối cùng của dòng câu đối này cốt để xây dựng một xã hội trong sạch, lành mạnh, công bằng, văn minh, đề cao Chân - Thiện - Mỹ, gửi gắm nguyện vọng và ý chí của quần chúng nhân dân. Vì thế được Nhân dân rất yêu thích, lưu truyền rộng rãi mà chúng ta thường gọi là "Câu đối truyền miệng"…

Nhân dịp tiễn năm Quý Mão, đón Tết Giáp Thìn 2024, để kết thúc bài viết này, mời các bạn thưởng thức câu đối dưới đây của cố tác giả Nguyễn Tài Đại, đã mượn hình ảnh của Mèo và Rồng để nói lên ý chí, sức mạnh và nguyện vọng của con người trong đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực:

"Xuân Đinh Mão, mèo mở mắt xanh, bầy đục khoét sợ xanh mang, tím mặt

Tết Mậu Thìn, Rồng dương vuốt bạc, lũ gian tham lo bạc mắt, vàng tròng"

Chơi hoa ngày Tết

Nét văn hóa trong phong tục đón Tết cổ truyền của dân tộc ta

ĐOÀN MẠNH TIẾN

Tết Nguyên đán là khởi đầu một năm mới với những điều tốt đẹp nhất. Đây là ngày lễ quan trọng nhất trong văn hóa của người Việt. Trong ngày Tết cổ truyền này, có những phong tục tập quán đã được lưu truyền từ xa xưa cho đến tận bây giờ và dần dần trở thành nét đẹp trong văn hóa ngày Tết của người Việt.

1. Cúng ông Công, ông Táo: Theo quan niệm truyền thống của người Việt, hàng năm cứ vào ngày 23 tháng Chạp (âm lịch) là ngày mà ông Táo, ông Công lên thiên đình để báo cáo với Ngọc Hoàng mọi việc trong gia đình nhà chủ một năm qua. Vì vậy, vào ngày này, nhà bếp thường được dọn dẹp sạch sẽ và người trong gia đình làm một mâm cơm cúng ông Công, ông Táo để tiễn ông về chầu trời, trong nghi lễ này thường có mũ, áo mã bằng giấy và một hoặc ba con cá chép vàng được thả trong một chậu nước để ông Táo cưỡi về trời...

Theo quan niệm của cha ông ta thì ông Táo chính là người đại diện cho sự ấm no, hạnh phúc của một gia đình,

Gói bánh chưng, bánh tét ngày Tết

gia đình ấy có sung túc, no ấm, hạnh phúc hay không là phụ thuộc vào bữa cơm gia đình. Vì vậy, việc cúng ông Táo, ông Công trong ngày Tết cũng chính là hình ảnh biểu tượng cho sự êm ấm, hạnh phúc của một gia đình, mong muốn sang năm mới sẽ càng hòa thuận hạnh phúc hơn.

2. Đi thăm mộ Tổ tiên: Trong thời gian từ ngày 23 đến 30 tháng Chạp hàng năm, con cháu trong gia đình chọn một ngày để đi thăm và quét dọn phần mộ Tổ tiên. Trong ngày đó, gia đình thường mang hương, hoa quả đến cúng và mời vong linh Tổ tiên về nhà ăn Tết với gia đình. Đây là một phong tục phổ biến của tất cả người Việt Nam, thể hiện lòng hiếu đạo, sự thành kính đối với đấng sinh thành và những người đã mất, đây cũng chính là thể hiện tình cảm "uống nước nhớ nguồn", một đạo lý truyền thống của dân tộc Việt Nam.

3. Dọn nhà: Vào những ngày giáp Tết, người Việt thường có thói quen dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, vứt bỏ những đồ cũ không dùng đến, sắm sửa những cái mới với ý nghĩa mong muốn một năm mới tất cả những điều không tốt của năm cũ đều được xóa bỏ, đón chào những cái mới, những cái may mắn trong năm sắp đến.

4. Gói bánh chưng, bánh tét: Hàng năm cứ vào khoảng 27, 28 hoặc 29 Tết, các thành viên trong gia đình đều ngồi quây quần bên nhau gói bánh chưng, bánh tét, các gia đình ở miền Bắc thường gói bánh chưng hình vuông, còn ở miền Nam gói bánh tét hình trụ, tuy hình dáng của bánh khác nhau nhưng nguyên liệu để gói bánh thì hoàn toàn giống nhau, trong đó nếp là nguyên liệu chính.

5. Chơi hoa ngày Tết: Trong những ngày Tết, mỗi gia đình không thể thiếu hoa. Các gia đình ở miền Bắc thường chọn cây đào hoặc cây quất để trang trí trong nhà, họ quan niệm rằng hoa đào màu đỏ là tượng trưng cho sự may mắn, còn cây quất có nhiều quả thì sẽ càng nhận được nhiều lộc trong năm mới. Còn miền Trung và miền Nam thường chọn cành mai vàng tượng trưng cho sự cao sang, là biểu tượng cho sự phát triển, thăng tiến. Tuy mỗi miền chọn màu sắc hoa khác

nhau nhưng nét chung đều tượng trưng cho sự may mắn, hạnh phúc, thịnh vượng, giàu có của gia đình.

6. Đi chợ Tết: Khác với chợ ngày thường, chợ Tết bao giờ cũng nhộn nhịp, tấp nập, đông vui hơn hẳn. Người đi chợ Tết không chỉ để mua sắm những đồ dùng, thực phẩm thiết yếu trong ngày mà còn để gặp mặt nhau, trò chuyện vui vẻ, tận hưởng cái không khí ngày giáp Tết.

7. Bày mâm ngũ quả: Trong những ngày Tết, mâm ngũ quả là thứ không thể thiếu được trên bàn thờ Tổ tiên. Tùy theo vùng miền mà có những loại quả khác nhau, nhưng trên bàn thờ Tổ tiên lúc nào cũng phải đầy đủ ngũ quả với mong muốn cầu cho một năm mới bình an, may mắn, hạnh phúc, an khang, phú quý; cầu mong một năm mới sẽ đầy đủ, sung túc hơn.

8. Làm lễ cúng Tổ tiên: Theo phong tục của người Việt Nam, trong mỗi gia đình đều có bàn thờ Tổ tiên; cuối năm, mỗi gia đình đều lau dọn bàn thờ để chuẩn bị đón Tết. Đến chiều 30 Tết, thức ăn và trái cây được xếp lên bàn thờ dâng lên Tổ tiên. Đây cũng chính là việc làm thể hiện giá trị nhân văn, đạo đức, lối sống của người Việt, nhắc nhở con cháu phải biết giữ gìn đạo lý của gia đình "uống nước nhớ nguồn".

9. Đón giao thừa: Đây là thời điểm chuyển giao giữa năm cũ và năm mới, là thời khắc thiêng liêng đất trời giao hòa. Việc đón giao thừa được diễn ra vào thời khắc cuối cùng của năm cũ, bởi vậy việc này còn có ý nghĩa là đem bỏ hết những điều xấu của năm cũ để đón những điều tốt đẹp của năm mới.

10. Hái lộc: Vào đúng thời khắc đêm giao thừa hoặc vào buổi sáng mùng 1 Tết, người Việt thường có thói quen đi hái lộc đầu năm mới với mong muốn rước lộc về nhà, để đón một năm mới thật nhiều may mắn, mùa màng bội thu...

11. Xông đất đầu năm: Vào thời điểm giao thừa kết thúc, bước sang một năm mới thì gia chủ thường chọn người đầu tiên bước vào nhà mình trong năm mới, đó phải là người hợp tuổi với gia chủ, là người có gia đình hạnh phúc, hiền lành, bao dung, đức độ, làm ăn phát đạt. Sở dĩ phải chọn người xông đất như vậy là để gia chủ mong muốn một năm mới mọi điều đều tốt đẹp, thuận lợi.

12. Xuất hành: Vào ngày mùng 1 Tết, mọi người thường chọn giờ, chọn hướng để lần đầu tiên ra khỏi nhà trong năm mới với mong muốn bước sang một năm mới tất cả đều thuận lợi, cả năm gặp điều tốt lành, may mắn...

13. Chúc Tết và lì xì đầu năm: Nét văn hóa này đã có từ thời xa xưa, việc chúc Tết không chỉ là truyền thống mà còn là một nét đẹp văn hóa trong ngày Tết. Ngày mồng một Tết, mọi người trong gia đình thường cùng nhau đi chúc Tết bên nhà nội, nhà ngoại, rồi chúc Tết bà con, họ hàng... Tiền mừng tuổi (lì xì) ít hay nhiều không quan trọng mà ý nghĩa của nét văn hóa ấy là tượng trưng cho tài lộc, cho sự may mắn của cả người cho lẫn người nhận.

14. Đi lễ chùa đầu năm: Đây được coi là một trong những nét đẹp văn hóa tâm linh của người Việt Nam, đầu năm mọi người thường đi chùa với mong muốn cầu cho một năm mới may mắn, bình an, hạnh phúc. Đi lễ chùa đầu năm còn tạo cho bản thân mình thanh tịnh hơn, gọt rửa những điều cũ để bắt đầu một năm mới với những điều may mắn, tốt đẹp.

15. Xin chữ đầu năm: Hàng năm, cứ vào dịp đầu xuân, năm mới, mọi người lại rủ nhau đi xin chữ đầu xuân để về treo trong nhà với mong muốn cầu cho những điều tốt đẹp nhất sẽ đến với gia đình, người thân của mình. Từng nét chữ hiện ra, may mắn càng đong đầy hơn, cả người cho chữ và người xin chữ đều nhận được lộc đầu hăm, mỗi người xin một chữ khác nhau với những mong muốn khác nhau, nhưng tất cả đều mong một năm mới mọi sự đều tốt lành, gia đình, con cái hòa thuận, êm ấm, hạnh phúc, đạt được thành công trong cuộc sống, trong sự nghiệp.

Ngày nay, việc xin chữ ngày càng phổ biến, nó trở thành một nét đẹp trong truyền thống văn hóa của người Việt khi Tết đến, xuân về.

Tranh ảnh Tết, góc khuyết trong Tết nay

HỮU VINH

Tranh Đông Hồ vẽ đàn gà với lời chúc gia tộc sung túc, nhiều con cháu. Hình ảnh này cũng tượng trưng cho cảnh con cháu sum vầy

Trước đây, mỗi khi Tết đến xuân về, cùng với thịt mỡ dưa hành, bánh chưng xanh, tràng pháo đỏ, trong nhà mỗi người dân Việt Nam thường có một vài bức tranh, ảnh Tết. Tranh ảnh Tết ở nước ta mỗi thời kì sẽ có sự khác nhau về nội dung, đề tài, chất liệu… tuy nhiên, tranh ảnh Tết thì thời nào cũng có chung đề tài đó là: ngũ quả; tùng, cúc, trúc, mai; tứ bình, long, ly, quy, phượng; các loại hoa; phong cảnh… Càng về sau, tranh ảnh Tết càng được in ấn phong phú, đa dạng và bắt mắt.

Trong đời sống văn hóa nước ta, tranh Tết đã có tự xa xưa. Bên cạnh tranh thủy mặc, tranh chạm trổ xà cừ, tranh sơn son thếp vàng trong các nhà quyền quý còn có tranh bình dân. Tranh bình dân gồm những dòng tranh dân gian như: Đông Hồ, Hàng Trống, làng Sình… đây là những dòng tranh phổ biến, có chất liệu đơn giản, thường được in trên giấy dó. Tranh được in hàng loạt bằng các khuôn khắc gỗ. Chính vì vậy, tranh dân gian không đa dạng về đề tài, màu sắc cũng như nội dung. Thế nhưng, tranh dân gian lại có cả đề tài cao quý lẫn đề tài đời thường như: Lý ngư vọng

nguyệt; tùng, cúc, trúc, mai; long, ly, quy, phượng; đám cưới chuột; hứng dừa, các loại hoa… Một ưu điểm khác nữa của tranh dân gian là giá thành rẻ, phù hợp với túi tiền của người lao động, phù hợp với thị hiếu thẩm mĩ cũng như nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân.

Những năm 80, 90 của thế kỷ trước, vào các phiên chợ gần Tết, đặc biệt là chợ Tết (phiên cuối cùng của năm cũ) không mấy ai bỏ qua hàng tranh ảnh, câu đối Tết. Mỗi gia đình, không kể nhà tranh hay nhà ngói, ai cũng muốn sắm cho mình một bức tranh Tết căng ra trang trí cho căn nhà thêm phần sang trọng và ấm cúng. Những năm 80, tranh ảnh Tết thường được in trên những chất liệu giấy cứng nhưng cũng không đẹp lắm. So với bây giờ, giấy thời ấy chưa đủ trắng, không dày, không bóng, màu sắc cũng không tươi và đa dạng. Sau này, khi công nghệ in phát triển, rồi hàng hóa Trung quốc thâm nhập vào Việt Nam thì có tranh ảnh được sản xuất tại Trung Quốc với giấy ni lông bóng láng, hình ảnh rất sắc nét. Có lẽ thương nhân Trung Quốc rất hiểu văn hóa Việt Nam bởi sự tương đồng văn hóa hai nước nên các loại tranh Trung Quốc cũng có đề tài gần gũi với tranh Tết người Việt như cảnh thiên nhiên, ngũ quả, hoa, cuốn thư… Tranh ảnh Việt thời điểm này cũng đa dạng không kém, chủ yếu là những tờ lịch bản lớn, kích thước khoảng 50cm x 80cm hoặc 60cm x 100 cm. Thời điểm này tranh ảnh có thêm nhiều đề tài, hình ảnh cũng đa dạng hơn so với trước đây như: người đẹp áo dài, biệt thự, vườn

Là một trong những bức tranh tiêu biểu của dòng tranh Hàng Trống, bức "Cá chép trông trăng" rất được ưa chuộng để treo trong nhà ngày Tết với mong ước thịnh vượng. Đặc biệt nhà nào có con cháu đang trong tuổi học hành thi cử lại mang thêm ý nghĩa cầu công thành danh toại.

hoa, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử - văn hóa, cảnh nước ngoài…

Các bức tranh, ảnh được dán bằng cơm lên vách nhà tranh. Với tường nhà thì người ta gấp giấy làm lòng đèn đè lên mép bức tranh rồi đóng 4 chiếc đinh ở 4 góc tranh, nếu tranh to thì dùng từ 6 đến 8 chiếc đinh. Chính vì vậy, nhà nào nhà nấy vì treo tranh mà tường nhà nham nhở các vết đinh. Nói vậy để thấy rằng, một thời chúng ta thưởng thức nghệ thuật như thế, đơn giản, không cầu kì phô trương nhưng cũng đầy thi vị.

Họa sĩ Nguyễn Đình Truyền, người có thời gian vẽ trang trí cho Công ty Vật phẩm văn hóa Nghệ Tĩnh cho biết: Năm xưa, không khí chơi tranh Tết tấp nập lắm. Vào những dịp giáp Tết, đi ra đường là thấy các hiệu sách, các cửa hàng tạp hóa trưng ra những tranh ảnh Tết, câu đối, cuốn thư với những màu xanh, đỏ, tím, vàng… rực rỡ. Họa sĩ Nguyễn Đình Truyền kể tiếp: khoảng những năm 80, 90, cứ mỗi dịp trước tết, tôi và một số họa sĩ được các công ty in, công ty vật phẩm văn hóa đặt hàng vẽ trang trí cho những kiểu mẫu câu đối, cuốn thư, tranh ngũ quả, tranh lộc bình… Chúng tôi vẽ phác họa trên một bản thảo có kích cỡ tương đương với sản phẩm khi in ra. Kích thước thường là 1,2m x 0,25m, cũng có khi kích thước là 1,4m x 30 để in 02 cặp câu đối. Sau khi họa sĩ vẽ xong thì nhân viên kĩ thuật can một lớp giấy bóng mờ rồi in ra. Để cho ra đời một sản phẩm tranh, ảnh tết đẹp sẽ mất khá nhiều công đoạn nhưng các bước chính cơ bản là thế.

Tranh ảnh Tết làm cho một góc chợ từ quê đến phố trở nên rực rỡ. Trong bối cảnh xã hội xưa không nhiều những vật phẩm trang trí giá trị, có lẽ tranh ảnh Tết là một trong những mặt hàng "quý phái" nhất.

Một họa sĩ khác cũng có thời gian khá dài tham gia vào thị trường tranh ảnh Tết năm xưa là họa sĩ Hồ Thiết Trinh, ông kể: Trong khoảng thời gian những năm đầu thập kỷ 80, khi ông mới về công tác tại Nhà Xuất bản Nghệ Tĩnh thì phong trào chơi tranh Tết của dân ta rất sôi động. Mỗi năm, Nhà Xuất bản Nghệ Tĩnh in ra hàng vạn sản phẩm tranh ảnh Tết, cuốn thư, câu đối… bán đi khắp nơi trong và ngoài tỉnh. Khoảng tháng 7 hàng năm là Nhà Xuất bản đã chuẩn bị màu và chế bản, khoảng tháng 9 tháng 10 bắt đầu in, tháng 11 thì tiếp tục in và đưa ra thị trường. Đến tháng 12 thì công việc in ấn cũng như phân phối các sản phẩm văn hóa Tết bước vào giai đoạn cao trào. Trước Tết chừng một tháng, các anh chị em cán bộ nhân viên Nhà Xuất bản thường xuyên phải có mặt ở chợ Vinh để phân phối sản phẩm. Tại đây, các tiểu thương ở Vinh tranh nhau mua hàng, những người kinh doanh từ các huyện và ngoài tỉnh cũng đổ về lấy hàng. Tuy nhiên, từ năm 2010 về sau thì hoạt động sản xuất kinh doanh tranh ảnh Tết của Nhà Xuất bản Nghệ An đã không còn nhộn nhịp như trước nữa. Nhu cầu chơi tranh Tết, ấn phẩm văn hóa Tết của dân giảm đi rõ rệt.

Không biết chính xác từ bao giờ thú chơi tranh ảnh Tết của Nhân dân ta mai một rồi dần mất hút. Có lẽ, trong xã hội hiện nay những người đam mê chơi tranh thì vẫn chơi quanh năm chứ không riêng gì dịp Tết. Vả lại, những bức tranh hiện nay có thể treo từ năm này qua năm khác nên người ta không còn nữa cái háo hức đi mua tranh mỗi dịp Tết đến xuân về. Nhớ lại một thời, đời sống vật chất của Nhân dân ta có thể nghèo nhưng đời sống tinh thần thì vô cùng phong phú. Thú chơi tranh ảnh Tết muôn đời vẫn là một thú chơi thanh nhã cần được phát huy.

Chợ Vinh xưa

Điểm bán hoa

Nhớ chợ Tết xưa

DƯƠNG VĂN KỲ

Tôi đã đọc được ở đâu đó câu: "Đối với tuổi trẻ thì ngày ngắn năm dài, còn với tuổi già thì ngày dài năm ngắn". Thật tài tình. Đối với tuổi tôi bây giờ ngày chưa đến nỗi quá dài nhưng năm thì đã ngắn lắm. Quay đi quay lại đã hết năm, tuổi tác cứ chồng chất mãi lên đầu mà hầu như đã làm được gì đâu. Chẳng bù cho thời trẻ, ngày ngắn lắm còn năm thì thật là dài, mà hình như ta càng trẻ thì điều này càng đúng. Bây giờ ngồi ngẫm lại tôi có cảm giác còn nhớ như in những ngày tuổi thơ ấy. Đã chơi được gì đâu, mới chạy vài vòng chong chóng, nhảy xuống sông vùng vẫy một hồi rồi một trận đá bóng dở dang chưa thỏa mãn bóng chiều đã ập xuống, hết ngày. Nhưng mà năm thì thật là thăm thẳm, chỉ trông hè trong tết thôi cũng đã đủ sốt cả ruột, thấy tháng ngày sao mà dài thế. Qua Tết bước vào học kỳ hai là trông sao cho đến hè, qua hè bước vào năm học mới là nôn nao những ngày trông Tết đến. Nhưng càng trông, càng sốt ruột, càng thấy lâu. Bắt đầu từ đầu tháng chạp, lũ chúng tôi chờ Tết đếm từng ngày: còn hai mươi chín ngày... còn hai mươi lăm ngày... hai mươi

ngày... mà ngày tháng thì cứ như ỳ ra, có chịu đi nhanh nhanh cho đâu. Có điều trông mãi rồi cũng đến Tết. Tết để được ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn và nhất là để được... đi chợ Tết.

Ngày nhỏ, năm nào cũng thế, cứ đến đầu tháng chạp là tôi lại "dạm" mẹ tôi: "Năm ni mẹ cho con đi chợ Tết với nha mẹ". Và năm nào bà cũng từ chối, khi thì: "con còn nhỏ quá, đi chợ Tết người ta dậm bể bụng mất...", khi thì: "Mẹ lo mua bán con đi lạc thì mẹ mần răng kiếm...", khi thì: "Năm ni trời mưa rét lắm thôi để sang năm đi...". Mãi đến năm mười một tuổi tôi mới được mẹ dẫn đi chợ Tết lần đầu tiên. Tôi nhớ đó là phiên hăm ba tháng chạp, phiên đông vui nhất của chợ Tết. Khỏi phải nói tôi náo nức đến chừng nào, nhất là đêm hăm hai áp ngày phiên. Hết lật tới lật lui, lòng lo sợ lỡ sáng mai ngủ quên mẹ đi mất, tôi lại giở ra đếm đi đếm lại, không biết lần thứ mấy, hơn hai đồng bạc có được do dành dụm từ lâu (thực ra dù tiền ngày ấy có giá thì một bánh pháo "tép" cũng đã mất một đồng rồi). Khuya khuya, không biết bà tôi lần từ đâu ra, đưa cho tôi tờ bạc một đồng nhàu nát "bà cho đồng bạc. mai đi chợ Tết với mẹ". Tôi càng mừng lắm như là được cả một gia tài vậy... Nhưng trằn trọc mãi rồi tôi cũng thiếp đi lúc nào không hay...

Tôi nhớ ngày xưa ở chợ Vinh, không khí chuẩn bị Tết đã bắt đầu từ những ngày đầu tháng chạp. Hàng hóa từ khắp nơi đổ về chợ bằng ô tô, bằng thuyền, bằng xe ngựa, xe thồ, gánh rồi lại kìn kìn từ chợ ra đi cũng trên những phương tiện ấy. Xa thì Hà Nội, Nam Định, Thanh Hóa, Quảng Bình, Hương Sơn, Hương khê... gần thì Hưng Nguyên, Nghi Lộc, Diễn Châu... rồi Cửa Rào, Mường Xén, Phủ Quỳ... Nào gạo, nếp, đậu xanh, lạc mật, cam quýt, cho đến lá dong, lạt giang (để buộc bánh...). Không khí chợ Tết cứ tăng dần, tăng dần cho đến khoảng giữa tháng thì không còn phân biệt ngày thường và chợ phiên nữa. Tuy nói thế nhưng ngày đông vui nhất, nhộn nhịp nhất của chợ Tết vẫn là ngày phiên hăm ba tháng chạp. Sau hăm ba thì chợ bớt sôi động dần vì đã cận ngày rồi, những chuyến hàng đi tỉnh xa không còn kịp nữa. Không khí của chợ cứ giảm dần cho đến phiên hăm tám thì trở lại cái không khí của những ngày phiên bình thường trong năm vì lúc này hàng về các huyện trong tỉnh hầu như cũng đã chuyển hết. Chợ chỉ còn phục vụ cho những người vì lý do nào đó phải chuẩn bị Tết muộn mần trong thành phố và những vùng lân cận chung quanh...

Sáng sớm, tôi xúng xính trong bộ quần áo mới, chạy lon ton bên mẹ. (ngày ấy trẻ con được may cho một bộ đồ mới là mừng tưởng có thể lớn lên được, chả thế mà đã có câu thành ngữ: "Già được bát canh, trẻ được manh áo mới" đó sao? Mà những năm ấy đồ mới chỉ có thể được may vào dịp Tết thôi). Trời lây rây mưa bụi, những hạt mưa nhỏ xíu bám đầy đầu tóc tôi rồi rơi xuống cổ làm tăng thêm cái lạnh của buổi sáng cuối đông. Không hiểu sao mẹ tôi nói: "Năm nay trời thuận đây...". (Về sau này khi lớn lên tôi mới hiểu rằng năm nào Tết mà trời mưa rét thì ít bệnh tật đau ốm, người ta gọi là thuận trời, năm nào Tết mà không mưa, nắng ấm thì nhiều bệnh tật là trời nghịch). Ngoài đường những đứa trẻ lứa tuổi tôi theo mẹ đi chợ Tết cũng đông lắm. Đứa nào cũng quần áo mới, mặt mày tươi tỉnh rạng rỡ, hơn hớn như đi dự hội vậy. Mà ngày ấy ở lứa tuổi ấy chúng tôi đã biết hội hè gì đâu chỉ được đi chợ Tết là mừng lắm rồi. Càng gần tới chợ tiếng râm ran của những phong pháo tép, những tiếng "đùng đoàng" của những chiếc pháo "đùng" càng làm tôi (và những đứa trẻ như tôi đang đi chợ) thêm nôn nao rốt ruột, tôi luôn miệng dục mẹ:

- Mẹ, mau lên mẹ...

Mẹ tôi cười:

- Từ từ thôi, có ai khiêng mất chợ của con đi mà sợ...

- Nhưng người ta bán hết pháo thì răng?

Nghe thế các bà các chị đi chợ quanh mẹ con tôi đều bật cười, cái cười nửa như chế diễu, nửa như bao dung đối với sự dại khờ của một đứa trẻ lần đầu tiên đi chợ Tết.

Vào tới chợ, tất cả như ùa ra trước mắt tôi. Tôi chưa từng thấy một nơi nào đông đúc, đẹp và rực rỡ như phiên chợ Tết. Không thấy đâu những mặt hàng ngày thường như lá nón, củ nâu, áo tơi, bồ cót... nữa, chỉ toàn là những mặt hàng dùng cho Tết. Để gói bánh chưng thì có gạo nếp, đậu xanh, lá dong, có lẽ gạo nếp, đậu xanh, lá dong chiếm đến phân nửa chợ và nếu nói ngoa lên một chút thì có thể nói "trên thì trời dưới thì có gạo nếp, đậu xanh và lá dong". Rồi cam quýt, bưởi chất thành từng đống cao như núi để bán cho người ta mua về chưng thành mâm ngũ quả, rồi thì thịt lợn, gà, vịt, thịt bò, hành củ, xu hào, bắp cải...rồi miến gạo, miến dong... Những thứ này từ khắp nơi đổ về chợ Vinh rồi lại từ chợ Vinh đi khắp nơi. Nhưng mua bán, hàng họ, đồ ăn thức uống cho ngày Tết là chuyện của người lớn, chúng tôi không quan tâm. Chúng tôi còn những mối quan tâm khác, quan trọng hơn nhiều: trò chơi và đồ chơi.

Tôi kéo mẹ chen lấn đi đến khu vực bán pháo cho bằng được. Đây có lẽ là khu vực tập trung đông lũ trẻ chúng tôi nhất chợ: nào là pháo tép nổ lên từng tràng tiếng tạch tạch, nào là pháo "chuột" có thể lủi khắp nơi, vào cả những đứa trẻ đang xem pháo và mua pháo, làm chúng chạy dạt ra nhưng miệng lại cười ré lên thích thú; nào là pháo "đùng", sau một tiếng nổ vang trời là những mảnh xác pháo đỏ trắng bay tung lên rồi phất phơ như những cánh hoa rơi xuống áo người đi chợ; nào là những "cối" pháo cối to như

Niềm vui của con trẻ khi đi chợ Tết

những cái mâm con (ấy là trong cảm nhận của tôi hồi ấy); nào là pháo "thăng thiên", thỉnh thoảng lại bay vọt lên trời để lại phía sau một tia khói mảnh trước con mắt ngưỡng mộ của lũ trẻ... thôi thì đủ cả. Tiếng pháo Tết của ngày xưa sao mà vui thế...

Người dân Việt vốn có đời sống hướng nội, hiền lành chăm chỉ làm ăn, lầm lũi nhẫn nhục, chịu đựng, quanh năm quanh quẩn với hè nhà xó bếp. Chỉ có ba ngày Tết là có dịp hướng ngoại: trưng diện quần áo mới, mời nhau ăn uống, thăm hỏi nhau, rồi hội hè, đình đám... Họ ồn ào lên một chút trong những ngày Tết để rồi lại trở về với đời sống thường nhật: vất vả. lầm lũi, chịu đựng... Tiếng pháo là đỉnh cao của sự hướng ngoại trong mấy ngày Tết của người dân Việt. Nó lấp bớt (dù không thể làm đầy) những thiếu thốn trong đời sống tinh thần của họ. Nó là tiếng "keng" vang lên khi chạm cốc trong những tiệc rượu khi mà mắt đã được nhìn, tay đã được cầm, mũi đã được ngửi, lưỡi đã được nếm thì tai cũng phải có phần của nó... Thế mà... Ôi! Bao giờ cho đến ngày xưa?!...

Mấy lần mẹ kéo tôi đi theo mà không được, bà đành bảo: "Con cứ ở đây rồi khi mô chơi chán thì ra đầu cửa chợ, chỗ mấy ông bán tranh và câu đối chờ mẹ, coi chừng lạc nha...". Lạc thế nào được, mẹ không biết tuy là lần đầu đi chợ Tết nhưng trong năm đó đã vài lần bạn bè rủ tôi trốn học đi chợ phiên với chúng. Nghĩ là nghĩ thế nhưng tôi vẫn thấy hơi ghê ghê, đông người quá, biết có chen được mà ra không... Lâu lắm tôi mới rời hàng pháo sau khi đã mua

một phong pháo tép, một chục pháo chuột và một chục pháo đùng. Chục pháo chuột bỏ túi, tôi cầm phong pháo tép và chục pháo đùng đã được buộc lại lếch thếch đi sang các hàng khác. Nào là hàng rối dây (tôi tạm gọi thế vì đã trót quên mất tên nó mất rồi) với những Tôn Ngộ Không, Trư Bát Gới, Triệu Tử Long...làm bằng những đốt trúc ngắn, tay cầm gậy sắt, đinh ba, giáo, gươm... được buộc vào một cái cần làm bằng một thanh tre vót mỏng, phía trên có một miếng bìa hình tròn để hứng gió, mỗi khi có gió các con rối lại múa tít các thứ vũ khí đang cầm tay trông đẹp vô cùng. Nào là hàng bán con giống, tò he mà không hiểu sao dân xứ Nghệ chúng tôi hồi ấy quen gọi là "cu cò".

Thực ra ở các phiên chợ thường nhiều khi vẫn bán cu cò mà thỉnh thoảng mẹ vẫn mua cho tôi vài con, nào là con gà trống đang vươn cổ gáy, nào là ông tướng cưỡi ngựa cầm gươm... chơi chán thì bẻ cổ đút vào bếp, nướng lên thế là có thêm một món ăn ngon đáo để (thuở ấy có mấy khi có quà bánh để ăn đâu). Nhưng ở phiên chợ Tết nhiều hàng cu cò hơn, các loại con giống phong phú hơn và đẹp hơn (như cách nói bây giờ là "mẫu mã đa dạng hơn") phiên chợ thường nhiều lắm. Rồi đến hàng hoa giấy với đủ loại, dủ màu sắc sặc sỡ.

Ngày trước chợ Tết ở Vinh không có bán hoa. Đất nghèo, lo ngày hai bữa cho đủ còn khó thì lấy đâu ra mà chơi hoa với cảnh. Ấy là nói hoa tươi hoa thật chứ còn hoa giấy, hoa giả thì cũng có bán nhiều: Dân nội thành thì đã có hoa mậu dịch bán, dân các vùng về đi chợ thì đã có người bán từ các nơi khác về: một cái sào tre cao quá đầu người được vấn rơm từ đoạn giữa trở lên, trên đó người ta cắm những bông hoa giấy đủ loại, đủ màu sắc, khi có người mua thì người bán tùy tiền mà rút lấy mấy bông trao cho. những bông hoa làm bằng giấy hồi ấy đơn giản vô cùng, thậm chí có thể nói là thô thiển nữa. Đơn giản và thô thiển từ chất liệu, cách làm đến màu sắc, chủng loại chứ không đẹp và tinh tế như các loại hoa giả bây giờ. Tuy vậy vì là ngày Tết nên người ta cũng mua về cắm cho vui nhà. Nói vui một chút nhưng là cảnh thật của không ít nhà hồi ấy: hoa giấy còn có thêm một cái lợi nữa là nếu Tết sang năm quên hoặc không có tiền mua hoa thì những cành hoa cũ còn đấy đem xuống chùi bụi đi là ta đã có hoa chưng cho năm mới rồi…

... Chen lấn mãi rồi tôi cũng ra được cổng chợ, nơi mẹ tôi dặn đứng chờ. Hai bên cổng chợ là nơi tập trung của các hàng câu đối và tranh dân gian. Tranh và câu đối bày đầy những chiếc chiếu trải đầy trên mặt đất, treo trên những cái giá sơ sài, đựng đầy trong những chiếc bồ... Tôi nhớ nội dung của các câu đối (mà dân Vinh hồi ấy quen gọi là câu đối "mậu dịch") rất nghèo nàn: ca ngợi Đảng, Bác, thi đua sản xuất... Bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy văn chương chữ nghĩa dùng để tán tụng, ca ngợi xã hội đang sống thời nào cũng có và bao giờ cũng chiếm ưu thế nhưng triệt để đến mức đó thì chỉ có thời bấy giờ và không chỉ ở Vinh. Câu đối thì nghèo về nội dung nhưng tranh dân gian thì thật là phong phú: nào là đám cưới chuột, thầy đồ cóc... nào lý ngư vọng nguyệt, gà, lợn… nào là bà Triệu cưỡi voi, Quang Trung cưỡi ngựa, Trần Quốc Toản ra quân... thôi thì đủ cả. Hồi ấy tôi đâu đã biết thế nào là tranh dân gian, thế nào là tranh Hàng Trống, Hàng Bồ, chỉ thấy các bức tranh màu sắc rực rỡ và đẹp đến mê mẩn cả người. Mẹ ra, tôi bắt bà mua bằng được một bức "Thầy đồ cóc" và một bức "Trần Quốc Toản ra quân" rồi mới chịu ra về...

Hơn năm mươi năm kể từ lần đi chợ Tết ở Vinh đầu tiên và cũng đã gần bốn mươi năm không có dịp đi chợ Tết ở Vinh nữa nhưng cái hồn chợ Vinh vẫn còn đọng lại đâu đó trong tôi. Mà trong những ngày này, dù ở cách xa Vinh hàng ngàn dặm về phương Nam, tôi lại da diết nhớ về phiên chợ Tết ngày xưa và mong mỏi được một lần trở lại cái ngày xưa ấy, dù biết rằng chẳng bao giờ có được.

Đường hoa Hồ Tùng Mậu, TP. Vinh là điểm du xuân được nhiều du khách lựa chọn trong dịp Tết. Ảnh: Ngọc Mai

XỨ NGHỆ Điểm đến thú vị của những cuộc du xuân

HỒ BẤT KHUẤT

HÀNG CHỤC NĂM NAY, TRƯỚC VÀ SAU TẾT NGUÊN ĐÁN, DÒNG NGƯỜI Ở NHIỀU NƠI ĐỔ VỀ XỨ NGHỆ. TRƯỚC HẾT, ĐÓ LÀ NHỮNG "NGHỆ KIỀU" VỀ QUÊ; TIẾP ĐẾN LÀ NHỮNG NGƯỜI THÍCH "NON XANH, NƯỚC BIẾC" CỦA VÙNG ĐẤT "ĐỊA LINH, NHÂN KIỆT". CẦU ĐƯỜNG Ở XỨ NGHỆ ĐÃ ĐƯỢC NÂNG CẤP, RẤT THUẬN LỢI CHO VIỆC ĐI LẠI.

Sự "chuyển dịch" trong tâm thức về Tết Nguyên đán

Tết Nguyên đán thiêng liêng với người Việt Nam từ ngàn đời. Đây là lễ hội lớn nhất, dài nhất trong đời sống của người Việt. Hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân, Nhà nước thường bố trí lịch nghỉ liên tục dài ngày để người dân thuận lợi đón Tết, du xuân. Tết Giáp Thìn 2024 được nghỉ 7 ngày liên tục, từ thứ Năm ngày 08/02/2024 Dương lịch (tức ngày 29 tháng Chạp năm Quý Mão) đến hết thứ Tư ngày 14/02/2024 Dương lịch (tức ngày mùng 5 tháng Giêng năm Giáp Thìn). Ngoài thời gian nghỉ chính thức cho toàn

dân, mỗi người, mỗi gia đình lại có cách thu xếp của mình để hưởng trọn vẹn vị Tết, hương xuân theo hoàn cảnh của mình. Cái câu "Tháng giêng là tháng ăn chơi" vẫn vương vấn đâu đấy trong đầu nhiều người. Hơn nữa, với công nghệ hiện đại, nhiều người có thể làm việc mà không cần xuất hiện ở văn phòng. Đây cũng chính là một trong những điều kiện người ta du xuân thoải mái.

Trước đây, để có một cái Tết tương đối tươm tất, những ông chủ, bà chủ gia đình phải lo toan, tính toán khá căng thẳng để có "thịt mỡ, bánh chưng, câu đối đỏ". Nay, chuyện sắm Tết không còn là vấn đề lớn nữa, chợ truyền thống và siêu thị mở cửa tới tận 30 Tết, mọi thứ cần thiết đều đầy đủ, thậm chí không cần phải đi mua sắm mà chỉ cần "a lô…" là mọi thứ được "ship" đến tận nhà.

Đã có sự "chuyển dịch" trong tâm thức về Tết Nguyên đán, nhiều người, đặc biệt là giới trẻ, đã thay từ "ăn Tết" bằng "chơi Tết". Chuyện bếp núc, cỗ bàn đã không còn là gánh nặng nữa, không còn là mối quan tâm lớn nhất. Tết Nguyên đán vẫn là lễ hội lớn nhất, dài nhất, thiêng liêng nhất với người Việt nhưng cách đón nhận đã trở nên phong phú, đa dạng, thực tế hơn; thay vì phải làm những nghĩa vụ, những thủ tục nặng nề, mọi người thiên về những hoạt động tự do, phóng khoáng. Thế là việc tận dụng thời gian nghỉ Tết để đi chơi, thăm hỏi lẫn nhau, khám phá những miền đất mới. Những chuyến du xuân được tổ chức bài bản đã hình thành. Tết sum vầy, Tết hội ngộ, Tết quê... vẫn được duy trì nhưng mọi thứ đã trở nên nhẹ nhàng, bay bổng. Người thân có thể gặp nhau ở nhà từ đường, nhà thờ họ, hoặc ở những danh lanh, thắng cảnh nổi tiếng. Điều quan trọng nhất là mọi người cảm thấy vui vẻ, hài lòng.

Vậy hãy tạm gác lại những lo toan của ngày thường, đưa không khí Tết vào cảm xúc, trao cho nhau yêu thương trên những cung đường mùa xuân. Cánh học sinh, sinh viên được nghỉ Tết nhiều ngày đấy! Hãy đưa các con đi du xuân để in đậm những kỷ niệm đẹp vào tâm trí để thời thơ ấu mãi lung linh…

Xứ Nghệ đã trở nên nhộn nhịp, hấp dẫn trong ngày xuân

Câu lục bát "Đường vô xứ Nghệ quanh quanh/Non xanh, nước biếc như tranh họa đồ" vẫn vẫy gọi mọi người ở khắp nơi khởi hành về xứ Nghệ; song, có những thay đổi rõ nét: Đường vô xứ Nghệ nay không quanh quanh nữa, màu xanh, sắc biếc ngày càng đậm đà hơn. Người ta có thể đến Nghệ An bằng đường sắt, đường không, đường bộ. Từ phía Bắc vào có thể đi quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh và đường cao tốc. Ngày xưa, từ Hà Nội về Nghệ An có khi mất cả ngày, nay chỉ mất khoảng 4 giờ đồng hồ. Một gia đình ở quận Tây Hồ, Hà Nội cưới vợ cho con ở xã Nghĩa Hội, Nghĩa Đàn, Nghệ An; đi đón dâu và trở về trong một ngày.

Xứ Nghệ là vùng đất có rất nhiều cảnh đẹp và những di tích lịch sử văn hóa thu hút du khách. Nhiều di sản văn hóa được bảo tồn tốt và đang phát huy giá trị. Trong những ngày xuân, đền chùa là nơi được nhiều người lựa chọn. Thiết nghĩ, cũng nên biết sự khác biệt giữa đền và chùa mặc dù đấy đều là những nơi thờ cúng tôn nghiêm.

Đền là nơi thờ cúng một vị Thánh theo truyền thuyết dân gian hoặc những nhân vật lịch sử được tôn sùng như thần thánh. Ở Việt Nam, phổ biến nhất là các đền thờ được xây dựng để ghi nhớ công ơn của các anh hùng có công với đất nước hay công đức của một cá nhân với địa phương được dựng theo truyền thuyết dân gian. Chùa là nơi hoạt động và truyền bá Phật giáo, là nơi tập trung sinh hoạt, tu hành và thuyết giảng đạo Phật của các nhà sư, tăng, ni. Tất cả mọi người, kể cả những người không theo đạo đều có thể đến chiêm bái, nghe giảng kinh, thực hành các nghi lễ Phật giáo hay đơn giản chỉ vãn cảnh.

Ở Nghệ An có nhiều ngôi đền nổi tiếng. Đó là đền Còn ở phường Quỳnh Phương, thị xã Hoàng Mai; đền Cuông ở xã Diễn An, Diễn Châu; đền Quả Sơn ở xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương; đền Ông Hoàng Mười ở xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên; đền vua Quang Trung trên núi Quyết ở phường Trung Đô, thành phố Vinh; và còn hàng trăm ngôi đền

Du khách đi vãn cảnh chùa Cổ Am, Diễn Châu trong dịp Tết. Ảnh: Ngọc Mai

Du khách bên tượng Hồ Xuân Hương ở Nhà thờ họ Hồ (Quỳnh Đôi, Quỳnh Lưu)

lớn nhỏ ở các làng bản xóm thôn của tỉnh Nghệ An rộng nhất nước.

Chùa ở Nghệ An cũng là những địa điểm thu hút du khách trong những ngày xuân. Có nhiều ngôi chùa tôn nghiêm mà gần gũi. Đó là chùa Cổ Am ở xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu; chùa Cần Linh hay còn được gọi với cái tên quen thuộc là chùa Sư Nữ (các đời trụ trì đều là sư nữ) ở phường Cửa Nam, thành phố Vinh; chùa Song Ngư ở đảo Ngư, Cửa Lò; Chùa Đại Tuệ tọa lạc trên đỉnh núi cao nhất của dãy Đại Huệ, tại xã Nam Anh, huyện Nam Đàn; chùa Gám ở xã Xuân Thành, huyện Yên Thành; chùa An Thái ở Quỳnh Long, Quỳnh Lưu… Việc hành lễ ở chùa mang lại sự thư thái, yên bình cho những vùng quê.

Một điều rất thú vị là đền và chùa ở Nghệ An đều nằm ở những nơi có phong cảnh tuyệt đẹp, rộng rãi, thoáng đãng. Khi vãn cảnh đền và chùa, chúng ta đều thấy yên bình, sảng khoái, lòng thư thái, hướng thiện...

Ngoài những công trình văn hóa tâm linh có từ xa xưa, Nghệ An còn có nhiều điểm đến hấp dẫn mang tinh thần thời đại. Đó là khu di tích Làng Sen quê hương Bác Hồ cùng với khu mộ Hoàng Thị Loan - thân mẫu của người. Khu di tích Truông Bồn hoành tráng đã trở nên gần gũi, thiêng liêng. Hàng trăm nghĩa trang liệt sĩ đã được xây dựng khang trang, được chỉnh sửa thường xuyên và trở nên linh thiêng, gần gũi. Việc đến nghĩa trang liệt sĩ thắp hương trong ngày xuân đã trở thành nhu cầu nội tâm của nhiều người. Đến đây, đạo lý "Uống nước, nhớ nguồn", "Ăn quả, nhớ người trồng cây" thức dậy và được củng cố. Điều này làm cho đời sống tình cảm, tâm linh sinh động và sâu sắc hơn.

Làng quê, nhà lưu niệm, nhà thờ họ của những danh nhân cũng là nơi thu hút du khách. Đến làng Quỳnh Đôi (Quỳnh Lưu) của bà chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương; xã Thọ Thành (Yên Thành) của ba ông cháu Hồ Tông Thốc đều đỗ trạng nguyên; Đền thờ Nguyễn Xí ở Nghi Hợp, Nghi Lộc; Khu lưu niệm Phan Bội Châu thuộc Thị trấn Nam Đàn huyện Nam Đàn; Khu lưu niệm Phùng Chí Kiên tại xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu… đều làm chúng ta hiểu sâu hơn về sức mạnh của văn hóa.

Cảnh đẹp thiên nhiên của xứ Nghệ là điều ít ai bỏ qua được. Nguyên những gì bày ra trên đường đi đã làm chúng ta say đắm rồi. Các cung đường ở miền Tây xứ Nghệ mùa này đầy hoa ắp hoa dã quỳ và hoa trạng nguyên; ghé vào các vườn nhà là đào, quất. Không hiểu tự bao giờ và ai đã có sáng kiến đưa hoa ly, hoa dơn, hoa cúc… về chuyên canh ở xứ Nghệ mà giờ đây cả tỉnh rộn sắc hoa?! Sông suối, cây cối, núi non, ao hồ… ở xứ Nghệ đã nổi tiếng từ lâu. Núi Hồng, sông Lam là biểu tượng cho cái đẹp của thiên nhiên xứ Nghệ. Sông Lam là con sông

lớn nhất nhưng sông đẹp nhất của Nghệ An là sông Giăng. Sau khi đập Phà Lài (Con Cuông) được xây dựng, thượng nguồn sông Giăng luôn đầy ắp nước. Những chiếc ca nô vun vút ngược dòng sẽ đưa du khách vào rừng nguyên sinh - vùng lõi của Vườn Quốc gia Pù Mát, nơi sinh sống của đồng bào Đan Lai. Những thác Khe Kèm (huyện Con Cuông), thác Sao Va, thác Bảy Tầng (Quế Phong)… tạo nên khung cảnh như ở tiên giới. Hồ Thủy điện Bản Vẽ được xây dựng trên sông Nậm Nơn (huyện Tương Dương) mênh mông, sâu thẳm, xanh thẳm đẹp huyền ảo. Đến đây, phóng tầm mắt vào nước và cây và cảm thấy mình tự do, phóng khoáng…

Nhiều người trầm trồ khi đi trên đường 7 qua huyện Tương Dương được chiêm ngưỡng rừng săng lẻ - "báu vật" của xứ Nghệ; xin thưa, đây không phải là rứng săng lẻ duy nhất ở xứ Nghệ! Ở xã Bảo Thắng (huyện Kỳ Sơn) cũng có những cánh rừng với hàng ngàn cây săng lẻ thả dáng; mùa thay là làm người ta cứ ngỡ là màu thu vàng châu Âu.

"Xứ Nghệ ta về" - từ một chương trình thành nên phong trào

Năm 2022, những người học chuyên Văn khóa 1972 - 1975 (Trường THPT Chuyên Phan Bội Châu) lập ra chương trình "Xứ Nghệ ta về" để hội lớp nhân dịp 50 năm gặp nhau bên bờ sông Lam (ngày ấy trường sơ tán lên Thanh Lĩnh, Thanh Chương). 25 người từ nhiều nơi trên đất nước về Nghệ An và có một tuần ngược xuôi Cửa Lò - Vinh - Nam Đàn - Thanh Chương - Đô Lương - Yên Thành - Diễn Châu - Quỳnh Lưu… Chương trình "Xưa Nghệ ta về" đã lưu lại những hình ảnh đẹp và thu hút nhiều người quan tâm. Sau đấy có nhiều khóa của học trò Trường THPT Chuyên Phan Bội Châu tổ chức những hoạt động tương tự. Thế là dâu, rể và các "thế hệ F1, F2" của người Nghệ và những người yêu vùng đất "như tranh họa đồ" lên kế hoạch cho những chuyến hành hương xứ Nghệ. Các chuyến đi thường được tổ chức vào dịp hè và dịp Tết Nguyên đán; hè thì đi biển, Tết thì đi rừng và những danh lam, thắng cảnh trên núi.

Đường hiện nay tốt rồi, du xuân xứ Nghệ có thể đi bằng nhiều cách. Những gia đình có xe riêng nên liên kết thành nhóm 3 đến 4 gia đình và lên đường. Cũng có thể thuê xe 16 đến 30 chỗ để du ngoạn. Cách thứ ba là đi các phương tiện khác về Nghệ An rồi thuê xe của người địa phương để du xuân và thưởng thức đặc sản xứ Nghệ. Đừng quên các món ăn và văn hóa ẩm thực nơi này!

Lươn xứ Nghệ gần như đã trở thành món ăn "huyền thoại". Cháo lươn, miến lươn, súp lươn đã trở nên quá quen thuộc. Hãy thưởng thức thêm lươn om chuối đậu, lươn xào cà, lươn kho nghệ! Mỗi món ăn có hương vị riêng và ẩn chứa tính cách của người Nghệ.

Người ở các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Yên Thành thường có món canh rất đặc biệt gọi là canh lá lằng (có nơi gọi là lá chim chim). Món canh này gồm lá lằng, cà kiu (loại cà chua quả bé xíu), quả sông (tai chua), cá tươi hoặc moi tươi (khô). Ngày xưa, người chỉ hái lá mọc tự nhiên trong rừng và cũng chỉ hay ăn vào mùa hè. Nay thì người ta trồng loại cây này trong vườn và ăn quanh năm. Không những thế, người ta còn thái nhỏ, phơi khô và chuyển đi nhiều nơi. Theo nhiều bác sĩ đông y, món canh này còn có tác dụng chữa bệnh. Người vùng khác chưa biết ăn nhưng những ai thử vào lần sẽ… nghiện.

Còn một loại đặc sản của xứ Nghệ nữa không thể bỏ qua là cam Vinh. Dù được gọi là "cam Vinh" nhưng được trồng ở Nghi Lộc, Yên Thành, Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp… Cam Vinh có nhiều loại, cam Xã Đoài được xem "vua" của cam Vinh. Du xuân thì có thể nếm thử cam ngay trong thời gian hành trình, nhưng đừng quên mua một ít để trong xe mang về ăn dần!

Có một thứ "đặc sản" không thể sờ mó, thậm chí không thể nhìn thấy nhưng có thể cảm nhận được, đó là chất Nghệ. Điều này được thể hiện trong lời ăn, tiếng nói, trong tính cách người Nghệ: mộc mạc, chân thành, nồng ấm, trọn tình, trọn nghĩa… Đây là điều quý giá nhất là chúng ta mà chúng ta thu nhận được trong những chuyến du xuân về xứ Nghệ.

MỘT NỀN VĂN HÓA MỚI

MẠCH QUANG THẮNG

Hội diễn Đàn và Hát dân ca 3 miền tại Nghệ An năm 2023.
(Trong ảnh: Tiết mục chào mừng của Đoàn NTQC tỉnh Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai)

NỀN VĂN HÓA MỚI LÀ NỀN VĂN HÓA TIẾP THU VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ TRƯỚC ĐÂY NHƯNG ĐƯỢC NÂNG LÊN TRÌNH ĐỘ MỚI VỀ CHẤT. NƯỚC VIỆT NAM MỚI, BẮT ĐẦU HIỆN HỮU TỪ KHI KẾT THÚC THẮNG LỢI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM LẬP NÊN CHẾ ĐỘ CHÍNH TRỊ MỚI, CŨNG LÀ THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA MỚI, ĐÓ LÀ NỀN VĂN HÓA THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH. ĐẦU XUÂN NĂM 2024, BÀI VIẾT NÀY LẤY RA MẤY Ý CÓ TÍNH KHÁI QUÁT VỀ NỀN VĂN HÓA MỚI CỦA NƯỚC VIỆT NAM.

Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô từ giữa năm 1923 để hoạt động trong bộ máy của Quốc tế Cộng sản. Cuối năm đó, nhà báo Liên Xô, tên là Osip Emilyevich Mandelshtam (Óсип Эми́льевич Мандельшта́м), gặp gỡ trò chuyện với Người, rồi sau đó viết một bài đăng trên báo ОГОНЁК (Ngọn lửa nhỏ), số 39, ngày 23-12-1923. Nhà báo viết thật ấn tượng về người Việt Nam và cá nhân Nguyễn Ái Quốc như sau: "Dân tộc An Nam đáng yêu, một dân tộc rất lịch thiệp và độ lượng, rất ghét những gì thái quá. Dáng dấp của một con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc, cũng đang tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai"[1].

Từ tháng 12-1923 đến tháng 12-2023, trái đất đã quay chẵn 100 năm. Nói nền văn hóa tương lai, thì đến nay, đã trải qua gần 80 năm của chế độ chính trị mới từ khi ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 2-9-1945 (nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), chúng ta có thể gọi đó là nền văn hóa mới - nền văn hóa thời đại Hồ Chí Minh. Tôi gọi như thế vì bản thân Hồ Chí Minh là người Việt Nam đẹp nhất, tiêu biểu nhất cho các giá trị văn hóa dân tộc.

"Nền văn hóa tương lai" mà nhà báo Osip Emilyevich Mandelshtam đặt tên từ năm 1923 ứng với nền văn hóa mới thời đại Hồ Chí Minh có những đặc trưng gì? Xin nêu 5 đặc trưng chủ yếu nhất sau đây:

1) Nền văn hóa mới tôn dày thêm và đậm thêm chủ nghĩa yêu nước

Giá trị chủ nghĩa yêu nước là giá trị văn hóa lớn nhất, xuyên suốt lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Bắt đầu là lòng yêu nước, càng về sau càng được phát huy mạnh lên thành chủ nghĩa yêu nước. Hiểu "chủ nghĩa" ở đây là sự đúc kết thành giá trị bất diệt chỉ đạo tư duy và hành động của con người Việt Nam yêu nước, thương nòi, có lương tri. Hai yếu tố hun đúc cho nó vẫn là sự cố kết cộng đồng dân tộc và cộng đồng quốc gia đoàn kết lại thành một khối vững chắc chống thiên tai và chống giặc ngoại xâm. Nay, dưới chế độ mới, con người Việt Nam yêu nước còn có thêm một yếu tố nữa là khát vọng xây dựng một đất nước hùng cường, thịnh vượng, sánh vai với các cường quốc trên thế giới. Giá trị chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trở thành "linh đơn" văn hóa để hóa giải những yêu cầu tồn tại và phát triển vững bền của dân tộc - quốc gia qua bao thử thách nghiệt ngã trước các thế lực xâm lược ngoại bang và trước "giặc nội xâm", trước nghèo nàn lạc hậu, trước vô vàn lực cản trên con đường phát triển. Giá trị văn hóa mới thời đại Hồ Chí Minh là giá trị quy tụ toàn bộ con người Việt Nam, dù giai tầng nào, đàn ông hay đàn bà, ấu hay lão, thuộc bất cứ tôn giáo, tín ngưỡng nào, người đang sinh sống trong nước cũng như đang ở ngoài nước, hướng lực vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đến đây, xin nói thêm rằng, trong trăm triệu người Việt Nam hiện thời, như "năm ngón tay cũng có ngón dài hay vắn", "cũng có thế này hay thế khác" (chữ dùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946), tức là còn có chính kiến khác, không tán thành chế độ xã hội chủ nghĩa, rồi thậm chí có những biểu hiện của hành động chống đối chế độ, thì đó là sự lạc điệu về văn hóa, không thể nói khác đi được, không thể tự biện hộ với lý lẽ rằng, họ cũng là người yêu nước, chỉ không yêu chế độ xã hội chủ nghĩa mà thôi. Chế độ chính trị này do chính lịch sử Việt Nam đã chọn lựa và đã được trải qua bao nhiêu năm khảo nghiệm, vẫn là một chế độ duy nhất phù hợp cho sự phát triển của dân tộc Việt Nam. Chế độ này, vì thế, hà cớ gì mà phải bỏ đi để xây nên chế độ khác. Còn có những tiêu cực này tiêu cực nọ, tức là những lực cản, thì là chuyện bình thường, chúng ta đang tích cực gạt những trở lực; không vì những tiêu cực đó mà phủ nhận cả một chế độ chính trị. Những tiêu cực, lực cản đó đích thị là những thứ phản văn hóa, không bao giờ phản ánh bản chất của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa của Việt Nam.

2) Nền văn hóa mới đặt con người vào vị trí đặc biệt

Con người Việt Nam trong chế độ chính trị mới từ năm 1945 trở đi được đặt vào vị trí trung tâm của sự phát triển văn hóa. Điều này được giải nghĩa qua sự nghiệp ba giải phóng mà Đảng Cộng sản Việt Nam phát động và đang soi rọi cho dân tộc tiếp tục phát triển: 1. Giải phóng dân tộc; 2. Giải phóng xã hội; 3. Giải phóng con người. Có giải phóng được dân tộc thì mới giải phóng được xã hội và giải phóng con người; do vậy, giải phóng dân tộc là điều kiện tiên quyết trong ba giải phóng đó. Giải phóng xã hội (trong đó bao hàm cả giải phóng giai cấp) và giải phóng con người là củng cố vững chắc cho giải phóng dân tộc. Nhưng, điều tôi muốn lưu ý ở đây là ở chỗ, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội chỉ là mục tiêu tầm trung, còn ở tầm cuối cùng,

Đêm hội sắc xuân miền Tây Nghệ An được tổ chức hàng năm nhằm tạo cơ hội cho đồng bào các dân tộc tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa. - Ảnh: Ngọc Mai

cao nhất là giải phóng con người. Tất cả mọi công cuộc giải phóng trên đời này đều phải đi đến giải phóng con người, đấy cũng là cốt lõi của mọi lý thuyết phát triển, kể cả các giáo lý được chưng cất từ các tín ngưỡng, tôn giáo. Lôgic mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rằng, nếu nước ta đã giành được độc lập rồi, nhưng dân vẫn cứ đói, rét, không được tự do thì độc lập chẳng có nghĩa lý gì. Mọi véctơ lực đều phải hướng cho giải phóng con người, đó cũng là quan điểm mácxít, và đó cũng là sự kế thừa và phát triển ý kiến vàng ngọc của các bậc tiền nhân hiền tài trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Mọi trung tâm, và cũng là thước đo, để nhận định, đánh giá sự quản trị xã hội của một chế độ xã hội có đúng đắn hay không, có tiến bộ hay không là ở kết quả giải phóng con người. Con người được giải phóng là con người được bảo đảm cuộc sống về vật chất và tinh thần đủ đầy, phong phú. Dân tộc Việt Nam đã trải qua mấy cuộc kháng chiến giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, tiến quân vào sự nghiệp dựng xây đất nước qua bao dâu bể là để bảo đảm thắng lợi của công cuộc giải phóng con người. Đó là giá trị lớn nhất của quyền con người. Vậy là, con người Việt Nam trong suốt gần 80 năm dựng xây và bảo vệ Tổ quốc ở chế độ mới là con người làm chủ về mọi mặt. Đó chính là sự nghiệp của nền văn hóa mới.

3) Nền văn hóa mới là nền văn hóa yêu chính nghĩa, ghét gian tà

Chúng ta đang sống trong một thế giới bất an. Nó bất an bởi tính xấu con người trỗi lên ở thời khúc nào đó, ở những thế lực nào đó. Nó cũng bất an bởi thiên tai, dịch bệnh dày hơn, bất ngờ, không theo một chu kỳ nào cả mà nó đến hầu như thường xuyên và với mức độ khủng hơn. Biến đổi khí hậu, nước biển dâng, El Nino, La Lina đảo chiều chóng mặt. Động đất dữ dội sục sôi vỏ trái đất. Dịch này chưa qua, dịch khác trờ tới. Những cái đó, nói là thiên tai nhưng xét về thực chất, xét cho đến cùng, là nhân tai, tức là do chính bản thân con người gây ra. Nhiều người, nhiều quốc gia, nhiều thế lực vẫn "nói chuyện" với nhau bằng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, làm cho cái gọi là "công nghiệp quốc phòng" có được lợi nhuận kếch sù, làm cho những tay lái súng hưởng lợi béo bở trên những khổ đau của con người, nhất là những người yếu thế, đặc biệt là người già, phụ nữ, trẻ em.

Dân tộc Việt Nam không may bị mấy cuộc binh đao thời đương đại. Thực dân Pháp tái xâm lược. Đế quốc Mỹ đưa

Màn xòe Thái trong Đêm hội sắc xuân miền Tây Nghệ An tại huyện Anh Sơn, Nghệ An. Ảnh: Hoàng Nguyên

quân vào Việt Nam để hòng "đưa Việt Nam trở lại thời kỳ đồ đá". Rồi một số thế lực đen tối cũng không để cho Việt Nam chúng ta yên. Cây muốn lặng nhưng gió chẳng đừng. Những điều đó làm cho dân tộc Việt Nam thấy rõ ràng hơn để phân biệt một cách đúng đắn thế nào là chính nghĩa, thế nào là phi nghĩa, ai là bạn, ai là thù, thế nào chân thành, thủy chung, thế nào là gian tà; thậm chí tuy không quên nhưng biết gác lại quá khứ để sống chung với nhau trong tình bè bạn, là đối tác, hợp tác cùng phát triển, là thành viên có trách nhiệm trong quan hệ quốc tế. Đấy là giá trị của văn hóa hướng thiện, tôn thờ cái tốt, cái đẹp, ghét bỏ cái ác, cái xấu (cả ở trong nước và quốc tế). Toàn bộ chính sách đối ngoại của Việt Nam từ gần 80 năm nay, và chắc chắn từ nay về sau nữa, đã minh chứng rất rõ ràng cho điều đó. Một Việt Nam đầy lòng vị tha, nhân hậu, thủy chung với bè bạn, trung thực, thật lòng, lúc cương lúc nhu, uyển chuyển trên một gốc rễ chắc chắn của các nguyên tắc quyền dân tộc cơ bản: độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm hướng tới mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc, hoặc diễn đạt cách khác thì là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

4) Nền văn hóa mới bao hàm cả giá trị văn hóa chính trị của chế độ mới được thiết lập và thăng hoa

Gần 80 năm của chế độ xã hội chủ nghĩa cũng là 80 năm dựng xây và phát triển nền văn hóa mới thời đại Hồ Chí Minh đã hình thành và phát triển văn hóa chính trị mới. Đó là giá trị văn hóa phục vụ, dấn thân tất cả vì ấm no, tự do, hạnh phúc của Nhân dân; là Đảng, Nhà nước, nói chung là các tổ chức trong hệ thống chính trị cũng như con người của bộ máy đó (cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức...), trở thành đày tớ, công bộc thực sự trung thành của Nhân dân, là "đảng viên đi trước, làng nước theo sau", là "tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc như lạc"; là Đảng và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị không có mục đích nào khác ngoài mục đích độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, coi tất cả lợi ích chính đáng của Nhân dân là lợi ích

của chính mình. Trên rừng cây xanh văn hóa chính trị đó, tuy có một số con sâu, thậm chí có cả một bầy sâu, nhưng đó chỉ là một bộ phận, không làm suy xuyển bản chất của giá trị văn hóa chính trị của chế độ chính trị Việt Nam. Không ai, không một tổ chức nào bênh vực cho những giá trị phản văn hóa của những tiêu cực, tham nhũng. Đó chính là "xây" và "chống", xây không tách rời chống, chống để xây; xây là tạo ra nhân tố mới và tôn tạo giá trị văn hóa chính trị của chế độ chính trị; chống là chống những biểu hiện phản văn hóa như tham nhũng, tiêu cực, hoặc nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra là chống "giặc nội xâm": tham ô, lãng phí, quan liêu.

5) Sau cùng, nói đến nền văn hóa mới thời đại Hồ Chí Minh là phải nói đến đặc trưng giá trị của chính nó, tức là văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Việt Nam đã thoát sự đồng hóa hơn ngàn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc một cách ngoạn mục là nhờ có sức mạnh của văn hóa, mà nói theo thuật ngữ đương đại nhiều người hay dùng đó là "sức mạnh mềm", chứ về vũ khí thì không, về tiềm lực kinh tế, quốc phòng cũng không. Việt Nam thắng giặc ngoại xâm tuyệt nhiên không phải vì có súng to tàu lớn, có tên lửa, máy bay, đại bác, xe tăng hiện đại. Nhỏ yếu mà thắng được giặc ngoại xâm hùng mạnh nhất nhì thế giới thì chỉ do "lấy đại nghĩa để thắng hung tàn", "lấy chí nhân để thay cường bạo", tức là đề cập sức mạnh tinh thần, sức mạnh của văn hóa. Nền văn hóa đó là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh kích hoạt và hướng tất cả mọi tổ chức, mọi con người đầm vào. Người đã đặt nền móng và tổ chức xây dựng nền văn hóa như thế. Trong suốt gần 80 năm của chế độ chính trị mới, Đảng đã phát triển nguyên tắc dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa càng ngày càng chuyển hóa lên mức độ cao hơn, với trình độ tiên tiến, giữ vững và phát huy cốt cách dân tộc. Thế mới có tổng kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam hiện giờ: "Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi"; "Văn hóa còn thì dân tộc còn".

Gần 80 năm xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, Việt Nam đã có được cơ ngơi thiết chế văn hóa quý báu, đã giữ gìn và phát huy được những vốn văn hóa cổ; đã nhận và cho từ và vào kho tàng tinh hoa văn hóa nhân loại. Không thể tách rời mọi thắng lợi của công cuộc xây dựng đất nước khỏi sự đóng góp tích cực từ văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Như cái ý đã viết ở bên trên, vẫn còn đó những giá trị lệch chuẩn hoặc non kém về cái này hay cái kia của văn hóa dân tộc, nhất là trong sự tác động như bão táp ùa vào của văn hóa nước ngoài thời mở cửa, thời cơ chế thị trường, nhưng đó chỉ là một mặt nhỏ mà thôi. Chúng không thể lấp nổi sự hưng thịnh của văn hóa nước nhà - văn hóa chế độ mới thời đại Hồ Chí Minh. Đã và đang có sự lo lắng, thậm chí lo đến "mất ăn mất ngủ" về sự tha hóa của văn hóa dân tộc, nhưng cũng chưa đến nỗi thái quá. Việt Nam đã giữ được và chắc chắn còn sẽ giữ được cái lõi của sự phát triển văn hóa, nhất là từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, tháng 12-1986. Vấn đề là ở chỗ, sự nghiệp phát triển văn hóa phải mạnh hơn nữa, vững chắc hơn nữa như sức sống xuân thì.

Xuân Giáp Thìn - mùa xuân của con Rồng Việt Nam đang bay lên. Đó cũng là sự hiện linh nền văn hóa mới đang ngập tràn xứ sở dẫn dân tộc bước vào chặng mới đầy thử thách nhưng chắc chắn sẽ có nhiều thành công mới. Khen cho con mắt tinh đời của Nhà báo Liên Xô Osip Emilyevich Mandelshtam cách đây 100 năm khi dự báo về "một nền văn hóa tương lai" qua cuộc trò chuyện với Nguyễn Ái Quốc.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, 2011, t.1, tr.462.

Festival Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh thu hút nhiều ca sĩ, nghệ sĩ nổi tiếng trong nước và quốc tế tham gia biểu diễn. Ảnh: Đức Anh

VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN NĂM 2023: Nỗ lực, sáng tạo và thành công

TRẦN GIA

Năm 2023 - năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội IX của BCH Đảng bộ tỉnh Nghệ An, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Bám sát phương châm hành động của BCH Đảng bộ tỉnh, UBND tỉnh "Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả", phương châm của ngành "Quyết liệt hành động - Khát vọng cống hiến", cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Văn hóa và Thể thao đã nỗ lực, cố gắng tập trung triển khai có trọng tâm, trọng điểm Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (11/2021); chủ động đổi mới, sáng tạo trong hoạt động và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Những dấu ấn nổi bật

Chủ động rà soát các "khoảng trống" trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực văn hóa, thể thao để tham mưu HĐND, UBND tỉnh nhiệm vụ hoàn thiện thể chế, từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước thông qua công cụ pháp luật, đồng thời "khơi thông" nguồn lực, "kiến tạo" sự phát triển. Dấu ấn quan trọng là tiếp tục tham mưu HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh và Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư bể bơi và dạy bơi cho trẻ em tỉnh Nghệ An. Trình UBND tỉnh ban hành 06 Quyết định về: Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, định mức kinh tế - kỹ thuật, tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh nghệ An; phê duyệt Đề cương nhiệm vụ Đề án Quy hoạch hệ thống tuyên truyền quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 - 2030, định hướng đến năm 2040; Các danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm và các quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh, Sở VHTT, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Trình diễn Lễ Xăng Khan của người Thái (di sản văn hóa phi vật thể quốc gia) trong Lễ hội đường phố "Sắc màu văn hóa các dân tộc Nghệ An" tại phố đi bộ TP. Vinh. Ảnh: Ngọc Mai

Tập trung tham mưu trúng, đúng, kịp thời cho cấp ủy Đảng trong việc cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng về văn hóa. Chuỗi hoạt động mà Nghệ An tổ chức nhân kỷ niệm 80 năm Đề cương về văn hóa Việt Nam mang đậm tính Dân tộc, Khoa học và Đại chúng. Có thể kể đến: Trưng bày triển lãm "80 năm Đề cương văn hóa Việt Nam và truyền thống văn hóa con người xứ Nghệ"; Hội nghị lãnh đạo tỉnh gặp mặt đại biểu trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ; Cuộc thi tìm hiểu văn hóa Việt Nam và truyền thống văn hóa xứ Nghệ; Hội thảo khoa học "Từ Đề cương văn hóa Việt Nam - Định hướng chiến lược phát triển văn hóa tỉnh Nghệ An đến năm 2030"; Tổ chức sáng tác, công bố, phát hành các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị về đề tài ca ngợi quê hương, đất nước, ca ngợi Đảng, Bác Hồ, văn hóa, con người Việt Nam, văn hóa, con người xứ Nghệ; Tọa đàm, hội thảo về chủ đề "Từ Đề cương về văn hóa Việt Nam đến lý luận văn nghệ Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập""... Các thành tố Hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới được chính quyền các cấp vận dụng linh hoạt trong xây dựng, ban hành Nghị quyết chuyên đề về văn hóa. Điều đó cũng cho thấy nhận thức về văn hóa đã có sự thay đổi theo hướng tích cực và cho phép kỳ vọng "Nhận thức đúng sẽ hành động đẹp".

Công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số được triển khai

thống nhất từ quan điểm chỉ đạo đến thực hiện. Toàn ngành tập trung vào các nội dung: Đầu tư hạ tầng số, triển khai các nền tảng số (bảo tàng số, di tích số, di sản số); Dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp được triển khai ngày càng hiệu quả, tăng mức độ hài lòng đối với các dịch vụ công ích; Công tác đảm bảo an toàn, an ninh luôn được chú trọng; Nguồn lực dành cho chuyển đổi số được quan tâm, đặc biệt là kinh phí cho chuyển đổi số phục vụ công tác chuyên môn như triển khai các hệ thống ứng dụng, tạo lập cơ sở dữ liệu, duy trì vận hành, tuyên truyền và đào tạo hàng năm.

Công tác xây dựng môi trường văn hóa gắn với xây dựng con người văn hóa đã đi đúng hướng, lấy địa bàn cơ sở làm trọng tâm, Nhân dân là chủ thể để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa. Nhiều mô hình văn hóa mới, cách làm hay, nhiều điển hình tiên tiến đã xuất hiện, góp phần thiết thực để xây dựng nền tảng đạo đức tốt đẹp, giá trị "chân - thiện - mỹ" của con người, làm cho cuộc sống của mỗi gia đình, của xã hội ngày càng tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Có thể kể đến mô hình bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, dân ca, dân nhạc, dân vũ tại bản Bộng, xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn; các mô hình làng văn hóa: xóm 3, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn; Xóm Nông Trang, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành; Xóm Thắng Lợi, xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương; xóm 5, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc; Thôn Sơn Thịnh, xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương; khối 3, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳ Châu; làng Phan, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên….đã tích cực khơi dậy các giá trị văn hóa nhân văn, nhân cách, đức tính tốt đẹp của đất và người Nghệ An, phát huy "tình làng, nghĩa xóm", tinh thần sẻ chia và khát vọng xây dựng, phát triển quê hương, đất nước. Từ quá trình xây dựng các làng văn hóa kiểu mẫu đã nổi lên hình ảnh đẹp về sự tận tâm, tận tụy của những người cán bộ gương mẫu, luôn đồng hành với Nhân dân, gần dân, hiểu dân. Có thể khẳng định, các làng văn hóa kiểu mẫu đã khơi dậy được tinh thần sáng tạo, đổi mới; khơi dậy nguồn năng lượng và truyền cảm hứng tích cực, mang lại những giá trị nhân văn trong đời sống văn hóa xã hội của Nghệ An.

Các chương trình nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật triển lãm, trưng bày bảo tàng "đa dạng về hình thức - phong phú về thể loại - đặc sắc về nội dung" không chỉ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhu cầu thụ hưởng các giá trị văn hóa của Nhân dân, phục vụ các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn mà còn thực hiện sứ mệnh củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, quảng bá hình ảnh về quê hương, đất nước, thu hút khách du lịch, góp phần phát triển kinh tế. Điểm mới trong năm 2023 là ngành VHTT đã tổ chức và phối hợp tổ chức các lễ hội đường phố: *"Quê hương mùa sen nở"* nhân kỷ niệm 133 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, *"Sắc màu di sản"* trong khuôn khổ Festival Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh và *"Sắc màu văn hóa các dân tộc Nghệ An" trong* Đêm hội kết đoàn kỷ niệm năm ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các màn trình diễn di sản văn hóa các vùng, miền trong cả nước và các nhóm nhảy tại phố đi bộ TP.Vinh,… Các lễ hội đường phố vừa tuyên truyền, quảng bá, tôn vinh di sản văn hóa các vùng miền trong cả nước, vừa làm phong phú thêm hoạt động tại phố đi bộ, TP. Vinh. Các bảo tàng tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm cho học sinh với những buổi học "không bục giảng" tại bảo tàng bổ ích và lý thú, giúp các em hiểu thêm về lịch sử, văn hóa của quê hương.

Công tác ngoại giao văn hóa được triển khai tích cực. Nhiều chương trình giao lưu văn hóa với các tỉnh bạn, nước bạn được thực thiện đã góp phần quảng bá hình ảnh đất và người Nghệ An tươi đẹp, an toàn với nền văn hóa đặc sắc tới đông đảo bạn bè trong nước và quốc tế. Tiêu biểu như: Chương trình giao lưu âm nhạc Nghệ An - Hàn Quốc; chương trình tham gia Liên hoan trình diễn các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tại Phú Thọ; Chương trình tham gia Ngày hội văn hóa các dân tộc có số dân dưới 10.000 người tại Lai Châu; chương trình "Ân tình xứ Nghệ"

tại Yên Bái và chuyên đề ảnh "Ấm tình quê Bác", "Tình bạn giữa chí sĩ Phan Bội Châu - Bác sĩ Asaba Sakitaro và mối quan hệ hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản" trưng bày tại Huế,…

Tổ chức nhiều cuộc hội nghị, hội thảo quan trọng về văn hóa. Đáng chú ý là Hội nghị cấp tỉnh bàn giải pháp phát huy hệ thống thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Hội thảo định hướng Chiến lược phát triển văn hóa Nghệ An đến năm 2030. Các hội nghị, hội thảo được tổ chức thành công không những thể hiện sự quan tâm mạnh mẽ của tỉnh đối với sự phát triển văn hóa mà còn làm cơ sở cho việc tham mưu tỉnh xem xét, ban hành Chiến lược mới về phát triển văn hóa trong giai đoạn tới.

Thể thao đạt nhiều thành tựu mới, cả thể thao thành tích cao và thể thao cho mọi người. Năm 2023, các chỉ tiêu về TDTT quần chúng (số người luyện tập thường xuyên, số gia đình thể thao, số CLB TDTT) đều tăng so với năm 2022; số trường đảm bảo giáo dục thể chất 100%). Thể thao thành tích cao tiếp tục phát huy thành tích tại một số môn thể thao mũi nhọn. Vận động viên của Nghệ An thi đấu 83 giải, đạt 414 huy chương (124 HCV, 126 HCB, 164 HCĐ. Trong đó, có 01 HCV Giải vô địch thế giới, 12 HCV Giải châu Á, 05 HCV Giải Đông Nam Á, 16 HCV Giải vô địch toàn quốc, 15 HCV), tăng 45 huy chương hơn so với năm 2022.

VĐV Nguyễn Thị My (Cầu mây) đạt 7 huy chương: 4 HCV (Vô địch thế giới, Asiad 19, Vô địch châu Á,) 2 HCB (Vô địch thế giới, Sea games 32), 1 HCĐ (Vô địch thế giới).

Các kết quả trên đây đã thể hiện sự quyết tâm, nỗ lực của ngành Văn hóa và Thể thao Nghệ An, đáp ứng được kỳ vọng của lãnh đạo tỉnh và kế hoạch ngành đã đề ra.

Những nhiệm vụ trọng tâm năm 2024

1. Tạo bước đột phá trong công tác thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; tiếp tục tham mưu các cơ chế chính sách đặc thù để tháo gỡ những nút thắt trong các hoạt động văn hóa thể thao tạo cơ sở nền tảng vững chắc để văn hóa thể thao phát triển ổn định bền vững từ nay đến năm 2030.

Tiếp tục triển khai kế hoạch hành động thực hiện Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc và Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về "xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước" và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại các chiến lược, quy hoạch phát triển Ngành đã được phê duyệt.

Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị của ngành. Triển khai Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ngành theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực ngành theo hướng chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ trong giai đoạn mới.

Tiếp tục cải tiến công tác chỉ đạo điều hành thông qua các hội nghị đối thoại trực tiếp của lãnh đạo ngành với lãnh đạo các đơn vị thuộc, cùng với việc triển khai thực hiện cam kết của người đứng đầu các đơn vị thuộc ngành với lãnh đạo Sở về thực hiện nhiệm vụ của đơn vị để loại dần sức ỳ, lực cản, tâm lý e dè, thiếu quyết liệt trong thực thi công vụ.

2. Tổ chức tốt các sự kiện kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước trong năm 2024. Trọng tâm là các hoạt động kỷ niệm 134 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lễ hội làng Sen; các hoạt động kỷ niệm 10 năm dân ca Ví, Giặm được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao bảo đảm an toàn, tiết kiệm, phù hợp với nếp sống văn minh, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tạo điều kiện cho Nhân dân được tham gia sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa nghệ thuật. Tăng cường hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; quản lý và tổ chức lễ

hội; trước mắt là trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024.

Đẩy mạnh công tác truyền thông thông qua các kênh báo chí, PTTH trong và ngoài tỉnh, đặc san VHTT, website vanhoanghean.com.vn, Trang thông tin điện tử của ngành VHTT và các đơn trực thuộc để mang đến góc nhìn toàn cảnh về văn hóa, giúp mọi người cảm nhận nhiều "hương vị mới" về văn hóa. Qua đó, góp phần lan tỏa những thành tựu của ngành, ghi nhận và tôn vinh những đóng góp xuất sắc của các tập thể, cá nhân đối với sự nghiệp phát triển VHTT.

3. Chủ động tăng cường, mở rộng các hoạt động giao lưu, hợp tác trong và ngoài nước trên các lĩnh vực của ngành (quan tâm tới liên kết nội vùng, liên kết các vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế về văn hóa, thể thao, lễ hội; xây dựng "con đường di sản"; kết nối thể thao; kết nối giữa con người với con người); ký kết, triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác về văn hóa, thể thao theo chương trình công tác năm 2024; tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cho VHTT; đẩy mạnh xã hội hóa trong các hoạt động VHTT.

4. Tăng cường triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án về VHTT: Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025; Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030; Đề án Phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Chương trình Chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình "Đẩy mạnh các hoạt động phục vụ học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa đến năm 2030" năm 2024; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 01/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh đổi mới hoạt động của thư viện trong xây dựng, phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin năm 2024; Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Nghệ An đến năm 2030; Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", Chương trình Bơi an toàn phòng chống tai nạn đuối nước trẻ em, Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030.

5. Đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo quản lý, nội dung các hoạt động văn hóa và thể thao; quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp về văn hóa, thể thao; tạo ra các nguồn thu từ các hoạt động văn hóa, thể thao.

Bám sát phương châm hành động năm 2024 mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã quán triệt là "tăng tốc, sáng tạo, về đích", ngành Văn hóa và Thể thao Nghệ An sẽ quyết liệt hành động để xây dựng và phát triển sự nghiệp Văn hóa, Thể thao Nghệ An xứng tầm là quê hương của Bác Hồ kính yêu.

CHẤN HƯNG VĂN HÓA, đừng nghĩ đâu xa!

VĨNH KHÁNH

Giáo dục con cái từ trong gia đình. Ảnh minh họa

VĂN HÓA, TRƯỚC HẾT LÀ NHỮNG GÌ RẤT GẦN GŨI VỚI MỖI CHÚNG TA, TRƯỚC KHI NÓI ĐẾN NHỮNG GIÁ TRỊ XA VỜI CHỈ CÓ NHỮNG BẬC TÀI NĂNG KIỆT XUẤT MỚI CÓ THỂ TẠO RA. CHẤN HƯNG LÀ LÀM SỐNG LẠI MẠNH MẼ HƠN NHỮNG ĐIỀU TỐT ĐẸP ĐÃ CÓ, LÀM CHO NÓ THĂNG HOA LÊN, HAY HƠN, TỐT HƠN, PHONG PHÚ HƠN NHỮNG GÌ ĐÃ CÓ.

Đơn giản, chỉ là nết ăn ở…

Đúng là đơn giản, chỉ là nết ăn, nết ở. Nhưng không! Ăn ở sao cho trở thành văn hóa là không dễ. Cũng là cầm cái bát, đôi đũa, nhưng lúc nào, cầm như như thế nào lại là điều không dễ. Rồi đến bữa ăn, ai mời ai, mời như thế nào? Mặc thì ra làm sao? Thật khó. Vì đến mức có văn hóa tức là nó đã đạt đến những chuẩn mực của cộng đồng, được cộng đồng chấp nhận mà trong đó có không ít điều đã trở thành phong tục tập quán

Ăn ở đây là bao gồm tất cả những ứng xử với cha mẹ, gia đình, họ hàng, người thân, láng giếng, bạn bè, đồng nghiệp…. Mình phải biết tôn trọng mọi người, yêu thương, giúp đỡ mọi người. Sống có trách nhiệm, có tinh thần chia sẻ với mọi người. Cũng có nghĩa là sẽ không vô cảm, vô trách nhiệm từ việc nhỏ đến việc lớn, từ việc của gia đình, bạn bè đến chuyện quốc gia đại sự. Những việc này, tôi tin chắc chẳng có dự án nào làm được cả.

Hãy nhìn vào cái bếp!

Nó phải làm từ cái bếp, từ bàn ăn của gia đình. Phải là những lời ông bà, cha mẹ dạy cho con, cháu mới ra được. Chẳng có tổ chức hay ban dự án nào làm được điều này cả. Vì đây là câu chuyện giáo dục văn hóa. Có những việc chỉ có thể là cha mẹ nói với con, ông bà nói với cháu mới được. Đó là trao truyền văn hóa. Trong cái bếp mẹ bày cho con nết ăn, dạy cho con nữ công gia chánh; Cha dạy cho con cách nhìn đúng sai trong cuộc sống, từ nhà ra ngoài làng, cách ứng xử với bà con, làng nước, với thầy, với bạn. Trong cái bếp, mẹ có thể dạy cho con cách sống cần kiệm, cho con những lời khuyên nhỏ nhất từ cách cho gia vị các món ăn đến cách nói năng, xưng hô với mọi người. Nếu ở trong bếp mà con trẻ nghe lời cha mẹ thì việc nghe lời thầy cô ở trường chỉ là bước tiếp theo. Gia phong tốt đẹp là bước khởi đầu hoàn hảo cho việc hình thành những con người xã hội tốt đẹp.

Chấn hưng văn hóa, trước hết, là làm sống lại và nhân lên những điều tốt đẹp về gia phong, nết ăn ở mà người Việt Nam từ bao đời nay đã gây dựng nên.

Vậy nên, nếu ai chưa nhìn vào cái bếp, cái bàn ăn, cái nếp sống/gia phong của nhà mình thì hẵng khoan nói những điều to tát về văn hóa.

Hãy nhìn vào lớp học!

Mọi sự thành bại của văn hóa đều găn liền với thành bại của nền giáo dục. Muốn biết cái mầm hư hại, sa sút về văn hóa hiện nay hãy nhìn vào các lớp học. Ở đó, bên cạnh những điều đẹp tốt vẫn còn có rất nhiều thứ đáng ra không nên có, không được có. Đó là bạo lực, là ma túy, là tham nhũng, lường gạt, thậm chí cả dâm ô… Không phải con trẻ đưa đến lớp đâu. Người lớn cả đấy. Vụ án Nguyễn Trường Tô - Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang dâm ô với học sinh THPT là vết nhơ không thể gột rửa. Chưa hết, những năm gần đây, nhiều vụ án thầy giáo dâm ô với học sinh, kể cả học sinh tiểu học là điều xưa nay chưa từng có. Vụ án sửa điểm thi ở Sơn La, Hòa Bình… là sự dối trá trắng trợn vùi dập văn hóa học đường. Có những việc chúng ta làm mà không hoặc chưa lường hết được mặt trái của nó. Các cuộc thi chẳng hạn. Ở nước ta mà học sinh THPT làm ra được thuốc chữa ung thư là một điều không tưởng nếu không nói là dối trá.

Học sinh TP. Vinh tham quan, trải nghiệm trò chơi "Bịt mắt bắt vịt" tại Bảo tàng Nghệ An

Xã hội hóa giáo dục là chính sách không sai nhưng trong thực tế rất nhiều nơi, nhiều lúc, là một uyển ngữ dẫn đến tình trạng lạm thu, làm tốn kém rất nhiều tiền của dân và làm hư hỏng rất nhiều nhà giáo. Vậy nên, muốn chấn hưng văn hóa, sau cái bếp, cái bàn ăn ở nhà thì phải bắt đầu ngay vào cái lớp học, từ mẫu giáo cho đến bậc đại học. Tre càng non càng dễ uốn. Trẻ càng nhỏ càng dễ dạy. Muốn có trò ngoan, trò giỏi, trò có văn hóa thì phải có các nhà giáo mẫu mực về tri thức và đạo đức. Xây dựng môi trường văn hóa học đường phải bắt đầu từ vai trò của các nhà giáo. Vì vậy, tôi đồ rằng sự nghiệp chấn hưng văn hóa này có đến hơn nửa nằm trên vai các nhà trường, các cô thầy giáo. Nhà trường là môi rường văn hóa đặc biệt. Đó là "cỗ máy cái" để

Giảng viên Trung tâm Phòng chống tai nạn thương tích trẻ em hướng dẫn học sinh kỹ năng thoát hiểm khi bị bắt cóc

sản sinh ra các thế hệ công dân của đất nước - những chủ nhân của nền văn hóa quốc gia dân tộc. Cỗ máy ọc ạch thì sản phẩm ra còi cọc, khiếm khuyết. Vậy nên, khi triển khai chiến lược chấn hưng văn hóa, ngành Văn hóa nên và phải "kéo" ngành Giáo dục vào cuộc. Trường học mới là nơi quyết định phần lớn thành bại của công cuộc chấn hưng văn hóa.

Lâu nay, chúng ta, trong thực tế, hình như chỉ chú trọng tới lớp học là nơi dạy chữ mà quên đi vai trò văn hóa của nó. Từ ngôi nhà của ông bà, cha mẹ đến lớp học là đến ngôi nhà thứ hai. Lớp học là không gian, là môi trường văn hóa đặc biệt vì từ đây các em nhỏ được đi ra, được tiếp xúc với xã hội, được sống trong một không gian rộng lớn hơn và từ đây các em bắt đầu hành trình với tư cách một thành viên của xã hội, được giáo dục ý thức tự giác về nghĩa vụ của mình với cộng đồng, xã hội.

Nhân đây tôi muốn nói tới vai trò của đội Thiếu niên Nhi đồng và Đoàn Thanh niên. Nếu cách đây 60 - 70 năm về trước, các phong trào đội có rất nhiều hoạt động thực tế, thực chất, chăm lo bày vẽ cho thiếu niên nhi đồng. Nhưng bây giờ các hoạt động Đoàn - Đội chú trọng hình thức nhiều hơn.

Tôi lại nhớ, hồi trước có phong trào Hướng đạo sinh, vốn là từ châu Âu rồi lan sang nước ta từ những năm 1930. Phong trào này là nhằm giáo dục bổ túc cho giáo dục gia đình và nhà trường, giúp thanh thiếu niên rèn luyện kỹ năng, tinh thần hợp tác, tính tháo vát…., để có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh, chuẩn bị cho việc trở thành những công dân tốt, có trách nhiệm, trọng danh dự và hữu ích cho xã hội. Đây là một phong trào rất tốt. Tôi nghĩ là chúng ta nên khôi phục các hoạt động này trong việc rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng văn hóa cho thanh thiếu niên. Mô hình, cách làm tốt thì nên tiếp thu.

Nếu chỉ nghĩ đến việc đưa con đến trường chỉ để học chữ là một sai lầm tai hại. Đến lớp là con trẻ trở thành con người xã hội, con người văn hóa. Môi trường gia đình rất quan trọng nhưng chưa đầy đủ nếu thiếu môi trường nhà trường. Đi học là một qúa trình xã hội hóa, văn hóa hóa con người. Vậy nên, nói lại, ngành Giáo dục phải là một lực lượng chủ công trong công cuộc Chấn hưng văn hóa, không ai khác được.

Hãy nhìn vào lịch sử!

Tức là muốn nói đến kinh nghiệm chấn hưng văn hóa của dân tộc ta. Ít nhất lịch sử Việt Nam đã có mấy lần chấn hưng, duy tân văn hóa. Đó là thế kỷ X-XII, sau khi giành lại được tự chủ; Là thế kỷ XV, sau khi kháng chiến chống giặc Minh thắng lợi. Gần đây nhất là cuộc duy tân văn hóa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX trước bối cảnh nền văn hóa Hán học lạc hậu và sự du nhập của văn hóa phương Tây. Mỗi cuộc chấn hưng, duy tân đều có những đặc điểm riêng được quy định bởi các yếu tố thời đại và chủ quan của lực lượng chấn hưng. Tuy nhiên, nhìn lại lịch sử, có thể thấy ở các cuộc Chấn hưng/Duy tân ở nước ta, đều nổi bật lên vai trò dẫn đường của giới trí thức. Giới trí thức, với trí tuệ và trách nhiệm của mình đã

chủ động tiên phong sứ mạng này. Và các cuộc chấn hưng thành công đều có vai trò của bộ máy Nhà nước khi đã tin tưởng và dành cho họ những khoảng không gian tự do và hỗ trợ họ thực thi sứ mệnh hoa tiêu cho nền văn hóa dân tộc. Phải chăng đây là một bài học lịch sử?

Cũng là nhìn vào lịch sử, tôi muốn nhìn vào những vấp ngã, sai lầm. Trong tiến trình văn hóa dân tộc, nhất là trong thời hiện đại, không phải không có lúc chúng ta nhận thức thiếu khách quan dẫn đến xử lý không chính xác, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống văn hóa đất nước như một di chứng. Sự e dè đến mức bạc nhược của vua Tự Đức đã cản trở tư tưởng canh tân của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ… nửa cuối thế kỷ XIX. Phong trào "hợp tự", chống văn hóa tư sản quá ấu trĩ và quá tả sau Cải cách ruộng đất (1955), sau 1975… cũng đã phá hủy rất nhiều di sản văn hóa và làm mất thời cơ sáng tạo/cống hiến của rất nhiều trí thức, văn nghệ sĩ tài năng.v.v…

Cũng là nhìn vào lịch sử, tôi muốn nhìn vào chính sách đầu tư cho văn hóa trong mấy chục năm vừa qua. Nguồn lực đất nước, xã hội còn hạn chế nhưng đầu tư của chúng ta còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Nhiều nhà hát, rạp chiếu phim bỏ không. Ở nông thôn, nhiều nhà văn hóa không hoạt động. Nhiều bảo tàng vắng khách tham quan. Nhiều thư viện thưa thớt người đọc. Đầu tư không ít cho đào tạo nhân lực cho ngành Văn hóa nhưng nhìn chung chất lượng không cao, chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực cho phát triển của ngành Văn hóa và xã hội. Đầu tư nhiều công sức để xây dựng các phong trào văn hóa nhưng vẫn thiếu bền vững, thiếu thực chất, vẫn tồn tại tình trạng hình thức, bệnh thành tích mà phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã văn hóa là một dẫn chứng. Đầu tư không ít cho việc xây dựng các tác phẩm/công trình văn học, nghệ thuật nhưng hiệu quả không được như mong đợi…

Đó là hậu quả của nhận thức văn hóa còn rất hời hợt, thậm chí sai của không ít tổ chức, cơ quan, địa phương.

Thực ra, Chấn hưng văn hóa không phải là điều gì ghê gớm cả. Chỉ là làm cho tốt lên hơn thôi. Rồi cái tốt cứ thúc đẩy nhau làm ra cái tốt hơn, tạo ra một giá trị mới hơn cái cũ, từ nết ăn ở đến khát vọng và tài năng sáng tạo.

Thời đại 4.0 này, con người có thể nhìn thấu cả lịch sử, hiện tại và dự đoán nhiều chuyện thì tương lai. Nhưng câu chuyện văn hóa lại khác hơn một tý, vì nó ở bên cạnh ta, nó chính là ta. Văn hóa không từ trên trời rơi xuống. Văn hóa là một "Hành trình Người", bồi đắp nhân tính và trí tuệ. Vậy nên, gần nhất, bình dị là cái bếp, và lớp học vẫn có thể giúp Chấn hưng cho chính chúng ta.

Biểu diễn nghệ thuật chào mừng ngày thành lập Đảng. Nguồn: Internet

ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, NHÂN DÂN HẠNH PHÚC

ĐẶNG CÔNG THÀNH

Xuân Giáp Thìn 2024, Đảng ta tròn 94 tuổi, tiếp tục là năm bản lề, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để phấn đấu đến năm 2025 nước ta là nước đang phát triển, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. Cũng là năm thứ 4, Đảng ta thực hiện chủ trương của Đại hội XIII: Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Có thể khẳng định, đây là lần đầu tiên trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc, Đảng ta đưa yếu tố Hạnh phúc vào Nghị quyết của một kỳ Đại hội nhằm định hướng phát triển đất nước.

Hạnh phúc là giá trị vô cùng cao quý của mỗi dân tộc, đất nước, mỗi người. Là một trong những đích đến của nhân loại tiến bộ. Cách đây 63 năm, trong bài thơ "Bài ca mùa Xuân 1961", Nhà thơ Tố Hữu đã thể hiện một niềm hạnh phúc đơn sơ, giản dị nhưng vô cùng thiêng liêng, quý giá vì nó gắn liền với hòa bình, độc lập dân tộc: "Như hạnh phúc đơn sơ, ước mơ nho nhỏ/Treo trước mắt của loài người ta đó/Hòa bình/Độc lập/ấm no/cho con người/Sung sướng/Tự do!".

Hạnh phúc của dân tộc ta, của mỗi người dân chúng ta trước hết phải bảo đảm bằng nền độc lập dân tộc, hòa bình, thống nhất đất nước, tự do của toàn dân. Năm 1919, tại Hội nghị Véc Xây (Pháp), Nguyễn Ái Quốc đã thay mặt những người dân An Nam gửi "Bản Yêu sách tám điểm", trong đó có quyền dân sinh, dân chủ như độc lập cho thuộc địa, dân quyền cho người dân. Nguyễn Ái Quốc đã trả lời trực diện Bộ thuộc địa Pháp rằng: "Cái mà tôi cần nhất trên đời: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập".

Biểu diễn nghệ thuật "Mừng Đảng - Mừng Xuân" tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh

Khát vọng độc lập cho Tổ quốc, hạnh phúc cho Nhân dân đã thôi thúc Nguyễn Ái Quốc thống nhất ba tổ chức Đảng trong nước, lập nên Đảng Cộng sản Việt Nam với mục tiêu đoàn kết, tập hợp giai cấp công nhân, nông dân, Nhân dân lao động đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân. Khi mới 15 tuổi, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân làm nên Cách mạng Tháng Tám năm 1945, những thành quả cách mạng đồng thời cũng là hạnh phúc đối với toàn thể dân tộc Việt Nam: "Là dân một nước tự do, độc lập. Tiêu ngữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" ghi dưới Quốc hiệu Việt Nam từ năm 1945 đến nay vẫn không thay đổi cả về nội dung và hình thức thể hiện. Tại Sắc lệnh này, lần đầu tiên 6 chữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được gắn liền với nhau bằng các gạch nối, thể hiện sự gắn bó hữu cơ và biện chứng giữa các yếu tố với nhau, đó là những điều kiện và mục tiêu tối thượng. Ngay từ những ngày tháng độc lập đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ, độc lập dân tộc là tiền đề, là điều kiện cần chưa phải là điều kiện đủ cho hạnh phúc của người dân. Người khẳng định: "Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ"[2]. Tháng 01-1946, khi trả lời các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói lên khát vọng cháy bỏng của mình: "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành". Sau chiến thắng lịch sử mùa Xuân năm 1975, đế quốc Mỹ hoàn toàn rút khỏi đất nước ta, chính quyền tay sai bị lật đổ, người dân hai miền Nam - Bắc, kiều bào ta ở nước ngoài vỡ oà trong niềm hạnh phúc khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối. Từ đây, con đường tới hạnh phúc đầy đủ, trọn vẹn của mỗi người dân đã mở ra. Đó là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Lịch sử vẻ vang của Đảng 94 năm qua là lịch sử chiến đấu hy sinh, thế hệ tiếp nối thế hệ của những người cộng sản Việt Nam cùng với Nhân dân và dân tộc mình vì độc lập - tự do - hạnh phúc của mỗi người Việt Nam. Cán bộ, đảng viên với tấm lòng trong sáng, sự hy sinh gian khổ, cố gắng hết mình, gắn bó máu thịt với Nhân dân, không tơ hào cái kim, sợi chỉ của dân, nhất là các đồng chí lãnh tụ của Đảng luôn được dân tin, dân yêu, dân ủng hộ, đùm bọc, che chở. Chính sự trong sạch, hy sinh của cán bộ, đảng viên đã cuốn hút, lôi kéo quần chúng nhân dân tin và đi theo Đảng, góp phần làm cho Đảng ta vững mạnh, lãnh đạo Nhân dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, đem lại độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no hạnh phúc cho Nhân dân. Tuy nhiên do những sai lầm chủ quan, duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp mà nhiều người dân ta "cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc", đất nước rơi vào khủng khoảng nặng nề, lạm phát đến 700%. Trong tình thế ấy, một số cán bộ, đảng viên những người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền địa phương ở Vĩnh Phú (cũ), Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An,…. Đã bất chấp sự ràng

buộc về cơ chế cũ, trăn trở suy nghĩ, tâm huyết với sự đi lên của đất nước, lắng nghe ý kiến góp ý của người dân mà "phá rào", "khoán chui", "tiền tệ hóa" tiền lương… mở ra hướng phát triển mới. Đó chính là sự hy sinh thầm lặng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì hạnh phúc của Nhân dân của cán bộ, đảng viên. Đảng ta khi nhận ra những sai lầm về đường lối, bất cập trong cơ chế, chính sách chưa theo kịp sự phát triển của tình hình thực tiễn cũng đã thẳng thắn thừa nhận và rút ra bài học xương máu. Nhìn thẳng vào sai lầm, khuyết điểm để sửa chữa, cầu tiến bộ là một biểu hiện sinh động của một Đảng trong sạch, cách mạng, chân chính, thực sự là đạo đức, văn minh, là một Đảng tiến bộ.

Trải qua gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đất nước ta đạt được "những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử", "chưa bao giờ có được cơ đồ to lớn, vị thế vai trò và uy tín quốc tế cao như ngày nay". Đất nước thay da đổi thịt hằng ngày, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện. Sau hơn 20 năm thực hiện 8 mục tiêu trong Tuyên ngôn Thiên niên kỷ của Liên Hợp quốc (tháng 9 - 2000), Việt Nam là một quốc gia điển hình, được đánh giá cao, vượt xa nhiều chỉ tiêu đã đề ra. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam từ mức 0,654 (năm 2010, hạng 128/189 quốc gia và vùng lãnh thổ) lên mức 0,704 (năm 2021), tăng hai bậc trong bảng xếp hạng toàn cầu, lên vị trí, hạng 115/191 quốc gia và vùng lãnh thổ). Kể từ năm 1990 đến năm 2021, chỉ số HDI của Việt Nam tăng gần 46%. Trong Chỉ số hành tinh hạnh phúc năm 2016 do tổ chức nghiên cứu kinh tế - xã hội New Economics Foundation (Anh) công bố, Việt Nam xếp thứ 5, cao nhất châu Á… Tiêu biểu điển hình nhất là trong hai năm từ 2020 - 2022, dưới sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của Chính phủ, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của toàn dân, nước ta khống chế thành công đại dịch Covid - 19, được các tổ chức quốc tế và các nước trên thế giới đánh giá cao, chứng tỏ không phải cứ thu nhập cao, tốc độ tăng trưởng nhanh là hạnh phúc. Điều quan trọng nhất là người dân được sống trong một đất nước hòa bình, có cuộc sống bình yên, an toàn với mỗi ngày là một ngày vui và xã hội "không một ai bị bỏ lại phía sau"…

Thời gian qua, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có không ít cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước, đã sa vào chủ nghĩa cá nhân, có những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tham nhũng, quan liêu, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm… Tuy đất nước vẫn phát triển, cuộc sống người dân không ngừng được cải thiện, nhưng những biểu hiện tiêu cực của một bộ phận cán bộ, đảng viên đã suy giảm lòng tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước, thậm chí có nguy cơ làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng, đe doạ sự tồn vong của chế độ. Theo Ủy ban kiểm tra Trung ương, nhiệm kỳ Đại hội XII của Đảng, các cấp uỷ, tổ chức Đảng đã thi hành kỳ luật "hơn 2.700 tổ chức đảng, gần 168.000 đảng viên, trong đó có hơn 7.390 đảng viên bị kỷ luật do tham nhũng hoặc liên quan đến tham nhũng. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã kỷ luật hơn 170 cán bộ cấp cao diện Trung ương quản lý, trong đó có 33 Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, hơn 50 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang". Chưa bao giờ trong lịch sử Đảng, một nhiệm kỳ Đại hội XII mà có tới 110 cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý, trong đó có cả các Ủy viên Bộ Chính trị bị kỷ luật. Riêng từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đến nay, đã có hơn 1.000 tổ chức đảng và gần 52 nghìn đảng viên bị thi hành kỷ luật. Trong đó có 91 cán bộ diện Trung ương quản lý. Riêng án tham nhũng khởi tố mới là hơn 1.300 vụ với 3.500 bị can (tăng hơn 2 lần về số vụ và hơn 3 lần về số bị can so với nửa đầu nhiệm kỳ trước). Trong đó, xử lý kỷ luật 83 cán bộ (xử lý hình sự 31 lượt) diện Trung ương quản lý (gấp hơn 7 lần nhiệm kỳ khóa XI và gần bằng cả nhiệm kỳ XII). Riêng vụ án xảy ra tại Công ty Việt Á, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và 25 địa phương đã khởi tố 30 vụ án, 109 bị can, thiệt hại ước tính trên 1.000 tỷ đồng; trong hoạt động đăng kiểm đã khởi tố 80 vụ án, 613 bị can tại Cục Đăng kiểm Việt Nam, 98 trung tâm đăng kiểm; vụ án xảy ra tại Cục Lãnh sự (Bộ Ngoại giao) đã khởi tố 54 bị can; vụ án liên quan đến Ngân hàng SCB, Tập đoàn Vạn Thịnh Phát thiệt hại ước tính trên 9.000 tỷ đồng…Trong đó, trong đó, có 2 Bộ trưởng, nguyên Bộ trưởng; 4 Bí thư, nguyên Bí thư Tỉnh ủy; 5 Thứ trưởng, nguyên Thứ trưởng; 7 Chủ tịch, nguyên Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 2 trợ lý phó Thủ tướng Chính phủ và 9 sĩ quan cấp tướng của lực lượng vũ trang;

Nhiệm kỳ Đại hội XII và hơn nửa đầu nhiệm kỳ Đại hội XIII, Đảng ta đã ban hành nhiều quy chế, quy định về công tác cán bộ, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng tiêu cực, lợi ích nhóm, chạy chức, chạy quyền… Đến nay, tham nhũng tiêu cực bước đầu đã được ngăn chặn, từng bước được đẩy lùi, niềm tin của Nhân dân vào Đảng, Nhà nước từng bước được củng cố, tăng cường. Điều đó khẳng định thắng lợi quan trọng trong công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đó chính là cơ sở đem lại hạnh phúc của Nhân dân.

Thực tiễn cho thấy, khi nào tổ chức, cấp ủy Đảng và Đảng viên gương mẫu, gắn bó mật thiết với Nhân dân, biết dựa vào Nhân dân thì khi đó tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh, vượt quan mọi khó khăn, thách thức. Thực tiễn với thành tựu của công cuộc đổi mới cho thấy, sức mạnh của Đảng và sự bền vững của chế độ bắt nguồn từ sự nêu gương, tấm lòng trong sáng của đảng viên. Điều này làm nên sức mạnh của lòng dân, của mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, đồng thời nhân lên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp hữu cơ giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. "Dân là gốc của nước", dân giàu thì nước mạnh; Đảng vì dân, vì nước, dân tin Đảng, theo Đảng, ủng hộ và bảo vệ Đảng làm nên trong sạch, vững mạnh của Đảng.

Khát vọng phát triển đất nước "hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc" phụ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng lịch sử 94 năm qua đã chứng minh: Đảng trong sạch, vững mạnh, làm nên hạnh phúc cho Nhân dân thì Nhân dân theo Đảng đến cùng, cùng Đảng vượt qua mọi thử thách, khó khăn.

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 64.
2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr. 175.

Chương trình nghệ thuật "Hào khí Sông Lam" chào năm mới 2024. Ảnh: Hoàng Nguyên

Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước - Nhìn từ Nghệ An

KIM LƯU

Quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam

Trong suốt quá trình vận động cách mạng, Đảng ta đặc biệt coi trọng văn hóa, nhất là yếu tố con người. Năm 1943, lần đầu tiên Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra một *cương lĩnh văn hóa*, trong đó xác định rõ ba nguyên tắc: *"Dân tộc hóa"; "Đại chúng hóa"; "Khoa học hóa"*; sự nghiệp văn hóa là của toàn dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng [1]. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Năm 2014, sau khi tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về văn hóa, Hội

nghị Trung ương 9 khóa XI của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (sau đây gọi là Nghị quyết số 33-NQ/TW), Đảng đã chỉ rõ: "Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học". Lấy chuẩn mực đạo đức, lối sống và nhân cách làm thước đo đánh giá con người trong quan hệ ứng xử với tự nhiên, xã hội, hướng tới giá trị nhân văn, có thế giới quan khoa học. Đảng yêu cầu: "Nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức cho con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, của kinh tế tri thức và xã hội học tập". "Xây dựng và phát huy lối sống "Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người"; hình thành lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ môi trường". Đây là lối sống thể hiện bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, thể hiện mối quan hệ "cái chung" và "cái riêng", đặt "cái ta" lên trên "cái tôi", đề cao trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội. Đại hội XIII của Đảng tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối, quan điểm của Đảng ta về phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước: "giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế [2]. Việc xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam là quá trình kết hợp nhuần nhuyễn, vừa xác lập những giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức mới, vừa khơi dậy những giá trị chuẩn mực đạo đức, tinh thần và ý chí quyết tâm, tiềm năng, thế mạnh, sức sáng tạo của con người Việt Nam, tạo động lực thúc đẩy đất nước phát triển bền vững, dân tộc cường thịnh, trường tồn.

Thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam tại Nghệ An

Xứ Nghệ nằm trong vùng hiểm yếu, đất rộng, khí hậu khắc nghiệt, được xem là tiểu vùng văn hóa độc đáo của Việt Nam. Từ xa xưa, người dân xứ Nghệ đã phải vật lộn với thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Từ trong khó khăn, cằn cỗi, khắc nghiệt ấy đã hình thành đức tính cần cù, tiết kiệm; kiên cường trung dũng, chí khẳng khái, lý tưởng, hoài bão; lòng tự tin, ý chí tiến thủ, tinh thần trách nhiệm trong công việc, trong cuộc sống. Nghệ An là vùng đất học, có nền tảng tri thức tốt và sức sáng tạo. Nếu biết phát huy những phẩm chất truyền thống đó, sẽ là tiền đề để người Nghệ phát huy những giá trị tốt đẹp, truyền thống, đức tính vốn có của mình, để khẳng định bản thân, để hội nhập và phát triển. Vì vậy, trong những năm qua, công tác xây dựng và phát triển văn hóa, con người là một trong những nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của hệ thống chính trị, luôn được các cấp, ngành, địa phương của tỉnh quan tâm thực hiện. Sau khi Nghị quyết **33-NQ/TW** ra đời, Nghệ An đã ban hành nhiều văn bản, nhiều chương trình, đề án, tổ chức nhiều cuộc hội thảo và đưa các quy định về xây dựng con người văn hóa, gia đình văn hóa vào hương ước, quy ước của khu dân cư thực hiện, góp phần cụ thể hóa chủ trương xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Nghị quyết số **33-NQ/TW** là cơ sở để Nghệ An xây dựng con người mới phát triển toàn diện theo Nghị quyết 05-NQ/TU, ngày 14/12/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Con người mới phải có lòng trung thành, chính trực, có lý tưởng yêu nước; có lối sống lành mạnh, giản dị, phong cách khoa học, khẩn trương, trách nhiệm, có tinh thần đổi mới, sáng tạo. Con người mới phải đặt công việc lên trên hết, có nhân cách, đạo đức, bản lĩnh, trung thực và đoàn kết, chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức. Với mục tiêu đó, tỉnh Nghệ An đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả 6 nhiệm vụ: xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; Phát triển công nghiệp văn hóa đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hóa; chủ động

Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam năm 2023 tại huyện Quỳ Châu.

hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Trong đó, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, tạo điều kiện để phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng, đề cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi người trong gia đình, trường học, cơ quan, đơn vị và trong xã hội. Chỉ đạo các ngành chức năng tiếp tục thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã cụ thể hóa thông qua nội quy, quy chế, các quy định chuẩn mực về đạo đức, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, công chức. Chú trọng công tác bảo tồn và phát huy các phong tục tập quán, nghi lễ văn hóa truyền thống tốt đẹp của từng địa phương và đồng bào các dân tộc thiểu số. Phát triển những sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch và khai thác, phát huy thế mạnh các di sản văn hóa kết hợp với phát triển du lịch, dịch vụ được các địa phương thực hiện tích cực.

Nhờ những bước chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả đó, đến nay, tư tưởng, đạo đức và lối sống - yếu tố then chốt của văn hóa đã có những chuyển biến tích cực. Đời sống văn hóa của Nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa được hình thành, sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng và chất lượng, nhiều phong trào hoạt động văn hóa đạt được kết quả thiết thực. "100% trường học (từ mầm non đến trung học cơ sở) thực hiện chương trình đưa dân ca Ví, Giặm, văn hóa, lịch sử địa phương vào trường học; tổ chức các hội thi, liên hoan văn nghệ, dân ca Ví, Giặm nhằm khơi dậy tình yêu, lòng đam mê đối với di sản văn hóa của nhân loại, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc"; "Việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và nhiều giá trị văn hóa khác ngày càng được chú trọng hơn"[3]. Nhiều giá trị truyền thống văn hóa, gia đình, dòng tộc cộng đồng; Tinh thần đoàn kết, nhân nghĩa, lối sống "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người" được phát huy mạnh mẽ qua các phong trào "Tết vì người nghèo", "Lá lành đùm lá rách", "Quỹ vì người nghèo", "Khu dân cư chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau", ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, đoàn kết, sẻ chia trong phòng, chống đại dịch Covid-19. Năm 2023, là năm thứ 10 tỉnh Nghệ An tổ chức chương trình "Tết

vì người nghèo", tỉnh đã kêu gọi được gần 590 tỷ đồng chăm lo Tết cho hàng trăm nghìn hộ nghèo. "Kết quả ủng hộ này là một trong những minh chứng sinh động nhất khẳng định truyền thống đạo lý tốt đẹp "thương người như thể thương thân", cuộc sống dù còn khó khăn nhưng trọng nghĩa tình của người dân xứ Nghệ"[4]. Trong hai năm đại dịch Covid 19, Nghệ An huy động và phân bổ từ nguồn ngân sách cho công tác phòng, chống dịch Covid 19 gần 1.351 tỷ đồng (cả tiền mặt và hiện vật quy đổi thành tiền)[5]. Xây dựng tốt môi trường văn hóa, giáo dục "duy trì được nền tảng văn hóa cơ sở, bảo tồn và phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc của Xứ Nghệ. Một số lĩnh vực từng bước định hình là trung tâm vùng. Giáo dục mũi nhọn tiếp tục khẳng định vị trí tốp đầu cả nước, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên"[6]. Trong giai đoạn 2013 - 2023, toàn tỉnh có 1.087 học sinh đạt giải HSG quốc gia…liên tục đạt tốp đầu học sinh giỏi quốc gia, quốc tế[7]. Riêng năm học 2022- 2023, với 87 giải chia đều cho tất cả các môn thi, Nghệ An là địa phương đứng thứ 2 cả nước về số lượng học sinh giỏi quốc gia 2023[8]. Thể lực, tầm vóc con người Nghệ An, mức hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng lên; nhiều giá trị truyền thống tốt đẹp, bản chất chịu thương, chịu khó, cần cù, tiết kiệm, chân chất, mộc mạc, bộc trực, thẳng thắn, đùm bọc, tương thân, tương ái... được duy trì, phát huy. Cùng với sự thông minh, hiếu học của người Nghệ đã tạo nên thế hệ trẻ có hàm lượng tri thức cao, năng động, sẵn sàng tiếp nhận và sáng tạo nên những tiến bộ khoa học kỹ thuật, đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiếp cận, lĩnh hội và thâm nhập nhanh với thế giới bên ngoài.

Yêu cầu của hội nhập và một số giải pháp được đưa ra

Với quan điểm con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững, việc phát huy giá trị văn hóa gắn liền với giữ gìn, bảo vệ, hoàn thiện hệ giá trị chuẩn mực con người và khơi dậy tiềm năng, trí tuệ, sức sáng tạo của con người là vấn đề hết sức quan trọng. Mọi hoạt động văn hóa, quan hệ văn hóa, thiết chế văn hóa đều hướng vào bổ sung, hoàn thiện hệ giá trị, chuẩn mực, khắc phục những hạn chế, nhược điểm; bồi đắp cho con người phát triển toàn diện cả về phẩm chất, năng lực; củng cố tình yêu quê hương, đất nước, giá trị nhân văn. Những hoạt động đó hướng tới: "Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc"[9]. Nhấn mạnh vấn đề này để thấy rằng: trong giai đoạn hội nhập hiện nay, vấn đề lớn nhất hạn chế sự phát triển toàn diện của người Nghệ đó là tính cách cực đoan, cứng nhắc, thiếu mềm dẻo trong quá trình hội nhập. Vì vậy, người Nghệ cần tăng khả năng linh hoạt, thích ứng, và tinh thần sáng tạo. Để thực hiện được điều này, các cấp ủy, chính quyền các cấp cần quan tâm thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, quan tâm xây dựng hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người xứ Nghệ, tăng cường truyền thông về phẩm chất và tính cách Nghệ, chỉ rõ những hạn chế, những tính cách không phù hợp, cản trở hội nhập và phát triển. Quan điểm phát triển toàn diện con người bắt đầu từ phát triển toàn diện trẻ em, vì vậy, cần đưa nội dung người Nghệ, phẩm chất và tính cách vào chương trình giáo dục địa phương ở các cấp học một cách phù hợp, để giáo dục học sinh tự nhận biết cái hay, cái dở của tính cách người Nghệ, tự điều chỉnh, để hội nhập tốt hơn. Quan tâm các chính sách, tạo môi trường, tập hợp người tài Nghệ An cho khoa học và công nghệ, cho quản trị, cho việc làm giàu để phát huy điểm mạnh, khắc chế, hạn chế điểm yếu trong tính cách người Nghệ. Điều này không chỉ bảo tồn các giá trị tốt đẹp của người Nghệ, mà còn làm cho người Nghệ ngày càng thích nghi, phù hợp hơn với điều kiện kinh tế - xã hội mới.

Thứ hai, xây dựng môi trường văn hóa trong sạch,

lành mạnh. Để thực hiện tốt điều này cần "Có cơ chế, chính sách, giải pháp để xây dựng môi trường văn hóa thật sự trong sạch, lành mạnh, cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của Nhân dân"(10). Chú trọng phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội tạo sức mạnh tổng hợp để xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, nhằm: "Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội; xây dựng môi trường và đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế"(11). Mặt khác cần quan tâm việc "Xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; đẩy lùi bệnh quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, chủ nghĩa cơ hội và thực dụng. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, doanh nhân và kinh doanh"(12).

Thứ ba, phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế". Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nghệ An khóa XIX cũng đã chỉ rõ: "Phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, con người xứ Nghệ, ý chí tự cường và khát vọng vươn lên; chủ động đổi mới, sáng tạo, đưa Nghệ An phát triển nhanh và bền vững". Cần quan tâm cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì quê hương, đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân. Nghị quyết số 39-NQ/TW đề cập một cách nhất quán, sâu sắc, toàn diện về vấn đề phát huy nhân tố con người. Trong quan điểm chỉ đạo đã khẳng định nhân tố con người là quan trọng nhất, "lấy con người làm trung tâm", đồng thời chủ trương "phát huy cao độ truyền thống lịch sử, văn hóa xứ Nghệ, tiềm năng, thế mạnh về con người để xây dựng và phát triển Nghệ An toàn diện" để "đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đạt mức cao...". Phát huy nhân tố con người trong hệ thống chính trị để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; nâng cao vai trò quản lý, phục vụ, kiến tạo phát triển của chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng, hiệu quả của các tổ chức chính trị - xã hội; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền, tạo sự đoàn kết nhất trí trong Nhân dân. Đây là cơ sở, động lực khơi dậy ý chí, khát vọng xây dựng tỉnh Nghệ An giàu mạnh, tạo niềm tin vững chắc trong Nhân dân, chủ động triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết 39-NQ/TW đã đề ra.

Tài liệu tham khảo

(1). Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 7, tr. 320

(3). Báo cáo số 494-BC/TU, ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

(4). Trích bài phát biểu của Chủ tịch UBND tỉnh - Nguyễn Đức Trung, theo https://nghean.dcs.vn/vi-vn/tin/nghe-an--hon-131-ty-dong-ung-ho-tet-vi-nguoi-ngheo-xuan-quy-mao-2023/239475-139237-515581

(5). https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=71830

(6). Đề án số 21-ĐA/TU, ngày 14/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020, tr.49-tr.52.

(7). https://baonghean.vn/nhin-lai-10-nam-thuc-hien-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-va-dao-tao-theo-tinh-than-nghi-quyet-29-nqtw-o-nghe-an-post271467.html

(8). https://truyenhinhnghean.vn/giao-duc/202303/nghe-an-dung-thu-2-trong-ca-nuoc-ve-so-hoc-sinh-gioi-quoc-gia-2023-d4713f7/#:~:text=eMagazin

(2) (9); (10); (11); (12) V*ăn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, t. I, Hà Nội, 2021, tr. 202; tr. 115 – 116; tr. 114; tr. 221-222; tr. 114.

Toàn cảnh cảng Bến Thủy những năm 1920-1929. Ảnh TL

NGHỆ AN NĂM 1924

ĐÀO TAM TỈNH

Tính từ mốc danh xưng Nghệ An từ triều Lý Thái Tông vào năm Thiên Thành thứ 3 (1030) cho đến năm 2024 thì tỉnh Nghệ An có lịch sử hình thành và phát triển đến 994 năm (1030-2024). Nghệ An với nghĩa từ chữ Hán:

乂 **Nghệ**: Theo *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu, Nghệ: 1, Trị, cai trị được dân yên gọi là Nghệ; 2, Tài giỏi.

安 **An**: 1, Yên, bình an; 2, Định, không miễn cưỡng gì (như An cư lạc nghiệp); 3, Làm yên, như An phủ (Phủ dụ cho yên); 4, Tiếng giúp cho lời, như sao vậy!

Theo Đào Duy Anh. *Giản yếu Hán Việt từ điển*: 1, Nghệ: Sửa trị, Người hiền tài. 2, An: Êm đềm, trái với nguy. 乂安 Nghệ An: Một tỉnh ở phía bắc Trung Kỳ.

Vậy, có thể hiểu, Nghệ An là tổ chức cai quản thật tốt (Cai trị) và làm cho dân được an cư lạc nghiệp ở trên vùng đất Nghệ An, thuộc Bắc Miền Trung của nước Việt Nam. Danh xưng Nghệ An xuất hiện ở các bộ sách Sử và Địa chí:

- Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam nhất thống chí. T.1*/Tổng tài: Cao Xuân Dục; Toản tu: Lưu Đức Xứng, Trần Xán. H., Lao động - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, 2012.- Tr. 768: *Năm Thiên Thành thứ 3 đời Lí Thái Tông (1030), mới đổi Châu Hoan thành Nghệ An (tên Nghệ An bắt đầu có từ đây).*

- Bùi Dương Lịch. *Nghệ An ký. Quyển I và II*/Dịch và chú: Nguyễn Thị Thảo; Hiệu đính: Bạch Hào.- H., KHXH, 2004. Tr. 52 ghi:

Năm Thiên thành thứ 3 [1030], Lý Thái Tông đổi Hoan Châu làm Nghệ An.

- Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí. T.1*/Viện sử học. - H., Giáo dục, 2007. Tr. 72: *Buổi đầu, nhà Lý đổi Hoan Châu làm trại; đời Thái Tông, năm Thiên Thành thứ 3 (1030), đổi gọi là Nghệ An.*

Nghệ An với mốc một thế kỷ (1924-2024) rất quan trọng, đặc biệt là năm đầu (1924) cần được nghiên cứu tìm hiểu, để thấy được những khó khăn, thuận lợi và biết được cái nền ban đầu cho bước phát triển của tỉnh Nghệ An đến năm 2024.

Tỉnh Nghệ An (cuối thế kỷ XIX, đầu XX) và năm 1924 thuộc về xứ Trung Kỳ, nghĩa là thuộc dưới quyền cai trị của nhà Vua (triều Nguyễn) và Chính phủ Bảo hộ Pháp. Chính phủ Nam triều lúc đó do nhà Nguyễn cầm quyền chính trị mà người khai sáng là đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế (tức chúa Nguyễn Hoàng) và đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế (tức vua Gia Long). Đức vua đương thời năm 1924 (năm Giáp Tý, Khải Định 9) là dòng dõi Hoàng triều nhà Nguyễn. Thành tỉnh Nghệ An (nay còn gọi là thành cổ Vinh) là nơi đóng các cơ quan hành chính của tỉnh để quản lý mọi hoạt động của cả tỉnh và thành phố Vinh. Trong thành có cả Hành Cung, nơi vua làm việc và nghỉ lại mỗi khi hành hạt đến tỉnh.

Văn miếu Vinh. Ảnh TL

Ở tỉnh Nghệ An, thay mặt cho Chính phủ Bảo hộ, thì có quan Công sứ, thay mặt cho Nam Triều là quan Tổng đốc An Tĩnh.

Giúp việc cho quan Công sứ thì có quan Phó Công sứ, quan Đại lý ở phủ Qui, quan Chánh Sở Liêm phóng, Sở Cẩm, Sở Trước bạ, quan Chưởng thâu, các quan chuyên môn về Nông chính, Lâm chính, Công chính, Thương chính, Bưu chính, các quan Lương y, Thú y, các quan Giám binh ở các đồn lính, quan Tòa án Tây và các chức việc người An Nam.

Giúp việc cho quan Tổng đốc thì có quan Bố chính giữ việc Tài chính, coi sổ dân đinh, việc sưu thuế, việc điền thổ, việc tế tự, việc bảo tồn thổ trạch, v.v… Quan Án sát coi việc án từ; Quan Đốc học coi việc học chính; Quan Lãnh binh coi việc tuần phòng trong tỉnh thành và coi các cơ lính ta; Các quan phủ, huyện đứng đầu mỗi phủ, huyện trực tiếp với dân, giữ việc án tử, thi hành mệnh lệnh của quan trên, giữ việc trị an trong hạt, việc đê điều, thuế má; Ở trong thành phố Vinh - Bến Thủy thì có quan Bang tá coi về việc tuần phòng trong thành phố; Dưới nữa thì có các viên chức An Nam chia ra làm việc ở các sở. Trong mỗi phủ, huyện lại có cai, phó tổng, các chánh, phó lý và hương chức coi việc trị dân trong mỗi tổng, xã và thuộc dưới quyền kiểm soát của các quan phủ, huyện.

Tỉnh Nghệ An (năm 1924) gồm 11 phủ, huyện: Phủ Diễn Châu, phủ Hưng Nguyên, phủ Anh Sơn, huyện Nam Đàn, huyện Thanh Chương, huyện Nghi Lộc, huyện Yên Thành, huyện Nghĩa Đàn, huyện Quỳnh Lưu ở về Trung Châu; phủ Tương Dương và phủ Quỳ Châu ở Thượng Du. Các phủ huyện ấy chia làm 70 tổng và 918 làng.

Tỉnh Nghệ An là một tỉnh chuyên về canh nông, nhưng ruộng đất không được phì nhiêu, cách cày bừa bón xới không khéo nên số lợi tức hàng năm kém hơn các tỉnh khác; là tỉnh có nhiều thiên tai, gió Lào hạn hán, mưa bão lụt lội lắm làm cho hư hỏng mùa màng nên người nông dân Nghệ An luôn ở trong hoàn cảnh đói kém. Để khắc phục, chính phủ cũng đã cho làm hệ thống nông giang nhưng chưa hoàn thiện, kèm theo là thuế khóa nặng nề nên dân tình vẫn cực khổ. Họ vốn có tinh thần yêu nước cách

mạng, sẵn sàng vùng lên chống lại ách áp bức bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến tay sai.

Tỉnh Nghệ An lúc đó có 1 thành phố lớn là Vinh - Bến Thủy, được nhà nước bảo hộ cho xây dựng nhiều công trình phát triển công nghiệp, tiêu biểu như Nhà máy xe lửa Trường Thi; Xây dựng Bệnh viện, lập Trường Quốc học để dạy học trò và đào tạo nhân tài, có nhà giáo người Pháp và người Việt. Các thầy trò người Việt nổi tiếng yêu nước và hoạt động cách mạng như: Thầy Lê Thước, Nguyễn Khánh Toàn; trò Tôn Quang Phiệt, Đặng Thai Mai, Nguyễn Sĩ Sách,v.v… Pháp còn mở mang các cơ sở, các ngành nghề kinh tế; Lập các hãng và công ty thương mại kinh doanh buôn bán… Tư liệu của Pháp nói về kinh tế Đông Dương từ 1922-1929: Tài chính, đồn điền, đường sá… (xem *Tập san Kinh tế Đông Dương*.- Trích dịch, 14 tr. đánh mày, lưu kho Địa chí Thư viện tỉnh Nghệ An); Tập san *Chấn hưng kinh tế Đông Dương* từ 1923-1925 cũng cho biết: Con đường Vinh - Thà Khẹt (số 295; ngày 4/2/2923); Tình hình đặt đường xe lửa Vinh - Đông Hà (số 408-417; tháng 4/1925) [Tài liệu sao chép Thư viện Quốc gia, lưu TV Nghệ Tĩnh, ký hiệu: NT- 1131]. Công báo của Pháp cũng nói về *Việc thực dân hóa của Pháp về Nông nghiệp Nghệ An - Hà Tĩnh*; Tài liệu của N. XiMôNi nói về *Vai trò của Tư bản trong cuộc khai thác xứ Đông Dương*/Đề tựa của Lơ Broong, Bộ trưởng Thuộc địa, Phó Chủ tịch Thượng viện/ Hoàng Đình Bình dịch (Tài liệu tham khảo đánh máy, lưu TVNA); Thông tư của Khâm sứ đại thần cho Công sứ Hà Tĩnh đắp đường Hỏa xa Tân Ấp - Thà Khẹt, ngày 17/12/1924; *Công ty kỹ nghệ và Lâm nghiệp ở Đông Dương Báctôlômô buôn gỗ ở Phủ quỳ, Cơrô buôn gỗ ở Bến Thủy* (*Kinh tế Đông Dương, 1924*.- 1 tr. bản dịch chép tay, lưu BTXV); Hãng Xăng dầu SLăngđa Chi nhánh Vinh - Bến Thủy - Hà Tĩnh; Một số Đồn điền của Pháp ở Nghệ Tĩnh từ 1923: Bruynơto; Lơ co; Mutông (Nghĩa Đàn); Sa va nông (Quỳnh Lưu); Lơ Đơnnô (Anh Sơn); MaRốTơ (Phủ Quỳ); Nhà máy Điện chủ chốt ở biên giới nước Lào. Báo LESANNALES COLONIALES (Niên giám thuộc địa), ngày 3/2/1924 cho biết việc thành lập *Công ty khai thác Lâm sản và sản xuất Diêm* (Hội sở ở Bến thủy)/Nguyễn Đình Khang dịch, 8 tr. chép tay. - NT 2433. Từ năm

1922 - 1924… Pháp cho xây dựng các cơ sở công nghiệp (trích trong Tập san *Kinh tế Đông Dương*. - lược chép 2 tr., lưu BTXV) như sau:

- Nhà máy Diêm: Cơ giới 80 mã lực, gồm 2 người Âu và 750 người Việt, sản xuất hàng năm 16.000 két diêm (mỗi két 7.200 bao);

- Nhà máy Cưa: 40 cưa máy, 15 máy dụng cụ mộc, 10 máy dụng cụ làm bao, mỗi năm tiêu thụ khoảng 30.000 mét khối gỗ, cơ giới 275 mã lực, 7 người Âu, 400 người Việt;

- Nhà máy Điện, 2 tuyếc bin 1.500 mã lực, 1 máy Điêzen dự phòng 180 mã lực, 3 người Âu, 50 người Việt…

Có thể nói, trung tâm đô thị Vinh - Bến Thủy những năm đầu thế kỷ XX đã phát triển mạnh về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội… là một trong 3 trung tâm đô thị phát triển

Nhà máy xe lửa Trường Thi. Ảnh TL

của nước ta: Hải Phòng, Nam Định, Vinh… tạo cho nơi đây có một lực lượng công nhân khá lớn mạnh, là cơ sở và thành phần chính cho lực lượng nòng cốt (Công - Nông) của Đảng và là lựng lượng chính trong đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, đánh đổ chính quyền thực dân và phong kiến tay sai, xây dựng nên chính quyền Công - Nông Xô - Viết và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam).

Năm 1924 là năm chí sĩ Phan Bội Châu (lãnh tụ *Việt Nam Quang phục Hội* [1912-1923]) sau khi tiếp cận với tư tưởng và thành công cách mạng của Tôn Trung Sơn - lãnh tụ của *Quốc Dân đảng*, lập nên nhà nước *Trung Hoa dân quốc* (1911), đã cùng với một số đồng chí của ông bàn với nhau cải tổ *Quang phục Hội* thành *Quốc Dân đảng* và soạn thảo ra các bản Điều lệ, Cương lĩnh chính trị, Lời tuyên bố, Thư kêu gọi…vào năm 1924. *Điều lệ Việt Nam Quốc Dân đảng* đã ra đời vào năm 1924 (bản chữ Hán đã thất lạc, chỉ còn bản dịch của Mật thám Pháp, được in lại trong *Phan Bội Châu Toàn tập* - T5 [Văn thơ 1917-1925] H., Thuận Hóa - Trung tâm VHNN Đông Tây, 2000.- Tr. 326-334). Cụ Phan còn viết bức thư vận động đồng bào ta yêu nước ở Xiêm: *Thư kính cáo đồng bào ta ở nước Xiêm La* và biên soạn truyện lịch sử: *Truyện Phạm Hồng Thái* cùng trong năm 1924 này (xem *Phan Bội Châu Toàn tập* T.5, từ Tr. 334-). Cụ Phan cũng đã rất tâm huyết khi gửi đào tạo nhiều thanh niên yêu nước trong phong trào Đông Du đi học các trường học ở Nhật Bản, Trung Quốc và một số người ưu tú đã gia nhập *Tâm Tâm Xã; Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội* và được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trực tiếp đào tạo thành các hạt giống Đỏ của Đảng.

Năm 1924 chính là năm mở đầu cho quá trình hình thành và lãnh đạo quần chúng đấu tranh cách mạng của Đảng bộ tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong thời kỳ hoạt động bí mật của Đảng. Những người yêu nước đầu tiên ở Nghệ Tĩnh tiếp thu đường lối cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Vào những năm (1919 - 1924), trong lúc đồng chí Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở các nước phương Tây thì một lớp thanh niên yêu nước (khoảng trên 100 người) ở Nghệ Tĩnh qua Xiêm, sang Trung Quốc tìm gặp các nhà ái quốc Việt Nam để tìm hiểu về con đường cứu nước. Trong khi lớp người đi trước như cụ Phan Châu Trinh thì hướng về phía Tây, theo con đường cải lương, bất bạo động, thực hiện chủ trương "Pháp - Việt đề huề", mong dành lại nền độc lập cho nước. Còn cụ Phan Bội Châu thì ngược lại, hướng về phía Đông là đế quốc Nhật Bản, với hy vọng cùng giống da vàng, sẽ giúp chúng ta dành độc lập từ tay Pháp (với phong trào *Duy Tân* và *Đông Du* cứu nước). Nhưng thực tế đã chứng minh con đường của các cụ là không có lối thoát. Vì chưa đáp ứng được ý nguyện, nên Lê Hồng Phong cùng một số bạn bè tìm đường sang Quảng Châu, Trung Quốc vào năm 1924. Trung Quốc lúc này ở phía Nam có chính phủ Dân Quốc tiến bộ do Tôn Dật Tiên đứng đầu, thực hiện chính sách: *"Thân Nga, liên cộng, phù trợ công nông"* và *"Tam dân chủ nghĩa"*: *Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân*

sinh hạnh phúc. Đảng Cộng sản Trung Quốc tuy mới thành lập nhưng cũng hoạt động rất mạnh. Những người cách mạng Việt Nam chắc chắn có thể tìm thấy ở nơi đây một địa bàn hoạt động thuận lợi. Ở Quảng Châu năm 1924, Lê Hồng Phong cùng một số bạn như Phạm Hồng Thái, Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lâm Đức Thụ đã tự lập ra nhóm *Tâm Tâm Xã*, tích cực khôi phục lại phong trào yêu nước đang bị suy yếu. Cùng năm đó tiếng tăm của *Tâm Tâm Xã* lan rộng khắp nơi, tạo nên một khí thế yêu nước mới của Nhân dân ta, khi một thành viên của nhóm là Phạm Hồng Thái cho nổ tạc đạn ám sát hụt tên Toàn quyền Pháp ở Đông Dương là Méc Lanh… Mục tiêu của nhóm là nhằm liên hiệp những người có trí lực, tâm huyết trong toàn dân Việt Nam, không phân biệt ranh giới, đảng phái, miễn là có quyết tâm hy sinh mọi quyền lợi cá nhân để khôi phục quyền làm người của người Việt Nam.

"Tháng 12 năm 1924, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến Quảng Châu Trung Quốc. Người đã tìm bắt liên lạc với "Tâm Tâm Xã" và chỉ cho họ thấy rõ con đường cứu nước, giải phóng dân tộc theo gương cách mạng tháng Mười Nga. Từ đó, họ hoạt động theo sự chỉ dẫn của Người. Một số đồng chí tích cực như: Hồ Tùng Mậu (huyện Quỳnh Lưu), Lê Hồng Sơn (huyện Nam Đàn), Lê Hồng Phong (huyện Hưng Nguyên), Trương Văn Lĩnh (huyện Nghi Lộc), Lưu Quốc Long (huyện Thanh Chương)… đã được Người kết nạp vào nhóm "Cộng sản Đoàn" để chuẩn bị nòng cốt cho việc thành lập Đảng cộng sản ở Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo của Người, các đồng chí này đã tham gia tích cực vào việc thành lập "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội", xuất bản tờ báo "Thanh niên", mở các lớp huấn luyện "Chính trị đặc biệt" để đào tạo cán bộ cho phong trào cách mạng trong nước. Nghệ Tĩnh trở thành một trong những nơi sớm được tiếp thu Chủ nghĩa Mác - Lê nin, đường lối cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và cũng là một trong những nơi đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng, phát triển cơ sở của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Việt Nam". (Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh. *Những sự kiện lịch sử của Đảng bộ Nghệ Tĩnh*. - NXB Nghệ Tĩnh, 1981.- Tr. 10).

Ngày 18/12/1924, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc cũng đã làm báo cáo để gửi Quốc tế cộng sản về tình hình Đông Dương năm 1924 (Nguyễn Ái Quốc. *Báo cáo tình hình Đông Dương năm 1924 gửi Quốc tế cộng sản, ngày 18-12-1924*.- 2 tr. đánh máy, bản sao, lưu kho sách Hồ Chí Minh Thư viện tỉnh Nghệ An; ký hiệu: LSĐ). Sách *Hồ Chí Minh Toàn tập* (T.2: 1924-1930)/*Gửi Chủ tịch đoàn Quốc tế Cộng sản* (Tr. 8-9):

"…Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. Chúng tôi sẽ gửi họ trở về Đông Dương hoạt động sau 3 tháng học tập; và chúng tôi sẽ lấy ra một đoàn khác…".

Trong năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã có 7 bài viết gửi cho các tổ chức Quốc tế Cộng sản để báo cáo rõ về tình hình Đông Dương và tình hình đào tạo những thanh niên yêu nước An Nam làm hạt giống cộng sản…

Với một số tư liệu viết về tỉnh Nghệ An mà chúng tôi đã sưu tầm như trên, thì năm 1924 (năm đầu của 1 thế kỷ 1924-2024) nhìn lại thì đây là năm có nhiều sự kiện đáng nhớ. Năm 1924 đánh dấu sự trưởng thành của phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam, dưới sự dẫn dắt về tư tưởng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong sự nghiệp vận động đồng bào nước Việt nói chung và Nhân dân xứ Nghệ, tỉnh Nghệ An nói riêng trong đấu tranh chống đế quốc, thực dân và phong kiến để giải phóng dân tộc, theo đường lối của chủ nghĩa Mác - Lê nin.

Tài liệu tham khảo:

1. *Hồ Chí Minh Toàn tập.* T.2 (1924-1930).- H., Chính trị Quốc gia, 2000.
2. *Phan Bội Châu Toàn tập*. T.5 (Văn thơ 1917-1925).- H., Thuận Hóa - Trung tâm VHNN Đông Tây, 2000.
3. Ban nghiên cứu Lịch sử Đảng Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh. *Những sự kiện Lịch sử của Đảng bộ Nghệ Tĩnh*. - NXB Nghệ Tĩnh, 1981.
4. *Thư mục Phong tráo Công nhân và Công đoàn Nghệ Tĩnh*. - Vinh, Thư viện Nghệ Tĩnh, 1983.
5. Đào Đăng Hy. *Địa dư Nghệ An tỉnh*. - 43 tr., đánh máy; Sao từ bản M. 11660 kho sách quý hiếm, Thư viện Quốc gia Việt Nam, ngày 7/8/1967 (Lưu TVNA).

- Và một số tài liệu khác…

Nền Tế Cờ và phần mộ Trần Tấn, Trần Hướng trên núi Đài, xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương.

150 NĂM
KHỞI NGHĨA TRẦN TẤN - ĐẶNG NHƯ MAI (1874 - 2024)
"PHEN NÀY QUYẾT ĐÁNH CẢ TRIỀU LẪN TÂY"

TRẦN TRUNG HIẾU

NĂM 1874, NGAY SAU KHI TRIỀU ĐÌNH HUẾ KÝ VỚI PHÁP HIỆP ƯỚC GIÁP TUẤT, TẦNG LỚP VĂN THÂN, SĨ PHU YÊU NƯỚC ĐÃ PHẢN ỨNG MẠNH MẼ, ĐẶC BIỆT LÀ BẮC KỲ VÀ TRUNG KỲ. ĐÁNG CHÚ Ý NHẤT LÀ CUỘC KHỞI NGHĨA TRẦN TẤN - ĐẶNG NHƯ MAI Ở NGHỆ AN, HÀ TĨNH. MẶC DÙ CUỘC KHỞI NGHĨA BỊ DẬP TẮT VÀO CUỐI NĂM ĐÓ NHƯNG SỰ KIỆN NÀY ĐÃ GHI DẤU ẤN ĐIỂN HÌNH VỀ TINH THẦN DÂN TỘC CAO CẢ VÌ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA VÀ ĐỂ LẠI NHỮNG BÀI HỌC QUÝ GIÁ CHO CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH LẠI ĐỘC LẬP TỰ DO CHO DÂN TỘC SAU NÀY.

Ngọn lửa của cuộc khởi nghĩa được nhen nhóm từ sau Hiệp ước Nhâm Tuất (1862)

Vào giữa thế kỷ XIX, dân tộc Việt Nam phải đương đầu với thực dân Pháp, một trong những thế lực thực dân, đế quốc sừng sỏ của phương Tây, có ưu thế tuyệt đối về vũ khí và đang trên đà phát triển. Mặc dù vậy, ngay từ khi khơi mào cuộc chiến, thực dân Pháp đã vấp phải sự phản kháng quyết liệt và tinh thần chiến đấu vô song của một dân tộc chưa bao giờ cam chịu làm nô lệ. Khắp từ Nam chí Bắc, với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập tự do, Nhân dân ta đã liên tiếp đứng lên kháng chiến chống lại quân xâm lược.

Trong giai đoạn đầu, cuộc chiến chống lại quân xâm lược được quy tụ dưới ngọn cờ triều đình, nhưng đến khi triều đình nhà Nguyễn đi vào con đường thỏa hiệp, xa dần với lợi ích dân tộc, cuộc kháng chiến của Nhân dân ta vẫn tiếp tục được duy trì, khi có tổ chức, lúc mang tính tự phát, khi mạnh, khi yếu, nhưng ngọn lửa đó chưa bao giờ tắt.

Lúc bấy giờ, trong cuộc đấu tranh của giới Nho sĩ, trí thức, nổi bật nhất là 2 phong trào yêu nước chống Pháp: Phong trào Văn thân và Phong trào Cần Vương.

Phong trào Văn thân là phong trào yêu nước của quần chúng do các Nho sĩ, chủ yếu là các Tú tài, Cử nhân lãnh đạo, phát khởi từ năm 1864 ở miền Bắc và miền Trung. Phong trào Cần Vương là phong trào yêu nước của các nhân sĩ, sĩ phu ở khắp nơi, hưởng ứng Chiếu Cần vương từ năm 1885. Cả hai phong trào này đều có mục tiêu là chống thực dân Pháp xâm lược, nhưng về phương pháp đấu tranh có sự khác nhau.

Phong trào Văn thân nêu khẩu hiệu "Bình Tây, sát tả", còn phong trào Cần vương mang danh nghĩa giúp vua Hàm Nghi đánh thực dân Pháp, cứu nước.

Văn thân bao gồm những sĩ tử trường thi, những tú tài sống bằng nghề dạy học, bốc thuốc, làm thầy bói, hoặc họ là những sĩ tử đậu Tứ trường (Cử nhân) có thể được bổ dụng một chức quan nhỏ để có bổng lộc. Họ là những người thù Tây, ghét đạo. Phong trào Văn thân bắt đầu từ cuộc bãi thị lớn của hàng vạn sĩ tử các trường thi Hương ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ năm 1864 nhằm phản đối Triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (1862), cắt 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ và đảo Côn Lôn cho thực dân Pháp. Điều đó đã làm cho Nhân dân cả nước phẫn nộ, đặc biệt là tầng lớp văn thân, sĩ phu, trí thức Nho học. Những người Văn thân cho rằng, vua Tự đức không còn xứng đáng là vua trăm họ vì sự nhu nhược và không ngăn cản việc truyền đạo của các giáo sĩ phương Tây. Văn thân kết tội Gia tô giáo đã dẫn ngoại xâm đến và giáo dân đã tiếp tay cho thực dân Pháp xâm lược. Họ cho rằng, muốn đánh thắng thực dân Pháp thì phải tiêu diệt nội thù - chính là những giáo dân.

Vì vậy, trong kỳ thi Hương năm Giáp Tý (1864), tại tất cả các trường thi từ Hà Nội đến Nam Định, Nghệ An, Huế, các sĩ tử đã đồng tâm "bãi thị" nhằm mục đích chống thực dân Pháp và Triều đình Huế, tỏ lòng bất mãn với Hiệp ước Nhâm Tuất (1862). Đây là một việc chưa từng có trong các kỳ thi Hương ở nước ta.

Cuối tháng 5/1872, để chuẩn bị cho việc ký hiệp ước mới với Pháp, triều đình Huế cử Nguỵ Khắc Đản đứng ra dàn xếp vụ bài xích Thiên chúa giáo do Trần Tấn và Đặng Như Mai phát động ở Nghệ An. Trước thái độ đó của triều đình Huế, hai thầy trò đã kêu gọi Nhân dân trong vùng khởi nghĩa.

Hiệp ước Giáp Tuất (1874) - Giọt nước làm tràn ly

Ngày 15/3/1874, tại Sài Gòn, đại diện của Triều đình Huế và Pháp đã ký một hiệp ước với 22 điều khoản, gọi là "Hiệp ước Hòa bình và Liên minh", hay gọi là Hiệp ước Giáp Tuất. Theo đó, Triều đình Huế thừa nhận chủ quyền của Pháp trên toàn lãnh thổ Nam Kỳ (từ nam Bình Thuận trở vào); quân đội Pháp được phép đồn trú tại các hải cảng ở miền Bắc, miền Trung và trên sông Hồng; phía Pháp được thiết lập một tòa công sứ ngay bên cạnh triều đình Huế để giám sát, được đảm bảo việc tự do hành đạo và truyền đạo Ki tô, những kẻ phản bội được chính thức hợp pháp hóa.

Hiệp ước Giáp Tuất (1874) đã thể hiện sự bất bình đẳng giữa Việt Nam và Pháp trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, tạo cơ hội cho thực dân Pháp can thiệp sâu hơn vào hoạt động của triều đình, tiến một bước dài trong quá trình thôn tính Việt Nam.

Trước thái độ đầu hàng của triều đình, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp, chống triều đình của các tầng lớp nhân dân tiếp tục dâng cao tại nhiều địa phương ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ từ sau Hiệp ước Giáp Tuất được ký kết. Văn thân, sĩ phu phẫn nộ đã nổi dậy nhiều nơi như Hộ đốc Lê Hữu Thường, Tuần phủ Đặng Xuân Bảng ở Nam Định, sĩ

phu Nguyễn Mậu Kiến ở Thái Bình, quy mô lớn nhất của phong trào Văn thân lúc ấy là ở Nghệ - Tĩnh do thầy trò Tú Tấn lãnh đạo.

Theo "Từ điển nhân vật xứ Nghệ" của PGS Ninh Viết Giao (NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, năm 2008) thì Trần Tấn là sĩ phu yêu nước, quê làng Chi Nê, tổng Võ Liệt, nay là xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông đỗ Tú tài, xuất thân làm Bang biện huyện Thanh Chương. Với tấm lòng nhiệt thành yêu nước, khi đang làm Bang biện, ông đã có những hành động rất kiên quyết là trấn áp một số cha cố đang hoạt động gián điệp ở vùng Mộ Vinh (Thanh Chương), ông bị Triều đình Huế buộc tội và cách chức. Không vì thế mà ông nhụt chí, ông ra Bắc vào Nam lấy cớ dạy học để kết bạn tâm giao.

"Phen này quyết đánh cả Triều lẫn Tây"

Tại Nghệ An, trước sự chuẩn bị ký kết hiệp ước đầu hàng của triều đình, các sĩ phu, văn thân yêu nước đã tập hợp lại cùng bàn bạc việc chống Pháp. Năm 1873, quân Pháp đánh chiếm Hà Nội và các tỉnh lân cận, Trần Tấn cùng học trò thân tín là Đặng Như Mai tập hợp các sĩ phu yêu nước như Trần Quang Cán, Nguyễn Huy Điển ở Hà Tĩnh, Trương Quang Thủ ở Quảng Bình, họp văn thân bàn cách đánh giặc, chiêu mộ nghĩa quân phát động khởi nghĩa. Nhằm nêu cao mục đích chính nghĩa và tập hợp lực lượng đông đảo các tầng lớp nhân dân, Trần Tấn đã viết bài "Hịch văn thân" đề ngày mồng 2 tháng 2 năm Tự Đức thứ 27 (tức ngày 29/3/1874) với khẩu hiệu "Bình Tây sát tả" để hô hào Nhân dân vùng lên cứu nước. "Bình Tây sát tả" chính là cương lĩnh của cuộc khởi nghĩa.

Ngày 17/3/1874, Trần Tấn cùng con trai là Trần Hướng và học trò Đặng Như Mai làm lễ tế cờ tại rú Đài (Thanh Chi) rồi kéo xuống Thanh Thủy (Nam Đàn) lập đại đồn. Trần Tấn đã đọc "Hịch văn thân", kêu gọi quân sĩ: *"Hãy vì lăng miếu tổ tiên ngàn đời của cha ông mà cùng nhau dốc lòng, dốc sức chiến đấu"* và ông được tôn là "An Nam đại lão tướng quân", tổng chỉ huy toàn bộ nghĩa sĩ ở Nghệ An, Hà Tĩnh. Các tướng sĩ khác được giao các nhiệm vụ cụ thể khác: Đặng Như Mai coi việc thuế khóa và vận động Nhân dân quyên góp vật chất để nuôi quân; Đặng Quang Vinh (em trai Đặng Như Mai) theo dõi tình hình, kịp thời đối phó với bọn phản động đội lốt tôn giáo làm gián điệp cho Pháp trong vùng; Trần Hướng, Năm Thiện, Đội Dục được giao nhiệm vụ chỉ huy các toán quân chiến đấu...

Hưởng ứng lời kêu gọi "Bình Tây sát tả", Nhân dân Nghệ An nhiệt liệt hưởng ứng cuộc khởi nghĩa. Nghĩa quân đã chiếm được tỉnh lị Hà Tĩnh và làm chủ hầu hết các vùng Nghệ Tĩnh, trừ thành Nghệ An. Từ chỗ chống Pháp, cuộc khởi nghĩa trên thực tế đã *chuyển thành một phong trào vừa chống Pháp, vừa chống triều đình đầu hàng*, đồng thời cũng là một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa bộ phận chủ trương kháng chiến và bộ phận đầu hàng trong giai cấp phong kiến mà tiêu biểu là Triều đình Huế.

Nếu như, trước họa xâm lăng của dân tộc ta giữa thế kỷ XIX, giai cấp phong kiến, mà đại diện là Triều đình Huế từng bước đầu hàng, vứt bỏ vai trò lãnh đạo kháng chiến rồi cuối cùng đầu hàng giặc, câu kết với thực dân Pháp thống trị Nhân dân ta, thì ngọn cờ kháng chiến chuyển dần về tay Nhân dân do các văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo. *Cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) do Trần Tấn lãnh đạo đã đánh dấu một bước ngoặt của quá trình chuyển biến đó.*

Hoảng hốt trước sức mạnh của nghĩa quân, vua Tự Đức ra lệnh giáng chức các quan lại bất tài ở Nghệ An: Tôn Thất Triệt, Phạm Chi Hương, Nguyễn Đôn, cử Nguyễn Chính làm Tổng đốc, chỉ thị phải hợp tác với cha cố người Pháp để đối phó. Tự Đức phải cử Đô Thống Hồ Oai dẫn 600 quân từ Thanh Hóa vào hợp tác, sau đó là Khâm sai Nguyễn Văn Tường, Tổng thống quân vụ đại thần Lê Bá Thận, Nguyễn Đình Khoa đem 500 quân cấp tốc ra Hà Tĩnh, cử Phạm Tiến Lâm đưa hơn 1.000 quân đóng giữ tuyến sông Gianh để đàn áp. Chưa đủ, ở phía Bắc, Tự Đức còn điều cả quân của Tôn Thất Thuyết đang đóng ở Sơn Tây về Thanh Hóa lấy thêm quân rồi

tiến vào Nghệ An để giải vây cho thành Diễn Châu và thành Vinh. Thực dân Pháp và tay sai đã treo thưởng 400 lạng bạc và chức quan Chánh phẩm cho ai giết hoặc bắt được "giặc Mai, giặc Tấn".

Căn cứ Võ Liệt của nghĩa quân ở Thanh Chương nhanh chóng bị phá vỡ. Trần Tấn và Đặng Như Mai phải rút về vùng núi phía Tây của Nghệ Tĩnh cùng với Trương Quang Thủ, Nguyễn Huy Điển. Khẩu hiệu "Bình Tây sát tả" có đã bộc lộ rõ sự hạn chế là tạo ra sự chia rẽ trong nội bộ khiến nghĩa quân ngày một yếu đi.

Bấy giờ, nghĩa quân dương cờ "Bình Tây, sát tả", nhưng trên thực tế chưa diệt được một tên lính Tây nào, chủ yếu nhằm vào quân triều đình. Triều đình Huế phải điều quân và yêu cầu cả hải quân Pháp trợ giúp.

Trước sự tấn công dồn dập cả 3 bề 4 phía của quân triều đình và cả quân công giáo phản động có sự chỉ huy của cha cố người Pháp, nghĩa quân của Trần Tấn không đủ sức và lực để chống trả và dần tan rã. Ông và một số tàn quân rút sang tỉnh Khăm Muộn của Lào. Ông lâm bệnh và qua đời ở đó. Phong trào Văn thân cùng các cuộc nổi dậy chống thực dân Pháp ở miền Bắc đều bị đàn áp. Cả con trai Trần Hướng và học trò Đặng Như Mai bị xử tử, chém bêu đầu tại thành Vinh.

Những dấu ấn làm nên tiếng vang của Khởi nghĩa Giáp Tuất (1874)

Qua công tác nghiên cứu, khảo cứu nhiều nguồn tài liệu kết hợp với phương pháp điền dã, đối chiếu với những chuyện kể lưu truyền trong Nhân dân, chúng ta có thể khôi phục lại một cách chân thật, khách quan thân thế, sự nghiệp của Trần Tấn và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo năm 1784 ở mấy điểm nhấn cơ bản sau:

Tác giả (áo đen) cùng thầy giáo Trần Văn Thìn - nguyên Hiệu trưởng Trường THPT Thanh Quả (Thanh Chương), thầy giáo Hồ Tuấn Anh - Hiệu trưởng Trường THCS Quỳnh Phương - Thị xã Hoàng Mai viếng Nhà thờ Trần Tấn tại xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Thứ nhất, cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) là cuộc khởi nghĩa mở đầu, có quy mô lớn nhất, thể hiện rõ rệt nhất phản ứng của người dân Việt Nam yêu nước nói chung và các văn thân, nhân sĩ Nghệ Tĩnh trước thái độ đầu hàng của triều đình nhà Nguyễn. Từ chỗ chống Pháp, cuộc khởi nghĩa trên thực tế đã chuyển thành một phong trào vừa chống Pháp, vừa chống triều đình đầu hàng. Từ nơi bùng nổ của khởi nghĩa là Nghệ An, tiếng vang và hiệu ứng của cuộc khởi nghĩa đã lôi cuốn và lan rộng cả vùng từ Thanh Hóa vào, Quảng Bình ra.

Thứ hai, cuộc khởi nghĩa kéo dài gần 1 năm, cuối cùng bị dìm trong máu lửa. Đây là sự kiện lịch sử quan trọng nhất đánh dấu sự phản kháng tức thời, quyết liệt của người dân cả nước nói chung và người dân Nghệ Tĩnh nói riêng trước sự đầu hàng của triều đình Huế ngay sau bản Hiệp ước Giáp Tuất (1874). Để tiến hành xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã

dùng những thủ đoạn xảo quyệt, trước hết là lợi dụng lòng tin của một bộ phận nhân dân về tôn giáo nhằm chia rẽ khối đoàn kết của Nhân dân và lôi kéo một số người làm tay sai cho chúng. Tuy nhiên, ngay từ đầu, những hành động kích động, lôi kéo người theo đạo Thiên chúa chuẩn bị cho cuộc xâm lược của thực dân Pháp đã được triều đình Tự Đức dung túng. Chính vì vậy, ý thức chống Pháp gắn liền với tinh thần chống Triều đình đầu hàng với giặc, trực tiếp là khẩu hiệu "Bình Tây sát tả" của Trần Tấn và các văn thân, sĩ phu yêu nước xứ Nghệ đã hình thành từ sớm, ngay cả trước khi triều đình ký với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874).

Thứ ba, một nội dung đáng chú ý trong cuộc khởi nghĩa này là "Hịch văn thân" đã thể hiện thái độ chống Công giáo vô cùng kịch liệt. Tất nhiên ở đây phải kể tới sự phản ứng của tầng lớp văn thân, sĩ phu vốn đã mang nặng tư tưởng Nho giáo, nhưng phong trào "Bình Tây sát tả" *trước hết là xuất phát từ tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc.* Để đạt được mục tiêu bảo vệ nền độc lập dân tộc, tầng lớp văn thân, sĩ phu yêu nước không chỉ chĩa mũi nhọn vào bọn thực dân cướp nước, mà còn *đánh đổ bất cứ kẻ nào làm tay sai cho giặc, tiêu diệt bất cứ trở lực nào ngăn cản phong trào kháng chiến của dân tộc ta.* Sự câu kết giữa quân Pháp với một số phần tử phản động đội lốt tôn giáo lại được Triều đình dung túng, bao che, thậm chí tiếp sức. Trong điều kiện, bối cảnh lịch sử đó, việc "bình Tây" gắn liền với "sát Tả" của một số nghĩa quân là điều khó tránh khỏi. Đương nhiên, chúng ta không đồng tình với chủ trương "sát tả' một cách cực đoan như vậy, nhưng cũng cần thấy rõ tình cảm của những người lãnh đạo kháng chiến lúc bấy giờ đã đặt lợi ích dân tộc làm trọng.

Thứ tư, mặc dù thất bại, nhưng cuộc khởi nghĩa đã gây tiếng vang lớn và để lại ảnh hưởng mạnh mẽ thời bấy giờ. Đây là một cuộc khởi nghĩa khiến triều đình nhà Nguyễn phải tập trung rất nhiều binh lực, mới có thể đàn áp được. Ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc khởi nghĩa đã khiến sau này vua Tự Đức phải ra lệnh hạn chế việc lấy đỗ Tú tài trong các kỳ thi Hương: "Đặt khoa thi chọn lấy học trò vốn cầu để cung giúp việc nhà nước. Về hạng Tú tài, một khi lấy rộng quá rồi chỉ để đấy, không dùng cũng là vô ích, trừ người nào đã bổ quan không kể. Còn Tú tài các khoa từ trước đến nay hết thảy bãi bỏ tên ở sổ, từ nay về sau, thi Hương chuẩn cho lấy hạng Cử nhân thôi. Việc lấy đỗ Tú tài đình bãi cả". (Quốc sử quán triều Nguyễn: Đại Nam thực lục, Tập VIII, tr.65).

Thất bại của khởi nghĩa Giáp Tuất (1874) của Trần Tấn - Đặng Như Mai cũng như phong trào yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX đã bộc lộ sự lỗi thời, bất lực của ý thức hệ phong kiến cũng như tình trạng khủng hoảng lãnh đạo, thiếu đường lối đúng đắn dẫn dắt để giải phóng dân tộc. Đây chính là bài học sâu sắc về vai trò lãnh đạo và huy động tổng hợp sức mạnh toàn dân tộc cho sự nghiệp đấu tranh giữ nước.

Phải đến khi Nguyễn Ái Quốc xuất dương cứu nước, tìm ra con đường cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc và thành lập nên Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng Việt Nam mới thật sự chấm dứt sự khủng hoảng, bế tắc về đường lối cứu nước. Nhân dân Việt Nam đã vùng lên đấu tranh chống đế quốc và phong kiến tay sai, tiến hành thắng lợi trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng 8 năm 1945 và 30 năm chiến tranh cách mạng 1945-1975, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Đánh giá, ghi nhận ý nghĩa lịch sử lớn lao của Khởi nghĩa Trần Tấn - Đặng Như Mai năm 1874, khu di tích nền Tế Cờ, mộ và nhà thờ Trần Tấn ở xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương - mảnh đất sinh ra sĩ phu yêu nước Trần Tấn đã được Nhà nước xếp hạng là "Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia" năm 2002. Hàng năm, tại khu di tích này diễn ra nhiều kỳ lễ, nhưng lớn nhất là lễ giỗ của Trần Tấn vào ngày 22/8 âm lịch và lễ kỷ niệm ngày Trần Tấn làm Lễ tế Cờ 17/3 âm lịch. Chí khí anh hùng, tinh thần chiến đấu ngoan cường của Trần Tấn mãi được Nhân dân Nghệ - Tĩnh và Nhân dân cả nước ngưỡng mộ và tôn kính. Ông xứng đáng là một danh nhân lịch sử của dân tộc và quê hương xứ Nghệ.

Le Vieux An - Tinh và "Phương pháp Le Breton"

PHILIPE PAPIN

Hyppolite Le Breton sinh ngày 12 tháng 7 năm 1881 tại Havre. Ông là cựu sinh viên trường Đại học Sư phạm Rouen, dạy học ở Fécamp rồi trở lại Trường Sư phạm Thuộc địa Jules Ferry. Ông sang Đông Dương năm 1908 và sống, dạy học gần như liên tục cho đến năm 1936. Ông từng dạy học ở Trường Quốc học Vinh (1924 - 1928) và cuối cùng là ở Trường Trung học Albert Saraut (Hà Nội). Không chỉ là một nhà giáo, ông còn là một nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa tài năng và tâm huyết. Từ năm 1918, hàng năm ông đều có các công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí như Tạp chí Đông Dương (Revue Indochinoise), Tạp chí Nam Phong, tạp chí Thái Bình Dương (Revue du Facifique) và Tập san Những người bạn Huế xưa (Bulletin des Amis du Vieux Hue). Tronng những năm dạy học ở trường Quốc học Vinh, với sự cộng tác giúp đỡ của những người bạn Việt Nam là các học giả, học sinh và cả quan chức nữa, ông đã hoàn thành công trình Le Vieux An-Tinh (An Tĩnh cổ lục). Công trình này được công bố lần đầu tiên trên Tập san Đô thành hiếu cổ của Hội Đô Thành Hiếu Cổ năm 1936 (các số 2,3,4). Những năm 1960, Ty Văn hóa Nghệ An cho dịch ra tiếng Việt, bản dịch do Nguyễn Đình Khang và Nguyễn Văn Phú thực hiện. Năm 2001, bản dịch được hoàn thiện bởi Phan Trọng Báu và Chương Thâu, do Nhà xuất bản thế giới và Viện Viễn Đông bác cổ, Hội Hữu nghị Côtes d'Armor in thành sách. Năm 2014, sách được tái bản bởi Nhà Xuất bản Văn hóa Thông tin và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây.

Le Vieux An-Tinh (An Tĩnh cổ lục) là một công trình nghiên cứu công phu về lịch sử, văn hóa Xứ Nghệ với rất nhiều tư liệu khả tín và những nhận định khách quan bởi những phương pháp mới hẳn so với cách biên soạn địa chí của các nhà Nho/học giả Việt Nam trước đó. Với sách này, người đọc không chỉ được tiếp cận với nguồn tư liệu phong phú mà còn biết và học hỏi được nhiều về phương pháp nghiên cứu của học giả Le Braton.

Để bạn đọc tham khảo thêm, chúng tôi giới thiệu **Lời giới thiệu** cuốn sách này của Tiến sĩ sử học Philippe Papin - thành viên Viện Viễn Đông bác cổ (Trung tâm Hà Nội) viết cho lần xuất bản năm 2001. Đầu đề bài viết do Ban Biên tập đặt.

Mặt trước cửa Tiền Môn thành Nghệ An thập niên 1920

Nếu được đặt trong mạch nguồn của lịch sử địa phương, ở Việt Nam cũng như ở nơi khác, nguồn lịch sử ấy đã tạo ra những kho báu, thì tác phẩm Le Vieux An Tinh của Hippolite Le Breton cũng nằm trong số những công trình thuộc loại hiếm mà sau khi đã đọc nó trong sự tĩnh lặng của thư viện, nó vẫn xứng đáng được tra cứu tận nơi, giữa những danh lam thắng cảnh, những di tích và con người mà cuốn sách đã gợi ra và làm sống lại. Qua những trang viết bỗng nhiên thấy cần phải đọc, cụ thể đến nỗi làm người ta mòn mỏi chờ đợi, ngay cả trước đây mới chỉ đi lướt qua xứ này cũng không lưu tâm nhiều đến nó, một biểu hiện hân hoan xâm chiếm người đọc, giờ đây đã hiểu sâu sắc về nguồn gốc của các thung lũng và đầm phá, về vai trò của những dãy núi và các vách đá, về những miền đất cao được khai khẩn mà điện thờ này, đền thờ kia hay di tích ấy là minh chứng, những tấm bia và những nhà thời được dựng lên đây đó bởi các quan thượng thư, các thi nhân, các thân hào, binh lính, tù binh, bởi tất cả những ai đã làm cho Nghệ An và Hà Tĩnh - "xứ An - Tĩnh" - là một trong những vùng hấp dẫn và có tiếng nhất của Việt Nam từ nhiều thế kỷ qua.

Le Vieux An - Tinh là một tuyệt tác chuyên khảo lịch sử, được soạn trên cơ sở những hiểu biết mà tác giả, khi

làm nhà giáo ở trường Quốc học Vinh từ năm 1924 đến năm 1928, đã tích lũy được từ những "lớp học tham quan dã ngoại" thường xuyên được tổ chức cho học sinh của ông - những buổi học - tham quan tìm hiểu dành cho học sinh trung học mà Hội Đô thành hiếu cổ rất quý. Le Breton đã nhận được sự ủng hộ của đội ngũ các học giả Việt Nam, những người mà tác giả đã bày tỏ lòng kính trọng, biết ơn trong Lời nói đầu. Ông say mê quan sát địa hình, mô tả các thung lũng và các dòng chảy, thu thập dữ liệu, thăm thú đền thờ và giải mã những tấm bia. Ông đã đi khắp nơi, thăm quan tất cả. Không những thế, ông còn lắng nghe những già làng đáng kính nể, những truyền thuyết và sử thi để rồi đem chúng đối chiếu với các nguồn sử biên niên của triều đình và cổ sử Việt Nam.

Song phương pháp tiếp cận của Le Breton mới là điều đáng chú nhất, nó tạo nên đặc tính mới mẻ cho nghiên cứu của ông. Phương pháp ấy được chỉ ra ngắn gọn ở phần Dẫn nhập (tr 68) và phần đầu Thiên II (tr.206), trước hết nó dựa trên khái niệm "xứ" theo nghĩa cổ là vùng miền, là khu vực địa lý, là thực thể về hình thể và con người, giống như những xứ Caux hay Aug, xứ Dinan, Sologne, Quercy, hayBeauvaisis… ở Pháp. Trong các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh hiện nay, sự lựa chọn này của tác giả là đặc biệt sáng suốt. Thực tế, đây là nơi bắt đầu địa hình được ngăn thành ô đặc trưng của miền Trung Việt Nam, nơi mà dãy Trường Sơn hùng vĩ tỏa ra những khối núi đá cuối cùng vươn thẳng ra biển, và ngay cả ra đến biển như ở Hoành Sơn, cũng tạo ra nhiều thung lũng nhỏ hẹp và rất biệt lập, có những thung lũng được bao quanh bởi những dãy núi cao, lại có những thung lũng bị tách ra khỏi biển bởi một dãi những đầm phá mà từ lâu khó khai khẩn. Trong địa hình được chia ô này, Hippolite Le Breton định ra 8 thực thể xứ: các xứ Diễn Châu, Vinh, Hà Tĩnh, Kỳ Anh, Đức Thọ nằm ở phía bờ biển, còn xa hơn về phía nội địa là các thung lũng Lam Giang, Ngàn Sơn, Ngàn Sâu. Trái ngược lại với những cách nhìn tổng thể và tái lập các đơn vị nhân tạo, thường bị áp đặt bởi những vấn đề chia cắt hành chính theo khuôn mẫu có sẵn, thì ở đây chính lịch sử và sự mô tả kỹ lưỡng các danh thắng của tám "xứ tự nhiên" này tạo nên cái cốt của tác phẩm (tr.206-267).

Thêm nữa "phương pháp Le Breton" dựa trên cái mà khi đó còn chưa được gọi là liên ngành. Tác giả tự cho là "kẻ thù của những bức tường ngăn cách mà người ta thường thấy chúng được dựng lên giữa các chuyên khoa (…), song thực tế các chuyên ngành này có liên quan với nhau và cần phải biết kết hợp chúng lại khi người ta muốn tại tạo lại một cách hợp lý quá khứ của những miền duyên hải xứ Trung Kỳ (Lời nói đầu, tr 161-162). Thật sự, bản thân không muốn cho là một công trình chuyên khảo, song Le Vieux An Tinh không bỏ sót bất kỳ nguồn nào, lần lượt sử dụng cả địa chất và khảo cổ, lịch sử và văn hóa dân gian, khoa học tôn giáo, huyền thoại và mỹ thuật, kể cả văn bia, và phả hệ cùng gia phả là nguồn quan trọng trong tác phẩm này.

Là người am hiểu thực tế, quan tâm nhiều đến địa hình và phong cảnh tới mức ông đã giới thiệu công việc của mình bằng mấy trang viết về cấu tạo địa chất của vùng, vì thế Hippolite Le Breton di chuyển từ thung lũng đến thung lũng, và ở mỗi nơi ấy, ông đều theo sát dòng chảy của các con sông, mỏm núi để hiểu thật thấu đáo đền thờ này đã gắn liền với xứ ấy ra sao và lịch sử của "xứ" này được lồng vào lịch sử của toàn xứ như thế nào.

Chính xác mà nói thì sự qua lại nối tiếp nhau giữa đất An Tĩnh và lịch sử vĩ đại của Việt Nam, nói cách khác chính cách làm leo thang đã dẫn dắt đi từ di tích đến xứ sở và từ xứ sở đến vương quốc, nó tạo ra "phương pháp Le Breton" chứ không chỉ là một công trình địa phương chí đơn thuần. Chúng ta học được rất nhiều trong Le Vieux An - Tinh. Nhiều trang viết vô cùng phong phú về đồi, "núi danh tiếng" của xứ Hà Tĩnh và thung lũng Lam - Giang mà tác giả đã vạch ra dấu tích và nhắc lại vai trò vùng biên của chúng trong lịch sử. Ví như bằng các truyền thuyết địa phương và các nguồn thư tịch Hán - Việt, Le Breton đã giúp khám phá dãy núi Hồng Lĩnh, nằm ở hữu ngạn sông Lam, và nhiều đền thờ ẩn mình ở đó, vùng lòng chảo của các thung lũng (tr 219 và những trang tiếp theo). Nhiều bức ảnh chụp góp phần làm phong phú thêm những gì ông đã trình bày. Cũng chính trong xứ Vinh, tác giả giới thiệu tấm bia Tam Xuân rất độc đáo, được chạm trổ, minh chứng cho những giao thiệp và ảnh hưởng qua lại giữa người Việt và người Chăm cổ (tr.250-252). Le Vieux An Tinh cho ta rất nhiều thông tin hữu ích, như phần trình bày khái quát, dễ hiểu về lịch sử Trung Hoa (tr.193-202) kèm biểu đối chiếu theo niên đại (tr.203-205), cho phép đặt lại lịch sử xứ này trong bối cảnh lịch sử toàn diện, đặc biệt là vấn đề xâm lược của quân Mông Cổ vào thế kỷ XIII. Cuốn sách thuật lại vô vàn truyền thuyết địa phương, hầu hết được sưu tầm tại chỗ, bên cạnh đó còn có nhiều đoạn tán rộng ra ngoài khá hấp dẫn như những trang viết về tấm bia Nguyễn

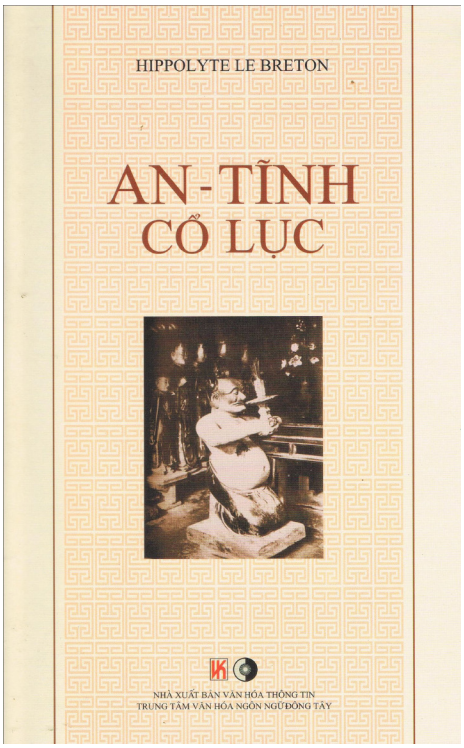

Bìa sách An - Tĩnh cổ lục

Trọng, những cây hồng ở Tiên Điền hay cả việc những sứ bộ và các tín đồ công giáo từng ẩn náu nơi đây trong suốt thế kỷ XVIII.

Song không chỉ phong phú về cảnh đẹp và những công trình lịch sử, con người cũng tỏa sáng trong tác phẩm của Le Breton. Khi gợi về xứ Diễn Châu, ông không quên nhắc lại về lịch sử của họ Hồ, dòng họ khai khẩn những vùng đất thấp tự nhiên rộng lớn ở Quỳnh Lưu, đã sản sinh ra cho đất nước hai vị Hoàng đế. Ông còn dành nhiều trang viết hay và dài (tr. 227-245) về họ Nguyễn ở Tiên Điền mà tổ tiên sáng lập ra dòng họ này đã từ bỏ vương triều Mạc quay sang với các vua Lê khi ông bị nhà Lê bắt đi, vào cuối thế kỷ XVI. Ông đã làm cho cơ nghiệp của gia tộc được vững bền với nhiều lãnh địa rộng lớn nằm ở bờ biển gần xứ Vinh mà triều Lê Trung Hưng ban cho họ tộc của ông. Người cháu hai đời của vị thủy tổ này là Nguyễn Nghiễm đã cho đắp những phá nước mặn mà sau đó nhanh chóng biến thành ruộng màu mỡ. Từ đó, tác giả đã giới thiệu với chúng ta các đền thờ và những tấm bia được dựng để tỏ lòng tôn kính với các hậu duệ của gia tộc này, những người tiên phong khai khẩn duyên hải miền Trung, trong số đó có thi hào Nguyễn Du. Cách đó vài cây số là thái ấp của họ Nguyễn ở Thượng Xá, miền đất này là những ruộng muối mà hoàng đế Lê Thánh tông đã cấp cho vị danh tướng Nguyễn Xí sau chiến thắng của nước Đại Việt đánh đuổi được quân Trung Quốc. Các làng ở miền này được miễn thuế theo đặc ân của vua ban và đều do những nô lệ, tù binh trước đây và nhân công làm nông nghiệp người Chăm đến định cư. Nhờ họ mà ta có những đền thờ được trang trí các tượng hình người cầu kinh hết sức độc đáo - tượng ông Phỗng, hoặc những tượng nhỏ bụng phệ giống hình xuất hiện trên bìa cuốn sách này. Tác giả còn tả thật tỷ mỉ, chi tiết ngôi đền thờ Nguyễn Xí và dịch đầy đủ những dòng chữ được khắc trong đền.

Vì cuốn sách được trình bày như một hành trình, nên bên cạnh kết cấu của nó thì chính mối quan tâm tha thiết không ngừng đối với vùng đất xứ Nghệ đã khích lệ ông viết sách, ông đã làm nên một cuốn sách chỉ nam tuyệt vời để thâm nhập sâu vào miền đất này của Việt Nam. Cách đây 2 năm, chúng tôi đã theo sách chỉ dẫn từng bước một, đi vào các thắng tích và đền đài được mô tả kỹ lưỡng. Nếu như một số đền thờ nay không còn hoặc bị hư hỏng nặng thì phần lớn vẫn còn nguyên vẹn, như đền thờ Nguyễn Trọng, cả ký ức của mấy cụ già, họ đã nhận ra những gương mặt trên các bức ảnh được đăng lại trong sách khiến chúng tôi vô cùng ngạc nhiên… Thế rồi, chắc chắn rằng hôm nay cũng như hôm qua, những thiện chí giống nhau còn đó để khai thông một con đường. Những khi đã đọc lại những trang viết tuyệt vời của Le Breton, ví như phải leo lên đỉnh đèo của dãy Hoành Sơn, mũi đá kì vỹ kéo ra tận biển về phía nam của xứ Kỳ Anh, chiêm ngưỡng cảnh đẹp, lộng lẫy, rồi đi dạo vài giờ cùng ông Bùi Đức Bản, ngồi trên chiếu gần án thờ Liễu Hạnh, trong bóng mát của cái cửa duy nhất còn tồn tại từ thành lũy cổ mà trong thời gian dài là ranh giới giữa hai vương quốc Đại Việt và Champa, và đến thế kỷ XVII, là phân mốc giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn, các chúa Nguyễn đã không ngừng mở rộng lãnh thổ về phía Nam.

Những gì là đúng với Hoành Sơn thì cũng như vậy ở nơi khác. Ai đó đã trải nghiệm đều biết rằng trên đường đi, tác phẩm của Le Breton là người bạn đường quý giá, một cuốn sách giáo khoa hay cuốn giản yếu có đầy đủ những gì bạn cần biết về vùng "Bắc Trung Bộ" Việt Nam để có thể hiểu rõ giá trị của chúng. Do vậy, dù đã được đăng trong "Những người bạn Huế xưa" vào năm 1936 và có cả ấn bản điện tử (1), song Le Vieux An - Tinh hoàn toàn xứng đáng được tái bản dưới dạng sách dễ sử dụng, có thể mang theo. Cuốn sách được Loic-Tené Vilbert khởi xướng và được Trung tâm Viễn Viễn Đông bác cổ thực hiện, chắc chắn nó sẽ đảm bảo việc phổ biến rộng rãi chuyên khảo nghiêm túc, đáng tin cậy này trong số các đồng nghiệp và bạn bè người Việt Nam của chúng tôi, cũng như trong số tất cả những ai - và họ rất đông - yêu thích lịch sử Việt Nam.

Philippe Papin

Hà Nội, tháng 5 năm 2001

Họa sĩ LÊ HUY TIẾP và NHỮNG MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT giành cho quê hương Nghệ An

HỒNG NHUNG

Họa sĩ Lê Huy Tiếp trao tặng thiết kế logo cho Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh

Những người yêu hội họa Việt Nam chắc hẳn không ai không biết tới họa sĩ Lê Huy Tiếp - người tiên phong của thế hệ họa sĩ thứ ba trong nền mỹ thuật hiện đại nước nhà. Tranh của ông để lại nhiều cảm xúc trong lòng người xem với gam màu tươi sáng và đặc biệt là bằng bút pháp hiện thực lãng mạn nhưng giàu tính triết lý nhân sinh. Tuy nhiên, không nhiều người biết ông được sinh ra trong một gia đình, dòng họ có truyền thống yêu nước và cách mạng nổi tiếng trên quê hương xứ Nghệ, chính vì vậy dù xa quê nhưng trong tâm hồn họa sĩ chất Nghệ vẫn thấm đẫm và ông luôn nặng lòng với quê hương.

Trong những ngày mùa thu tháng 9/2023, tôi may mắn được trò chuyện với họa sĩ Lê Huy Tiếp trong chương trình gặp mặt thân nhân gia đình các chiến sĩ Xô viết Nghệ Tĩnh. Vẫn dáng vẻ giản dị, giọng nói ấm áp mang chất Nghệ, trong mỗi câu chuyện họa sĩ kể luôn thấy được nỗi lòng thiết tha của một người con xa quê.

Họa sĩ Lê Huy Tiếp sinh năm 1950, quê ở xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Là cháu của họa sĩ Lê Văn Miến (gọi Lê Văn Miến bằng ông trẻ) - vị họa sĩ Tây học đầu tiên, người được coi là mở đầu cho nền mỹ thuật Việt Nam hiện đại. Lê Huy Tiếp là con trai duy nhất của hai chiến sĩ cộng sản Lê Huy Điệp và Nguyễn Thị Thiu và là cháu của đồng chí Nguyễn Thị Xân - nữ chiến sĩ cộng sản kiên trung trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.

Ông Lê Huy Điệp là Đảng viên năm 1930, nguyên Bí thư Huyện ủy khóa đầu tiên của Đảng bộ huyện Nghi Lộc năm 1947; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An (năm 1948); Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, lần lượt phụ trách các công tác: Trực Đảng, Tuyên huấn, Tổ chức và Phó Hội trưởng Liên Việt tỉnh Nghệ An (năm 1954-1957); Trưởng ban Tôn giáo vận kiêm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nghệ An (từ năm 1961 đến 1969).

Bà Nguyễn Thị Thiu là đảng viên năm 1930, nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ Liên khu IV năm 1946; Hội trưởng HLPN tỉnh Nghệ An (1954 đến 1965); Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy Nghệ An; Đại biểu Quốc hội khóa II...

Họa sĩ Lê Huy Tiếp là kết tinh tình yêu giữa hai người chiến sĩ cộng sản, một mối tình "thủy chung hiếm thấy". Theo lời kể của họa sĩ Lê Huy Tiếp thì sau một thời gian hoạt động cùng nhau, ông Lê Huy Điệp đã thầm yêu bà Nguyễn Thị Thiu dù biết bà hơn tuổi. Biết mình đang hoạt động cách mạng, phải đối diện với hiểm nguy, thậm chí có thể đánh đổi cả tính mạng nên bà Nguyễn Thị Thiu từ chối, nhưng ông Lê Huy Điệp vẫn một lòng chờ đợi.

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, hai người chiến sĩ mới gặp lại nhau. Lúc này, ông Lê Huy Điệp đã là Thường vụ Tỉnh ủy, cán bộ cấp trên của bà Nguyễn Thị Thiu và điều ngạc nhiên nhất là ông vẫn chờ đợi bà suốt hơn 10 năm hoạt động. Một lần nữa, ông Lê Huy Điệp báo cáo tổ chức và ngỏ lời cầu hôn bà Nguyễn Thị Thiu, nhưng sợ những đòn roi tra tấn đã làm mình mất khả năng làm mẹ nên bà lại lần thứ hai chối từ.

Tác phẩm "Eva trở về" (sơn dầu - 1997)

Nhưng tình yêu chân thành của ông Điệp cùng với sự thuyết phục của các đồng chí trong tổ chức đã lay động trái tim bà Nguyễn Thị Thiu. Đám cưới của 2 người được tổ chức (năm 1948) trong niềm vui của anh em, bạn bè, đồng chí và được đăng trên tờ báo tỉnh nhà.

Họa sĩ Lê Huy Tiếp chào đời sau ngày cưới hai năm, khi bà Nguyễn Thị Thiu đã ngoài 40 tuổi. Từ nhỏ Lê Huy Tiếp đã tự học vẽ, yêu thích toán, lý, hóa. Năm 12 tuổi, Lê Huy Tiếp bị đau đầu khi học khoa học tự nhiên và hai năm sau thị lực mắt phải chỉ còn 1/10. Với định hướng và sự động viên của bố, năm 1965, chàng trai xứ Nghệ mới 15 tuổi nhưng với niềm đam mê hội họa cháy bỏng đã liều mình đạp xe hơn 300 cây số từ Nghệ An ra Hà Nội để trị bệnh và theo đuổi giấc mơ hội họa trong hoàn cảnh khói lửa chiến tranh. Trận bom Mỹ dọc đường khiến cậu bé 15 tuổi chết hụt, hôn mê 3 ngày và làm mờ đi một phần trí nhớ nhưng khát khao được làm họa sĩ vẫn rực cháy trong tâm hồn Lê Huy Tiếp.

Năm 1966, Lê Huy Tiếp thi đỗ vào trường Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội. Năm 1969, ông được cử đi học tiếp tại Khoa Đồ họa, Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Matxcơva ở Liên Xô (cũ). Năm 1975, ông tốt nghiệp về làm Phó Chủ nhiệm Khoa Đồ họa và Khoa Mỹ thuật môi trường tại Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Hà Nội cho đến tận năm 2002. Ngoài sự nghiệp giáo dục tại nhiều trường, ông còn tham gia rất nhiều năm trong Ban Chấp hành Hội Mỹ thuật Việt Nam, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật của Hội Mỹ thuật Việt Nam, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nghệ thuật Đồ họa và hiện nay đang là Ủy viên Hội đồng Đồ họa. Với những đóng góp cho nền mỹ thuật nước nhà, họa sĩ Lê Huy Tiếp được

Họa sĩ Lê Huy Tiếp trước bức tranh "Bác Hồ trước bản đồ" tặng Tỉnh ủy Nghệ An năm 2000

trao tặng Huy chương Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Mỹ thuật Việt Nam; Huy chương Vì sự nghiệp Văn hóa Thông tin; Giải thưởng Nhà nước về Hội họa. Năm 2007, ông được trao tặng Giải thưởng Nhà nước về lĩnh vực Văn học Nghệ thuật với 04 tác phẩm gồm: *"Chiến tranh"* (sơn dầu - 1987), *"Đợi"* (sơn dầu - 1977), *"Eva trở về"* (sơn dầu - 1997) và bộ tranh in độc bản *"Môi trường biển"* (2001).

Tính đến nay, ngoài những tác phẩm của họa sĩ được Viện Bảo tàng Mỹ thuật mua như *"Chiến tranh"* và *"Miền Trung"*, thì một số tác phẩm quan trọng nhất, kể cả những bức có tên nằm trong số tranh mà họa sĩ được trao giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật năm 2007 đều nằm trong tay các nhà sưu tầm trong nước và quốc tế sở hữu.

Dù không học tập và làm việc tại quê hương nhưng với những năm tháng tuổi thơ gắn bó với quê nhà, tình cảm đối với quê hương trong ông vẫn rất sâu đậm. Có ba món quà đặc biệt, họa sĩ đã giành tặng cho quê hương thể hiện tình cảm, sự quan tâm đối mảnh đất chôn rau rốn của mình.

Theo nguyện vọng của bố mẹ, họa sĩ Lê Huy Tiếp đã tặng Bức tranh gốm về Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Tỉnh ủy Nghệ An. Hiện nay, bức tranh đặc biệt này đang được treo trang trọng tại Hội trường Tỉnh ủy.

Năm 1985, khi đang theo học chuyên ngành hội họa tại Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp Matxcơva, họa sĩ Lê Huy Tiếp đã sáng tác bức tranh vẽ trên gốm *"Bác Hồ trước bản đồ"* thể hiện sự trăn trở suy nghĩ của Bác về kế hoạch xây dựng đất nước. Tranh có kích thước 165 x112,5cm, gồm có 88 viên gốm. Đặc biệt, để ra được màu sắc trong bức tranh, họa sĩ Lê Huy Tiếp đã nung gốm 3 lần từ 800 đến 1200^0. Việc vận chuyển bức tranh về nước cũng không hề đơn giản, tác giả đã cẩn thận bọc kỹ từng viên gốm để không vỡ. Sau khi đưa về Việt Nam, bức tranh này đã được Tổng cục Đường sắt hỏi mua để treo ở ga Hà Nội.

Năm 1990, hội đồng hương Nghệ An tại Hà Nội gồm Đại tướng Chu Huy Mân, đồng chí Võ Thúc Đồng đã đến thăm gia đình lão thành cách mạng Lê Huy Điệp và Nguyễn Thị Thiu. Bố mẹ họa sĩ đã có nguyện vọng tặng lại bức tranh của con trai cho Tỉnh ủy Nghệ An - nơi hai cụ đã công tác. Họa sĩ Lê Huy Tiếp rất vui khi thực hiện nguyện vọng đó. Hội đồng hương có nhã ý làm một khung thật đẹp bằng gỗ mít chạm trổ tinh xảo và được sơn son thếp vàng để họa sĩ Lê Huy Tiếp đặt tranh lên để tặng cho Tỉnh ủy Nghệ An.

Đầu năm 2000, nhân dịp kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng, 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, họa sĩ Lê Huy Tiếp và Hội đồng hương Nghệ An tại Hà Nội đã trực tiếp trao tặng lại bức tranh *"Bác Hồ trước bản đồ"* cho Tỉnh ủy Nghệ An với tình cảm trân trọng. Buổi lễ trao tặng có sự hiện diện của Đại tướng Chu Huy Mân, đồng chí Võ Thúc Đồng, Thiếu tướng Lê Nam Thắng và lãnh đạo Tỉnh ủy Nghệ An.

Năm 2022, họa sĩ Lê Huy Tiếp đã trao tặng hai kỷ vật là Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng của mẹ và dì là bà Nguyễn Thị Thiu và Nguyễn Thị Xân cho Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh bảo quản, phát huy giá trị.

Năm 2023, nhân dịp kỷ niệm 93 năm ngày Xô viết Nghệ Tĩnh (12/9/2023), họa sĩ lại trở về quê hương và trao tặng thiết kế logo cho Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh, nơi đang lưu giữ hàng ngàn tài liệu, hiện vật của các chiến sĩ trong phong trào cách mạng 1930-1931 trên quê hương xứ Nghệ. Đó là những món quà vô giá mà họa sĩ nổi tiếng Lê Huy Tiếp tặng lại cho quê hương Nghệ An.

Nguyên nhân thành bại của các cuộc cải cách trong lịch sử

NGUYÊN THANH

BẤT CỨ XÃ HỘI, NHÀ NƯỚC, QUỐC GIA DÂN TỘC NÀO MUỐN PHÁT TRIỂN ĐỀU PHẢI LIÊN TỤC VẬN ĐỘNG, PHẢI TỰ LÀM MỚI MÌNH THEO HƯỚNG TIẾN BỘ. TỰ LÀM MỚI MÌNH CÓ THỂ Ở NHIỀU MỨC ĐỘ VÀ BẰNG NHIỀU CÁCH KHÁC NHAU NHƯ CÁCH MẠNG, CẢI CÁCH, CẢI TỔ… TÙY VÀO NHU CẦU VÀ ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ NHƯNG ĐỀU PHẢI HƯỚNG ĐẾN ĐỔI MỚI.

Một lớp học ở làng Hành Thiện, Nam Định trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục

Những cuộc cải cách trong lịch sử

Cách mạng là hành động có tính quyết liệt, triệt để nhằm thay đổi hình thái kinh tế-xã hội nhưng cải cách chỉ hướng đến những thay đổi trong lòng hình thái kinh tế-xã hội, gạt bỏ những bất hợp lý, lạc hậu để làm mới nó theo hướng tiến bộ về thể chế, kinh tế, xã hội, văn hóa.

Cho đến nay, giới sử học cơ bản thống nhất trong lịch sử trung đại Việt Nam đã có 8 cuộc cải cách quan trọng nhất. Đó là các cuộc cải cách của Khúc Thừa Dụ (830 - 907) - Khúc Hạo (860 - 971), của Lý Công Uẩn (974 - 1028), của Trần Thủ Độ (1194 - 1264), của Hồ Quý Ly (1336 - 1407), của Lê Thánh Tông (1442 - 1497), của Đào Duy Từ (1572 - 1634), của Trịnh Cương (1686 - 1729), của Minh Mạng (1791 - 1841) và hai cuộc kiến nghị/vận động cải cách, giữa thế kỉ XIX của Nguyễn Trường Tộ (1830? - 1871), Phạm Phú Thứ (1821 - 1882), Nguyễn Lộ Trạch (1853 - 1895)… và phong trào/trào lưu Duy tân hồi đầu thế kỉ XX gắn liền với Phan Chu Trinh (1872 - 1926), Phan Bội Châu (1867 - 1940).

Cha con họ Khúc với tư tưởng "khoan, giản, an, lạc" đã xác định trọng tâm là cải cách cơ cấu hành chính, thay đổi cách thức quản lý từ "nắm từ trên xuống", nhằm mục đích là để đàn áp, bóc lột của nhà Đường sang cơ cấu hành chính "nắm từ dưới lên", nắm từ cơ sở cấp "xã" mà nhà Đường chưa bao giờ với tay đến được. Họ Khúc đã đặt ra các chức xã quan "chánh lệnh trưởng" và "tá lệnh trưởng"; "định ra hộ tịch", "lập sổ hộ khẩu, kê rõ họ tên, quê quán" nhằm nắm vững dân số và thông hiểu dân tình. Thực hiện chính sách "Bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực địch"; Bỏ hẳn thuế đinh. Người thu thuế không phải là

xã quan mà là phó tri giáp, để tránh sự phiền hà sách nhiễu cũng như nạn thu thuế nhiều tầng nạn thất thu. Thực hiện "tha bỏ lực dịch", "cởi trói cho dân", thu phục Nhân dân ổn định xã hội. Cuộc cải cách đã khẳng định và giữ vững được nền tự chủ, tạo nền tảng cho Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền giành quyền độc lập trong giai đoạn kế tiếp.

Hình tượng vua Lê Thánh Tông trên bìa sách

Lý Công Uẩn không chỉ sáng lập ra vương triều Lý mà đã làm một cuộc đổi mới địa - chính trị Đại Việt hồi thế kỷ XI khi quyết định dời đô ra Thăng Long, mở đầu cho sự chuyển biến toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa và quân sự, đưa vương triều Lý và Đại Việt phát triển mạnh mẽ, toàn diện

Trần Thủ Độ, người có công đầu trong việc sáng lập ra nhà Trần và cùng các vua Trần thực hiện một loạt chính sách về chính trị, kinh tế, xã hội, đưa quốc gia Đại Việt hùng cường, phát huy tinh thần đoàn kết dân tộc để chiến thắng 3 cuộc xâm lược của giặc Nguyên - Mông.

Hồ Quý Ly là người gánh vác sứ mệnh hóa giải cuộc khủng hoảng của quốc gia hồi cuối thế thế kỷ XIV. Ông đã có một loạt chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, có những chính sách tiến bộ, thậm chí vượt trước thời đại. Đáng tiếc là cuộc cải cách chưa thành, vì vẫn còn những bất cập và vì đất nước bị quân nhà Minh xâm lược.

Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông đã đổi mới và phát triển đất nước trên tất cả các lĩnh vực, từ chính trị đến luật pháp, kinh tế và văn hóa và đã đưa vương triều Lê trở thành vương triều thịnh trị nhất trong lịch sử Đại Việt.

Trịnh Cương, trước bối cảnh khủng hoảng của thể chế Lê - Trịnh đã thực hiện cuộc cải cách khá toàn diện, nhất là về tài chính, đem lại hiệu quả tích cực. "Trong khi chúa giữ chính, chăm chỉ lo toan trị nước, cùng với các tể tướng ngày đêm trù tính. Phàm việc binh, dân, tiền của, thuế khóa đặt ra rõ ràng đầy đủ". Bấy giờ [vua] nối nghiệp thái bình, không biết việc đao binh, trong nước vô sự. Triều đình đặt nhiều việc pháp độ, kỷ cương rất hẳn hoi đầy đủ, các phương xa đến cống hiến và Trung Quốc trả lại đất đai. Thực là đời rất thịnh". (Phan Huy Chú).

Cũng vào thế kỷ XVII, ở Đàng Trong, có Đào Duy Từ, nhà kiến trúc chính sách của chúa Nguyễn. Bị chúa Trịnh ruồng bỏ, ông tìm đường vào Đàng Trong và tìm cách phục vụ chúa Nguyễn. Từ đổi mới vị thế của mình, ông đã giúp chúa Nguyễn đổi mới xã hội và phát triển Đàng Trong trở thành một lực lượng đối kháng ngang sức ngang tài với tập đoàn Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài.

Cuộc cải cách hành chính của Minh Mệnh đầu thế kỷ XIX đã đổi mới và thống nhất được hệ thống hành chính quốc gia, kể cả phân cấp hệ thống hành chính và chế định ngạch, bậc quan lại từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên vẫn không giải quyết được khủng hoảng toàn diện vì nền tảng tư tưởng đã lỗi thời, xã hội phong kiến nhà Nguyễn suy tàn, đang cần chuyển sang một hình thái kinh tế-xã hội khác, trình độ phát triển cao hơn.

Sau cuộc cải cách của Minh Mệnh, nhà Nguyễn vẫn tiếp tục đà suy thoái trong lúc đó lại bị thực dân Pháp xâm lược. Trước bối cảnh đó, Nguyễn Trường Tộ, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Lộ Trạch… đã có những kiến nghị cải cách toàn diện và sâu sắc, phù hợp với nhu cầu nội tại và sự phát triển của thời đại. Mặc dù tư tưởng của các ông đã không được triều đình chấp nhận nhưng đã góp phần mở mang dân trí, nhận thức ra con đường yêu nước và canh tân phù hợp với tình hình mới.

Bước sang thế kỷ XX, có trào lưu Duy Tân gắn liền với tên tuổi Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và nhiều sĩ phu, trí thức yêu nước khác. Tuy không đồng nhất về phương pháp (bạo động và bất bạo động) nhưng thống nhất cao về ý chí cứu nước và hướng đến xây dựng quốc gia theo thể chế mới. Trào lưu này cũng không thành công nhưng đã mở ra cho quốc dân một cách tiếp cận gần hơn với xu thế của thời đại.

Đi tìm nguyên nhân thành bại

Nhìn lại, có thể thấy có những cuộc cải cách cơ bản thành công, có hiệu quả (Khúc Thừa Dụ - Khúc Hạo, Lý Công Uẩn,

Trần Thủ Độ, Lê Thánh Tông, Trịnh Cương, Đào Duy Từ, Minh Mạng), có những cuộc không trọn vẹn (Hồ Quý Ly), có những ý tưởng, trào lưu không được thực hiện hoặc không thành công (Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh).

Vấn đề đặt ra là tại sao các cuộc cải cách thành hay bại?

Bất cứ cuộc cải cách nào cũng xuất phát từ nhu cầu phải thay đổi, đổi mới để tồn tại và phát triển của các chế độ/thể chế xã hội/quốc gia dân tộc. Mỗi một cuộc cải cách đều có nhiệm vụ của nó trong những bối cảnh cụ thể, những yếu tố chủ quan và khách quan cụ thể. Tất cả các yếu tố đều ảnh hưởng, chi phối đến tiến trình và kết quả cải cách. Đó là nhu cầu cải cách, thời cơ cải cách, tư tưởng/tư duy cải cách, lực lượng cải cách, thủ lĩnh cải cách… Ở đây xin phép chỉ bàn về yếu tố Thời cơ và Thủ lĩnh qua thực tiễn các cuộc cải trong lịch sử trung - cận đại Việt Nam kể trên.

Có nhu cầu cải cách vì sự khủng hoảng xã hội toàn diện hay bộ phận. Nhưng cuộc cải cách chỉ có thể tiến hành và có kết quả khi có thời cơ. Cha con họ Khúc sở dĩ giành được quyền tự chủ và tiến hành cải cách vì lúc bấy giờ nhà Đường đã suy yếu dẫn đến tình trạng "ngũ đại thập quốc". Lý Công Uẩn lấy được ngôi vì nhà Lê (tiền) đến Lê Long Đĩnh đã quá suy nát, lòng dân oán hờn. Tương tự, Trần Thủ Độ lấy được ngôi cho nhà Trần và thực hiện cuộc cải cách vì nhà Lý đã suy tàn, xã hội khủng hoảng sâu sắc. Đến lượt Hồ Quý Ly, sở sĩ thâu tóm được quyền lực và thực hiện cải cách, rồi giành ngôi vua để tiếp tục đẩy mạnh cải cách vì cuộc khủng hoảng toàn diện của không chỉ cung đình triều Trần mà cả toàn xã hội cùng với nguy cơ bị ngoại xâm từ nhà Minh. Trường hợp cuộc cải cách của Lê Thánh Tông hoặc Minh Mệnh lại là do sự trì trệ của nền hành chính, kinh tế hoặc sự khủng hoảng cung đình buộc phải có nhu cầu đổi mới để phát triển của bản thân nhà Lê hay nhà Nguyễn. Đối với Đào Duy Từ, thời cơ đến khi chúa Nguyễn cần có tài năng của ông để xây dựng và phát triển Đàng Trong. Ông không những đã tận dụng được mà chính ông đã tự mình tạo ra thời cơ bằng cách nỗ lực tiếp cận chúa Nguyễn để được thi triển tài năng. Tư tưởng canh tân của Nguyễn Trường Tộ và phong trào Duy tân của hai cụ Phan không được triển khai vì thời cơ chưa đến. Các vua Nguyễn bất lực, không dám cải cách trong lúc có cản trở rất lớn là quân đội thực dân Pháp mặc dù nhu cầu cải cách rất lớn.

Yếu tố thứ hai quy định sự thành bại các cuộc cải cách chính là vai trò thủ lĩnh của người đứng đầu. Thủ lĩnh tài năng là người có tầm nhìn vừa xa vừa rộng, nắm bắt được nhu cầu đổi mới, nắm bắt và tận dụng thời cơ một cách chính xác, mau lẹ. Trước hết, họ phải có tư tưởng, tư duy cải cách và phải có quyền lực, có sức mạnh để thực hiện cải cách theo đúng tư tưởng và mục tiêu đã xác định. Từ cha con họ Khúc đến Lý Công Uẩn, Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Trịnh Cương, Minh Mệnh… tất cả đều phải có quyền lực, chưa có thì phải tạo ra, giành lấy để trở thành điều kiện cần cho cải cách. Tư tưởng cải cách của Đào Duy Từ được thực hiện là qua quyền lực của Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên. Trong trường hợp này, nhà kiến trúc là Đào Duy Từ, người thực hiện là Chúa Nguyễn, người có thực quyền tối cao. Nếu không có quyền lực, nhà cải cách chỉ có thể dừng lại ở tầm mức nhà tư tưởng, ở vai trò thiết kế chứ không thể thi triển thành công. Nguyễn Trường Tộ, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh là trong trường hợp này.

Để thành công, thủ lĩnh cải cách phải có lực lượng thực hiện và sự ủng hộ của đông đảo các tầng lớp xã hội. Muốn vậy, ngoài việc xác định mục tiêu đúng đắn nhằm hướng tới giải quyết được các mâu thuẫn xã hội, đáp ứng được các nhu cầu phát triển, thủ lĩnh phải có lộ trình cải cách hợp lý, phù hợp với trình độ phát triển của thể chế, của nền kinh tế - xã hội, của dân trí - văn hóa. Hồ Quý Ly có nhiều chính sách tiến bộ nhưng có những chính sách chưa phù hợp với trình độ phát triển lúc bấy giờ, như đổi tiền giấy, nên không có kết quả như ý, thậm chí phản tác dụng.

Để thành công, thủ lĩnh phải kiên định mục tiêu, kể cả lúc phải điều chỉnh lộ trình, biện pháp hay gặp khó khăn, chống đối cũng không nản chí. Điều đó có thể thấy rất rõ ở Khúc Thừa Dụ - Khúc Hạo, ở Trần Thủ Độ, ở Lê Thánh Tông nhưng không có ở giai đoạn sau của Trịnh Cương khi ông này không kiềm chế được sở thích cá nhân mà làm lệch mục tiêu cải cách.

Điều cuối, tất cả các cuộc cải cách thành công hay không, kết quả ít hay nhiều, phụ thuộc vào lòng dân. Ý tưởng cải cách hay, tiến bộ như Hồ Quý Ly nhưng không được lòng dân nên thất bại. Ngược lại, mới bước đầu giành quyền tự chủ (tương đối) nhưng với tư tưởng "Khoan, Giản, Thư, Lạc", cha con họ Khúc đã thành công, đặt nền móng vững bền cho nền độc lập tự chủ của dân tộc.

Đổi mới là quy luật vận động của phát triển. Đổi mới như thế nào là bài toán khó luôn dành cho các thủ lĩnh và các nhà hoạch định chính sách. Nhìn lại lịch sử các cuộc cải cách vẫn thấy nhiều bài học quý cho hiện tại và tương lai.

Núi Hồng – sông Lam

Xuân về Tết đến

Cảm nhận văn chương xứ Nghệ từ điểm nhìn văn hóa

BÙI TÙNG ẢNH

Xuân về, Tết đến, năm Giáp Thìn (2024), theo tâm linh, với khí thế Rồng thiêng, sẽ hứa hẹn nhiều điều tốt đẹp với không chỉ riêng ai. Do điều kiện riêng tư, không trở về quê hương đón Xuân, đón Tết như một nghi lễ thiêng liêng của tự nhiên - xã hội - con người, thì tôi theo tinh thần "cố hương", bằng con chữ trải ra, giãi bày tình cảm của đứa con xa quê hương, mà trong sâu thẳm vang lên hai tiếng thân yêu và tự hào - XỨ NGHỆ.

Đến hiện đại từ truyền thống

Xứ Nghệ trong tâm thức cộng đồng và theo quan điểm (phương pháp) nghiên cứu "Địa - Văn hóa" bao gồm cả hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Thời Đào Tấn làm Tổng đốc An - Tĩnh (lần thứ nhất 1889, lần thứ hai 1898), ông đồng thời cũng là một tác gia tuồng được xếp hạng, dân gian gọi là "quan văn nghệ". Vì thế khái niệm "Văn hóa xứ Nghệ" bao hàm văn hóa Nghệ - Tĩnh, hưởng chung hào khí, văn hóa Hồng Lam có tính chất của núi và của sông (cương - nhu), cùng thuộc không gian "Địa linh nhân kiệt", hoặc thiết thân hơn "Văn chương nết đất thông minh tính trời" (Nguyễn Du - *Truyện Kiều*). Những cư dân xứ Nghệ từ xưa

tới nay dù đi đâu, ở đâu cũng luôn nằm lòng, khắc ghi trong tâm khảm câu ca dao:

"*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh*

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ".

Phải thưa trước với bạn đọc, bài báo nhỏ của tôi trong một khuôn khổ chữ có hạn, chỉ riêng viết để dành tặng các văn nhân sinh trưởng tại Nghệ An, trong dịp Xuân về Tết đến. Nhân dịp này, xin được đưa ra một số liệu thống kê đáng tin cậy: trong số 1.623 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (sách *Nhà văn Việt Nam hiện đại,* NXB Hội Nhà văn, in lần thứ V, 2020), tỉnh Nghệ An có 116 hội viên (tính đến 12/2023 mất 42 nhà văn). Đó cũng là một "con số biết nói" về cường lực văn chương xứ Nghệ.

Trong các Danh nhân Văn hóa thế giới của Việt Nam được UNESCO ghi danh, Nghệ An vinh dự đóng góp vào những tên tuổi lẫy lừng: Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà thơ lớn thời hiện đại, tác giả *Nhật ký trong tù* đã trở thành Bảo vật quốc gia và nữ sĩ Hồ Xuân Hương, người dám, như giai thoại truyền tụng "Giơ tay với thử trời cao thấp/Xoạc cẳng đo xem đất ngắn dài". Thời cận hiện đại, phải kể đến tên tuổi sáng chói trời Nam - chí sĩ, văn sĩ kiệt xuất Phan Bội Châu, người được đặt tên phố ở Thủ đô Hà Nội và nhiều thành phố khác trên cả nước, tên trường THPT Chuyên Nghệ An, được lên phim điện ảnh, gần nhất là trong tiết mục "Tái hiện ca cảnh Ví, Giặm về chí sĩ Phan Bội Châu tại Nhật Bản" (Chương trình trong khuôn khổ "Ngày Việt Nam tại Nhật Bản", tái hiện ca cảnh Ví, Giặm về tình bạn đẹp của chí sĩ Phan Bội Châu và bác sĩ Asaba Sakitaro - theo *Vietnam.net*, 4/12/2023).

Từ khi Nhà nước tổ chức xét tặng Giải thưởng cấp Quốc gia về lĩnh vực VHNT, riêng tỉnh Nghệ An có 6 nhà văn nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT (Đặng Thai Mai, Cao Huy Đỉnh, Hoài Thanh, Bùi Hiển, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Minh Châu) và 13 nhà văn nhận Giải thưởng Nhà nước về VHNT (Nguyễn Trọng Oánh, Trần Hữu Thung, Phan Cự Đệ, Nam Hà, Minh Huệ, Vương Trọng, Đặng Thanh Hương, Thái Bá Lợi, Anh Ngọc, Cao Tiến Lê, Nguyễn Trọng Tạo, Ông Văn Tùng, Hoàng Trần Cương). Riêng PGS Trần Đình Hượu (có tên trong công trình *Từ điển văn học. Bộ mới*, NXB Thế giới, 2004) - nhà nghiên cứu văn hóa, nhận Giải thưởng Nhà nước về KHXH & NV (năm 2000) với những công trình tiêu biểu *Nho giáo và Nho giáo ở Việt Nam*, *Đến hiện đại từ truyền thống*; PGS Phan Ngọc - nhà nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa, nhận Giải thưởng Nhà nước về KH & CN (năm 2000), tác giả của các công trình *Văn hóa Việt Nam - cách tiếp cận mới, Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều.*

Tuy nhiên, trong thực tiễn sáng tạo văn học nghệ thuật có một loại (kiểu) giải thưởng thuộc về Nhân dân, trong lòng Nhân dân, tiêu biểu như sáng tác của các nhà văn Thanh Châu, nhà thơ Phan Khắc Khoan (hai tác giả thế hệ tiền chiến), Sơn Tùng (nhà văn - Anh hùng Lao động, người viết thành công về Lãnh tụ Hồ Chí Minh với các tiểu thuyết tiêu biểu *Búp sen xanh, Bông sen vàng*); các nhà thơ Hoàng Minh Châu, Võ Văn Trực, Hoàng Cát, Thạch Quỳ, Nguyễn Bùi Vợi, Võ Văn Trực,... và các nhà văn Hoàng Ngọc Hà, Nguyễn Thế Quang, Trần Huy Quang (tác giả của những phóng sự văn học nổi tiếng thời kỳ đầu Đổi mới), Xuân Tùng - đồng tác giả với Trần Thanh viết tiểu thuyết *Nhãn đầu mùa* có nhiều độc giả vào đầu những năm 60 thế kỷ trước.

Nghệ sĩ ngôn từ xứ Nghệ góp công đổi mới văn chương dân tộc

Nhà văn Nguyễn Minh Châu (1930-1989), được tấn phong là "Người mở đường tài năng và tinh anh công cuộc đổi mới văn chương Việt Nam sau 1975". Khi nói "người mở đường" trong bất kỳ lĩnh vực nào, chúng ta đều hiểu, vinh quang và cay đắng thường song hành. Nhà văn Nguyễn Minh Châu không là ngoại lệ. Sau 1975, nhà văn là người đi tiên phong trong việc giải trình bằng hình tượng nghệ thuật vấn đề (chủ đề) "hòa giải, hòa hợp dân tộc" qua tác phẩm có tính luận đề, tính đối thoại triết học - đạo đức: *Miền cháy* (tiểu thuyết, 1977). Nhà văn, qua tác phẩm, muốn gửi thông điệp đến độc giả "Bước ra khỏi cuộc chiến tranh chúng

ta cũng cần được chuẩn bị đầy đủ như khi bước vào chiến tranh". Nói cách khác, đó là sự đề cao và cổ vũ tinh thần nhân văn trên cơ sở truyền thống con Rồng cháu Tiên, cùng dòng máu Lạc Hồng, đoàn kết tương thân tương ái như dân gian đã tổng kết "Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn". Bốn mươi năm sau, Hội Nhà văn Việt Nam mới tổ chức được cuộc gặp gỡ mang ý nghĩa văn hóa "Nhà văn và sứ mệnh đại đoàn kết dân tộc" (tổ chức tại Thủ đô Hà Nội, 10/2017). Nhiều nhà văn Việt Nam định cư ở nước ngoài đã về tham dự sự kiện. Không phải tất cả đã hanh thông, mở lòng bầu bạn tìm được tiếng nói chung, nhưng chí ít những rào cản, định kiến bước đầu được tháo gỡ giữa những nhà văn cùng là con của giống nòi, dân tộc, đất nước. Những truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu viết trong vòng mười năm đầu sau chiến tranh (1975-1985) đã khiến văn đàn sôi động. Tuần báo Văn nghệ (Hội Nhà văn Việt Nam) đã tổ chức một cuộc hội thảo quy mô và sôi nổi về truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, vào năm 1985. Hiếm khi trên văn đàn Việt Nam đương đại có một nhà văn đã tạo nên hiện tượng "chia đôi dư luận" như Nguyễn Minh Châu.

Bình tĩnh tri nhận, sẽ thấy Nguyễn Minh Châu là một trong những tác gia tiêu biểu nhất của văn chương Việt Nam nửa sau thế kỷ XX có tiềm năng chuyển giao cho công chúng đọc tiếp ở thế kỷ XXI. Tác phẩm truyện ngắn của nhà văn đã từng được đưa vào SGK Ngữ văn THCS và THPT (*Mảnh trăng cuối rừng, Bến quê, Bức tranh, Chiếc thuyền ngoài xa*). Những truyện ngắn thành công của nhà văn được độc giả đón đọc và lưu dấu trong ký ức *Sống mãi với cây xanh, Cỏ lau, Khách ở quê ra, Phiên chợ Giát, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Mùa trái cóc ở miền Nam*,...Đó là những tác phẩm tiệm tiến giá trị "cổ điển" - triết lý về cái vĩnh hằng, con người, dân tộc, nhân loại.

Nhưng có lẽ cái khát vọng đổi mới của nhà văn Nguyễn Minh Châu còn mang ý nghĩa cao hơn khi ông trăn trở, thao thức, tha thiết và cao vọng góp phần nâng tầm vóc, thành tựu, vị thế của văn chương Việt Nam tiến tới hòa vào biển lớn nhân loại, sánh vai cùng bè bạn quốc tế, tránh được tình trạng "nhập siêu" văn hóa, văn chương. Giấc mơ Nobel văn chương có vẻ như chỉ là một giấc mộng, thậm chí là ảo mộng. Không tính nhân vật nhà văn Hộ trong kiệt tác *Đời thừa* (truyện ngắn, 1943) của văn hào Nam Cao, thì hàng hậu duệ, "hậu sinh khả úy" như Nguyễn Minh Châu cũng đã đau đáu "Mỗi nhà văn chúng ta phải đốt lên ngọn lửa cao vọng - không có một thứ nghề nào lại cần lòng tự tin đến kiêu ngạo, coi thiên hạ như rác đồng thời lại cần sự khiêm tốn thực hành thấy rằng mình bao giờ cũng dốt cũng thiếu như cái nghề này, nghề đóng đồ mộc, đóng chạn bát. Tại sao ta lại cứ sản xuất ra toàn những sản phẩm loại nhì, loại ba của văn học thế giới, hoặc những bán thành phẩm, để rồi phải làm cái việc con hát mẹ khen hay, rồi con cứ lấy làm tự hào được mẹ khen? Tại sao văn học ta chỉ là văn học xóm xã, ao chuôm mà không là văn học của cả thiên hạ, của cả loài người" (*Di cảo Nguyễn Minh Châu*, NXB Hà Nội, 2009, tr.372).

Nhưng cần khách quan và công bằng nên phải nói "Một cánh én không làm nên mùa xuân". Tất nhiên! Góp vào đổi mới văn chương Việt Nam đương đại, sát cánh cùng nhà văn Nguyễn Minh Châu có những người đồng hương - đồng nghiệp tài tình như Sơn Tùng, Phan Xuân Hạt, Nguyễn Trọng Oánh, Vương Trọng, Thạch Quỳ, Nguyễn Thế Quang, Trần Huy Quang, Hoàng Cát, Thái Bá Lợi, Anh Ngọc, Nguyễn Trọng Tạo, Hoàng Trần Cương, Tuyết Nga,..

Vĩ thanh - Tột cùng văn hóa là con người

Nếu chỉ được phép chọn (như một giả định) hai tác phẩm văn chương Việt Nam đương đại (1 văn, 1 thơ) viết hay nhất về đất và người xứ Nghệ, thì theo thiển ý của tác giả bài báo nhỏ này, sẽ là *Phiên chợ Giát* (truyện) của nhà văn Nguyễn Minh Châu và *Sông Lam* (thơ) của nhà thơ Trần Mạnh Hảo. Truyện *Phiên chợ Giát* của nhà văn Nguyễn Minh Châu, trong bản chất của nó là một tác phẩm chứa chất tính chất phong tục vốn rất mờ nhạt trong văn chương hiện đại thời kỳ 1945-1985, khi chúng ta gồng mình mấy chục năm liền qua mấy cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và vượt qua cơ hàn của thời hậu chiến bị cấm vận, khủng hoảng kinh tế. Nếu con người sống trong trạng thái bình thường

(thì chiến tranh là trạng thái bất thường) sẽ có sự gắn bó với chợ (chợ quê, chợ phố). Chợ như là cái "phong vũ biểu" của một không gian có tính địa - văn hóa. Trong *Hà Nội băm sáu phố phường* (bút ký, 1943) nhà văn Thạch Lam gọi chợ Đồng Xuân là "Cái bụng của Hà Nội" (?!). Quả không sai! Trong thiên truyện *Phiên chợ Giát*, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã châu tuần, bằng những con chữ nhiều nghĩa, quá khứ và hiện tại, kinh tế và văn hóa, truyền thống và hiện đại, tâm thức cộng đồng và cá thể,... Qua thiên truyện đằm sâu ý vị văn hóa - triết học - đạo lý độc giả cảm nhận được "Hai chữ CON NGƯỜI vang lên biết bao tự hào!" (M. Gorki). Và sâu sắc hơn nữa khi nhà văn bằng chữ nghĩa chỉ ra cho độc giả thấm nhuần một thực tế: muốn biết rõ hơn căn tính Việt, tâm hồn Việt, văn hóa Việt thì người sáng tác phải "bấu chặt" lấy khi viết cái không gian nền tảng nhất, căn cơ nhất chính là "tam nông" (nông thôn - nông nghiệp - nông dân), được quan niệm như là thung thổ, khí quyển của đời sống vật chất và tinh thần của con người trên dải đất hình chữ S, tồn tại trên nền văn minh lúa nước và văn hóa làng xã mang tính cộng đồng cao. Bởi vì, Việt Nam cho đến 30 năm đầu thế kỷ XXI, về căn bản vẫn là một nước nông nghiệp "toàn tòng".

Bài thơ *Sông Lam* của nhà thơ Trần Mạnh Hảo, không riêng tôi nghĩ, là thi phẩm hay nhất về xứ Nghệ "Sông bổ đôi Nghệ Tĩnh/Sông nằm hóa lục bát Nguyễn Du/Sông đứng thành Hồng Lĩnh/Sông đi thành Ví Gặm trời xanh/Sông vắt kiệt lòng mình nuôi đất cát/Thương đất nghèo sông xanh rớt mồng tơi/Sông ẩn hồn trong vại cà, vại nhút/Một củ khoai cũng lấp ló mây trời/Con cò mặc áo tơi đi học/Cá sông Lam còi cọc toát mồ hôi/Gió hào kiệt thổi xơ Nghệ Tĩnh/Cá gỗ nuôi lớn những thiên tài/Trời hào phóng mây trắng/Đất tần tiện ngô khoai/Đến cỏ dại cũng mọc thành chữ nghĩa/Đồ Nghệ sông Lam dạy biển cả học bài/Gió Lào thổi mây giòn bánh đa nướng/Sông Lam nuôi nứt nẻ mỗi hạt vàng/Gió lập ngôn đầu hồi luồng lĩnh xướng/Khoai lang gàn luống dọc thích bò ngang/Sông thao thức sóng tràn bờ Bắc/Sông nằm mơ tĩnh lặng khói bờ Nam/Thúy Kiều đến Tiên Điền tìm họ mạc/Hai trăm năm Tiền Đường mê mẩn nước Lam Giang/Để rú Quyết lặng thầm đi cứu nước/Sông veo veo trời đất thoắt sen vàng/Sông Lam ăn cát mà xanh, uống trời mà mát/Trăng cháy hết lòng sâu quyết liệt cả cơ hàn/Người giàu có nên đất nghèo khô khát/Kìa gió Lào thổi cong sông Lam" (*Trần Mạnh Hảo - Tuyển tập thơ*, NXB Hội Nhà văn, 2022, tr.102-103).

Ai đó nói chí lý "Mưa rơi không cần phiên dịch". Nay thì chúng ta có thể nói "Thơ hay không cần lời bình".

RỒNG LÀ LINH VẬT ĐỨNG ĐẦU "TỨ LINH" (LONG, LY, QUY, PHỤNG/PHƯỢNG) - CON VẬT HUYỀN THOẠI ĐƯỢC LINH HÓA, ĐƯỢC CON NGƯỜI SÁNG TẠO VÀ SỬ DỤNG NHƯ BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA ĐỂ TRUYỀN ĐẠT Ý TƯỞNG VÀ NIỀM TIN TÂM LINH, TÔN GIÁO. BỞI VẬY, TRÊN CÁC CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC VĂN HÓA TÂM LINH KHÔNG THỂ THIẾU CÁC MẢNG CHẠM KHẮC VỀ RỒNG, ĐẶC BIỆT LÀ ĐÌNH LÀNG.

Đình làng được xem là một thiết chế văn hóa cộng đồng của người dân Việt Nam nói chung và người dân xứ Nghệ nói riêng, là nơi sinh hoạt chung của dân làng trong nhiều thế kỷ. Bởi vậy, có thể nói, đình làng là biểu tượng cho hồn cốt của quê hương. Theo đó, kiến trúc đình làng cùng với các mảng trang trí ở trên đó cũng chính là ước mơ, là khát vọng chung mà cả làng muốn hướng tới. Tại Nghệ An, đình làng xuất hiện từ khá sớm, tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, trong đó có thiên tai và chiến tranh, nhiều ngôi đình đã bị sụp đổ, hoang phế, nhiều ngôi đình được tu bổ, tôn tạo lại. Hiện nay, các ngôi đình có niên đại sớm nhất cũng mang dấu ấn thời Lê Trung Hưng. Có lẽ bởi vậy mà hình tượng Rồng tại các đình làng ở Nghệ An cơ bản mang đậm tính dân gian, gần gũi, thân thuộc.

Theo quan niệm của cư dân trồng lúa nước phương Đông, Rồng là con vật vũ trụ, tổng hợp của nhiều loài vật khác, thường được gắn với trời, vua, có sức mạnh vô biên. Con rồng thể hiện tư duy lưỡng phân lưỡng hợp của cư dân nông nghiệp: sống ở dưới nước như cá, nhưng bay trên trời như chim, khạc ra lửa, sấm chớp để làm ra mưa bão. Bởi vậy, không có gì ngạc nhiên khi cư dân

Hình tượng Rồng trong kiến trúc đình làng ở Nghệ An

THÙY LÂM

Việt Nam thường tự hào nhận mình là "con Lạc cháu Rồng". Với đặc điểm chung là *miệng lang, tai thú, trán lạc đà, mũi sư tử, móng chim ưng, vảy cá chép...* trong mỗi giai đoạn, Rồng lại có những biến đổi nhất định phù hợp với hoàn cảnh lịch sử đương thời.

Tại các đình làng ở xứ Nghệ, tùy thuộc vào không gian, thời gian và mục đích của các bậc tiền nhân mà hình tượng Rồng được tạo hình khá đa dạng, phong phú, nhằm truyền tải những thông điệp khác nhau về cuộc sống. Dưới đây là hình tượng Rồng ở một số vị trí trên kiến trúc đình làng.

1. Hình tượng Rồng trên mái đình

Theo quan niệm dân gian, tầng mái biểu tượng cho tầng trời, các con vật nằm trên không gian ấy chính là các linh vật của tầng trời. Trong không gian này, hình tượng Rồng chiếm đại đa số, Rồng ở bờ nóc, đầu kìm, các góc đao, chỉ có các khúc nguỷnh mới xuất hiện thêm nghê. Rồng ở vị trí này thường bằng chất liệu xi măng, vôi vữa, có khi được khảm sành sứ ở phía ngoài. Trên bờ nóc, nơi cao nhất của ngôi đình chính là đôi rồng chầu với các mô típ phổ biến là "Lưỡng long chầu nhật/nguyệt", hoặc "lưỡng long chầu hổ phù đội mặt trời". Đặc điểm chung của đồ án này là hình ảnh hai con rồng uốn lượn ở hai bên, đầu được thể hiện theo hai thế: Thế thông thường là đuôi ở phía ngoài, các khúc uốn dần vào phía trong và đầu vươn lên chầu vào vòng tròn có các tia lửa bốc cao - biểu tượng của nhật/nguyệt, cũng chính là biểu tượng của ánh sáng, của vũ trụ ở chính giữa. Thế thứ hai, ít phổ biến hơn, đó là thế "hồi long", ở thế này, đuôi của rồng lại ở trong, hai con chạy ra theo hai hướng khác nhau, đầu ngoảnh lại nhìn biểu tượng nhật/nguyệt. Một hình thức biến thể khác là Rồng chầu vào "hổ phù đội mặt trời", trong tư thế này, mặt trời là dương, hổ phù là âm, là biểu tượng của mặt trăng, hình khối này mang ý nghĩa âm dương đối đãi. Dù chầu vào biểu tượng gì thì Rồng ở vị trí này cũng tượng trưng cho bầu trời với vây là mây, bờm là sấm chớp, các chân là cột chống trời, thể hiện cho ước vọng mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu.

Trang trí Rồng trên mái đình Liên Trì (Liên Thành, Yên Thành) và đình Trụ Pháp (Mỹ Thành, Yên Thành)

2. Hình tượng Rồng trên các cấu kiện gỗ

Trên các cấu kiện gỗ, tùy đặc điểm vị trí, kích thước của cấu kiện, các nghệ nhân thể hiện Rồng dưới nhiều dạng khác nhau, trong đó, đề tài "lưỡng long chầu nhật/nguyệt" tiếp tục được ưu tiên xuất hiện. Chúng ta dễ dàng bắt gặp hình ảnh này ở hầu hết các ngôi đình (nếu có chạm khắc), tiêu biểu như đình Hoành Sơn, đình Trung Cần, đình Đông Viên, đình Khả Lãm (huyện Nam Đàn), đình Xuân Ái, đình Nguyệt Tiên, đình Cháy (huyện Diễn Châu), đình Long Thái (huyện Đô Lương), đình Trụ Pháp, đình Hậu (huyện Yên Thành)… Đề tài này thường được chạm ở các câu đầu, quá giang hay các xà hạ, nơi có đủ không gian dài, rộng để thể hiện trọn vẹn hình ảnh. Mặt trăng/mặt trời có đôi khi được chạm dưới dạng một vòng tròn lưỡng nghi như ở đình Hoành Sơn, đình Đông Viên, đình Trụ Pháp… Còn Rồng lại thể hiện dưới dạng "Long ẩn vân" (nghĩa là: Rồng ẩn trong mây). Theo đó, tại các khúc cong của rồng được nghệ nhân điểm thêm các cụm mây, đuôi rồng cũng xoắn lại như mây và tạo thêm các tia sắc, nhọn, bay ra phía sau. Tạo hình này như ngầm khẳng định Rồng là linh vật của tầng trời, đạp mây, cưỡi gió, có sức mạnh vô biên, vừa quyền uy vừa huyền bí, xứng đáng là linh vật truyền tải ước mơ, khát vọng của dân làng đến với đấng tối cao.

Mảng chạm "Lưỡng long chầu nhật" ở đình Xuân Ái (Diễn An, Diễn Châu)

Có trường hợp, tư thế chầu lại được thể hiện dưới dạng kết hợp hai vị trí, đó chính là Rồng tại vị trí đầu dư, chầu vào biểu tượng mặt trăng/mặt trời ở vị trí khác như câu đầu, quá giang…, tiêu biểu cho dạng này là mảng chạm ở đình Hoành Sơn, đình Đông Viên, đình Long Thái… Tại các vị trí đầu dư, Rồng được chạm lộng, chạm bong rất đẹp mắt, trong miệng thường ngậm một hạt tròn. Giáo sư Trần Lâm Biền và nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, đó là ngọc/minh châu, là tinh tú hoặc nguồn phát sáng. Những con rồng được tạo tác kiểu này tượng trưng cho tiếng gọi mưa, gọi sự sinh sôi.

Một số mảng chạm đầu dư trong tư thế "chầu" ở đình Hoành Sơn

Trong trường hợp, Rồng không chầu vào mặt trời/mặt trăng thì sẽ chầu vào gian chính giữa - gian quan trọng nhất, thờ vị thành hoàng của làng. Tại đình Hoành Sơn có đôi rồng ở bức y môn của gian giữa, được tạo hình theo thế chạy xuống bằng kỹ thuật chạm lộng, đôi rồng có mắt quỷ tròn trong hốc sâu, mũi sư tử, miệng ngậm viên minh châu, đao mác kiểu râu cá trê. Trong trường hợp này, ngoài ý nghĩa thường thấy, Rồng còn mang ý nghĩa tôn vinh vị thần chủ của làng, góp phần tôn thêm "thần quyền" cho thành hoàng làng.

Rồng chầu ở y môn đình Hoành Sơn (Khánh Sơn, Nam Đàn)

Phổ biến sau đề tài "lưỡng long chầu nhật/ nguyệt" là đề tài "Cá Chép hóa Rồng", "Long ngư hý thủy". Các đề tài này thường được thể hiện trên các cốn ở vì nách hoặc cốn mê (còn gọi là vỉ ruồi) như ở đình Hoành Sơn, đình Đông Viên, đình Khả Lãm (Nam Đàn), đình Long Thái (Đô Lương), đình Cháy (Diễn Châu)...

Chuyện xưa kể lại rằng, khi trời đất mới được hình thành thì chính ông trời đã tạo ra mưa gió. Nước từ mưa gió, sông, biển và những sinh vật dưới nước là những thứ được Trời tạo ra đầu tiên và cũng là nguồn khởi sinh của vạn vật. Sau này, vì bận tạo ra con người nên Trời không còn thời gian làm mưa làm gió nữa mà sai con rồng bay lượn trên bầu trời và phun nước. Tuy nhiên, số lượng rồng không đủ nên Trời đã nghĩ ra một cuộc thi để tuyển các con vật khác lên làm rồng, gọi là "thi rồng". Cuộc thi có 3 kỳ, mỗi kỳ phải vượt qua một đợt sóng lớn. Con vật nào đủ sức đủ tài để vượt qua 3 kỳ thi sẽ được hóa rồng. Thông tin về cuộc thi lan xuống tận Thủy cung, các giống loài đua nhau đi thi nhưng đều bị loại. Đến lượt cá chép, khi vào thi, cá ngậm một viên ngọc trai, nỗ lực vượt qua 3 vòng một cách xuất sắc, rồi nhả ngọc vượt Vũ Long Môn hóa rồng.

Tại đình Hoành Sơn có một mảng chạm khắc liên quan đến đề tài này nhưng được thể hiện khá đặc biệt, đó là mảng chạm "Tiên cưỡi cá hóa Rồng" với hình ảnh cô Tiên nữ nở nụ cười cưỡi trên lưng con cá chép đang trong giai đoạn "hóa Rồng", hai tay ghì chặt thân cá. Theo mô típ này, Rồng tượng trưng cho dương, Tiên nữ là âm - thể hiện khát vọng yêu đương, muôn loại sinh sôi nảy nở theo quan niệm của cư dân lúa nước. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Rồng mang ý nghĩa sâu xa hơn. Như chúng ta biết, Rồng biểu tượng cho sự linh thiêng, quyền uy, là biểu tượng của vua chúa nhưng nghệ nhân lại đặt một cô gái - nàng tiên lên trên lưng Rồng, đây chính là sự chế giễu của người nông dân đối với giai cấp thống trị đương thời. Soi chiếu vào lịch sử giai đoạn này - khi đình Hoành Sơn được xây dựng (năm 1763), triều Lê đã đến hồi suy mạt, chỉ còn trên danh nghĩa, thì bức tranh trên hoàn toàn dễ hiểu.

Đề tài "Long ngư hý thủy" thực chất cũng là một dạng thể hiện khác của "Cá hóa Rồng".

Mảng chạm "Tiên cưỡi cá hóa rồng" ở đình Hoành Sơn

Hình ảnh Rồng từ trên cao hút/phun nước, phía dưới là đàn có chép đang cố gắng vùng vẫy, vươn lên theo dòng nước cũng chính là hình tượng cá chép vượt vũ môn. Dù thể hiện ở dạng nào thì các mô típ cũng truyền tải thông điệp về ước mơ, khát vọng được đổi đời, được công thành danh toại bằng con đường học vấn. Đây là một minh chứng khẳng định tầm ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo trong đời sống của người dân dưới chế độ phong kiến. Với người Nghệ, cá chép còn khiến chúng ta liên tưởng đến hình ảnh con cá gỗ - con cá biểu trưng cho sự chịu thương, chịu khó, ý chí quyết tâm học hành đỗ đạt của các sĩ tử xứ Nghệ.

Mảng chạm "Long ngư hý thủy" ở đình Long Thái (Thái Sơn, Đô Lương)

Điều đặc biệt là nếu như các mảng chạm Tứ quý (Tùng, Cúc, Trúc, Mai) hóa Rồng xuất hiện khá phổ biến tại các công trình đền, chùa, nhà thờ họ…thì tại các đình làng, đề tài này lại ít xuất hiện. Trong số các đề tài về Rồng được tìm thấy dưới dạng tứ quý hóa Rồng thì phổ biến hơn cả là mô típ "Trúc hóa Rồng" (đình Giáp Đông -Nam Kim, Nam Đàn; đình Phụng Luật - Hợp Thành, Yên Thành…). Theo quan niệm dân gian, Trúc là biểu tượng cho mùa Hạ, với đặc điểm là có nhiều đốt nên cây Trúc còn

mang tư cách là trục vũ trụ nối giữa trời và đất, là nấc thang đi về của thần linh. Ruột Trúc rỗng là biểu trưng cho tâm không của đạo nhất là đối với đạo Phật và Lão. Trúc còn thân cứng nhưng không giòn, dễ uyển chuyển, cương nhu hợp đức, hợp thời, có thể chống chọi với điều kiện khó khăn nên nó là biểu tượng cho người quân tử. Với ý nghĩa đó, Trúc hóa Rồng như một sự biến hóa hoàn hảo, bổ sung thêm uy quyền cho linh vật Rồng. Sâu xa hơn "Trúc hóa Rồng" còn mang một trường nghĩa khác. Chúng ta biết rằng, không phải ngẫu nhiên mà trong suốt chiều dài lịch sử, Nghệ An luôn được xem là vùng đất trọng trấn, đất phên dậu của các triều đại phong kiến, ngoài vị trí địa lý thì con người xứ Nghệ cũng góp phần tạo nên vai trò quan trọng của vùng đất này. Người Nghệ không chỉ cần cù, chịu khó, có phần nóng nảy nhưng khẳng khái, dũng cảm, trượng nghĩa và giàu lòng yêu nước. Và ở thời kỳ nào, xứ Nghệ cũng xuất hiện những "chính nhân quân tử" ra tay cứu nước, giúp dân. Đó chính là "hiện thực hóa" cho giấc mơ "Trúc hóa Rồng" của bao đời người dân xứ Nghệ.

Mảng chạm "Trúc hóa rồng" ở đình Giáp Đông, Nam Kim, Nam Đàn

Tại các kẻ, bẩy, ván ấm… Rồng còn được thể hiện khá phổ biến với mô típ mang đậm tính dân gian "dây leo hóa Rồng". Bởi lẽ, dây leo là một sinh vật nhỏ bé tồn tại trong tự nhiên, ít người để ý, lại thường phải dựa vào loại cây khác để sinh tồn nhưng nó vẫn mong ước được "hóa rồng" như bao loài cây khác. Như vậy, có thể thấy, giấc mơ "hóa Rồng" là giấc mơ chung của cả xã hội thời bấy giờ, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn.

Ngoài ra, ở đình Hoành Sơn - ngôi đình được đánh giá là đẹp nhất miền Trung, tác giả còn tìm thấy nhiều đề tài về Rồng mà hầu như không có ở các đình làng khác như "Rồng ổ",

Mảng chạm "Dây leo hóa Rồng" ở đình Phượng Lịch (Diễn Hoa, Diễn Châu)

"Mả táng hàm Rồng"… Đặc biệt là đề tài "Mả táng hàm rồng". Đề tài này xuất hiện khá nhiều ở các đình làng phía Bắc như đình Phùng, đình Thụy Phiêu, đình Chu Quyến, đình Liên Hiệp (TP. Hà Nội), đình Ngọc Canh (tỉnh Vĩnh Phúc), đình Đào Xá (tỉnh Phú Thọ)… nhưng tại Nghệ An, tác giả mới chỉ tìm thấy ở đình Hoành Sơn. Và nếu như hình ảnh con người táng mả (dùng tay đưa một chiếc hộp hình vuông - tượng trưng cho hộp đựng tro cốt của người đã khuất vào miệng rồng) hiện lên rất chân thực, cụ thể ở các ngôi đình phía Bắc, thì hình ảnh con người ở đình Hoành Sơn khi thực hiện thao tác này cũng chỉ mang tính tượng trưng. Dường như, với người dân Nghệ An, giấc mơ tìm nơi đất cát vượng theo quan niệm phong thủy để táng thân chủ gia đình hay dòng họ với hy vọng cầu phúc trạch muôn đời là giấc mơ không cụ thể, không của riêng ai mà của chung cho cả dân làng.

Mảng chạm "Mả táng hàm rồng" ở đình Hoành Sơn

Như vậy, ngoài ý nghĩa chung thì Rồng còn mang nhiều ý nghĩa khác nhau khi kết hợp với các hình tượng khác và tùy hoàn cảnh lịch sử, vai trò của Rồng cũng có những biến đổi nhất định. Nhưng nhìn chung, dù ở thời đại nào thì đối với cư dân nông nghiệp lúa nước nói chung và cư dân Nghệ An nói riêng, Rồng vẫn mang ý nghĩa về sự may mắn, hạnh phúc đủ đầy, là biểu tượng của sự phát triển, thành công, thắng lợi, của khát khao vươn lên trong cuộc sống.

Văn hóa đọc và những khoảng trống

NGUYỄN CƯỜNG

Văn hóa đọc là nhân tố quan trọng của một nền văn hóa. Văn hóa đọc phát triển sẽ tác động đến nhiều lĩnh vực khác cùng vươn lên. Vậy nên, trong quá trình phát triển văn hóa thì gần như các cộng đồng, các quốc gia đều quan tâm đến văn hóa đọc. Ở Việt Nam, trong nhiều năm gần đây người ta quan tâm đến văn hóa đọc và vấn đề chấn hưng văn hóa đọc trở thành vấn đề quan trọng. Nhưng để phát triển văn hóa đọc, cần phải giải quyết được những yếu tố nền tảng của nó một cách phù hợp.

Học sinh đọc sách và viết cảm nhận về sách ở Thư viện Nghệ An. Ảnh: Ngọc Mai

Văn hóa đọc là sự khích lệ trong gia đình

Gần đây, tôi có tham gia nhiều cuộc trò chuyện, trao đổi của một nhóm bạn trẻ luôn khao khát xây dựng và phát triển văn hóa đọc ở Hà Nội. Qua đó biết được một trường hợp rất thú vị. Đó là chuyện đọc sách của bé Lily hơn 11 tuổi với một niềm đam mê sách mãnh liệt. Lily có quê ở một huyện miền núi Hà Tĩnh nhưng sinh sống ở Hà Nội. Lily rất chăm đọc và thường xuyên đưa ra những suy nghĩ rất "dị" sau khi đọc sách. Lily đọc nhiều loại sách khác nhau, ngoài sách thiếu nhi thì còn đọc sách văn chương, lịch sử, kinh tế và cả triết học… Và bé cũng có một khả năng thuyết trình rất tốt. Vậy nên, cháu đã tham gia chia sẻ về nhiều câu chuyện đọc sách ở các diễn đàn liên quan đến văn hóa đọc từ Hà Nội, Hà Tĩnh đến Sài Gòn. Bệ đỡ của Lily chính là sự khích lệ, động viên của gia đình đối với văn hóa đọc. Mẹ của Lily rất đam mê sách vở và thường đồng hành với con trong việc đọc và chia sẻ. Ông bà của Lily cũng rất ủng hộ cháu về việc đọc, sẵn sàng chu cấp tiền để mua sách vở khi cần. Có lẽ vì vậy mà Lily đến với việc đọc sách một cách tự nhiên nhưng cũng rất… xã hội trong sự khích lệ và chia sẻ của mọi người trong nhà.

Câu chuyện của Lily cũng gợi ra nhiều vấn đề về vai trò của văn hóa gia đình đối với văn hóa đọc của con trẻ trong gia đình. Văn hóa đọc bắt nguồn từ trong gia đình, đây là điều đã được nhiều người nói đến. Không chỉ thảo luận lý thuyết, mà thực tế của nhiều gia đình cũng đã chứng minh điều đó. Nếu để ý đến các gia đình có truyền thống khoa bảng, có nhiều người tài năng, đỗ đạt qua các thế hệ khác nhau thì thấy việc khích lệ con em trong gia đình đam mê với sách vở, với văn hóa đọc là điều dễ thấy. Dân gian vẫn có câu "con nhà gia giáo", "gia đình dòng dõi",v.v… có nhiều nghĩa khác nhau trong đó có sự khen ngợi về truyền thống văn hóa gia đình, về việc học hành giữa các thế hệ trong gia đình.

Trong cuộc sống của chúng ta cũng dễ thấy được rằng trong các gia đình mà bố mẹ làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục, đến sách vở thì sẽ quan tâm đến văn hóa đọc, đến sự đọc của con cái nhiều hơn. Một mặt họ gắn kết công việc của mình với việc giáo dục con cái trong nhà, tạo nên một môi trường tốt cho văn hóa đọc. Mặt khác, họ cũng là những người hiểu rõ về giá trị của việc đọc sách nên cũng muốn trao truyền cho con cái nhiều hơn. Trong việc đọc sách, việc rèn luyện thói quen đọc cho con trẻ là một điều rất khó, nhưng lại là vấn đề mấu chốt, là nhân tố nền tảng tạo nên giá trị của văn hóa đọc. Cha mẹ biết khích lệ con cái đọc sách là nhân tố đầu tiên và rất quan trọng để xây dựng văn hóa đọc trong gia đình. Bởi từ đó, nó hun đúc lên niềm say mê đọc sách của con trẻ.

Văn hóa đọc là sự nghiêm túc trong trường học

Nếu gia đình là cái nôi hình thành niềm đam mê sách vở thì nhà trường chính là môi trường để rèn luyện, để phát triển sự đọc của một con người. Đây là giai đoạn mà một người xây dựng nền móng tri thức của mình qua việc đọc sách để phát triển bản thân trong môi trường giáo dục. Trong gia đình, sự khích lệ của bố mẹ là nhân tố quan trọng thì trong nhà trường, sự chia sẻ, trao truyền cảm hứng và kỹ năng đọc sách của thầy cô lại là nhân tố cần thiết. Thầy cô luôn là một nguồn cảm hứng quan trọng cho học trò nuôi dưỡng sự yêu thích sách vở. Khi thầy cô coi trọng chuyện đọc sách thì việc truyền lửa cho văn hóa đọc được lan tỏa. Và ngược lại, khi chính thầy cô cũng không quan tâm chuyện đọc sách thì đừng thấy bất ngờ khi học trò cũng thờ ơ với sách vở.

Bàn về chuyện đọc sách lại nhớ đến GS.TS Phạm Đức Dương. Khi còn sống, thầy Dương là một người đọc sách chăm chỉ và nghiêm túc. Thầy rất coi trọng việc đọc và cũng là một người truyền cảm hứng cho người khác về văn hóa đọc một cách mãnh liệt. Chẳng vì thế mà thư viện gia đình của thầy thường xuyên có học trò đến đọc sách. Bởi không chỉ nhiều sách vở, trong đó có những cuốn sách quý được thầy lưu giữ nhiều chục năm mà không dễ tìm thấy ở những thư viện khác. Nhưng quan trọng là đến đó đọc sách sẽ được thầy chia sẻ, truyền dạy thêm về kinh nghiệm, về văn hóa đọc cũng như trao đổi về chuyên môn. Thầy luôn sẵn sàng dành thời gian để truyền cảm hứng cho học trò về tinh thần đọc sách, về đam mê nghiên cứu khoa học. Đã nhiều lần thầy nói với tôi rằng sở dĩ thầy không chỉ nghiêm túc mà còn đam mê đọc sách vì được những người thầy chỉ dạy điều đó. Thầy nghiêm túc thì trò sẽ nghiêm túc. Thầy luôn là tấm gương đối với trò nên một khi thầy coi trọng việc đọc và truyền cảm hứng lại cho trò thì văn hóa đọc cũng được gieo duyên và truyền dẫn. Thế nên, dù chủ yếu làm việc ở viện nghiên cứu nhưng thầy Dương có nhiều học trò ở các trường đại học khắp trong và ngoài nước. Trong hơn mười năm thường xuyên lui tới nhà thầy, tôi luôn gặp thầy ngồi đọc sách ở trên phòng thư viện gia đình. Nhiều hôm trời nắng nóng, thấy thầy cởi trần ngồi đọc sách mà không bật quạt. Tôi hỏi thầy thì thầy bảo thầy đang thử đọc sách như một kiểu thiền, nếu mình tập trung vào đọc sách một cách cao độ thì có thể quên đi môi trường xung quanh… Đứng trước một người thầy - một tấm gương nghiêm túc về đọc sách thì các học trò cũng sẽ cố gắng để đọc nhiều hơn.

Nhà trường là một môi trường để hình thành và phát triển văn hóa đọc. Sẽ chẳng có văn hóa đọc nào cả khi mà trường lớp không coi trọng việc đọc sách, thầy cô không nghiêm túc với việc đọc sách. Đó là điều chắc chắn, bởi xét cho cùng trong xã hội hiện đại nhà trường có vị trí quan trọng trong nền giáo dục.

Văn hóa đọc là phát triển trong quá trình làm việc, từ tuyển dụng đến sử dụng

Gia đình và nhà trường chỉ là những nhân tố để hình thành nên văn hóa đọc, đặc biệt là đặt nền tảng cho sự đam mê đọc sách của một con người cụ thể. Nhưng xã hội mới là môi trường để phát triển văn hóa đọc. Văn hóa đọc sẽ chẳng còn nhiều giá trị nếu như tri thức chỉ để khoe khoang, sách vở chỉ để trang trí trong các ngôi nhà trống rỗng. Do vậy, phát triển văn hóa đọc cần một môi trường xã hội quan tâm đến tri thức, coi trọng sách vở và xem tri thức là công cụ để làm việc. Muốn vậy thì quá trình làm việc cần phải quan tâm đến tri thức, từ việc tuyển

GS.TS Phạm Đức Dương là một người thầy, một nhà khoa học luôn tạo cho học trò cảm hứng về đọc sách bằng sự đam mê sách vở của mình

dụng đến việc sử dụng người lao động gắn với tri thức mà họ có được.

Từ nhiều năm nay, câu chuyện những tri thức trong nhà trường, đặc biệt là trường đại học, thậm chí sau đại học, được sử dụng như thế nào trong quá trình làm việc trở thành vấn đề được bàn tán sâu rộng. Và không chỉ bàn tán phiếm với nhau, đây còn là nội dung được nhiều người quan tâm để thảo luận trong các diễn đàn quan trọng. Những thứ chúng ta đã và đang học trong nhà trường đại học không có nhiều giá trị khi chúng ta rời trường vào kiến tạo cuộc sống?! Đó là cảm nhận của nhiều người, và cũng là nhận định được nhiều người ủng hộ. Nhưng cái gốc sâu xa của nó lại đến từ cả nền giáo dục và cả môi trường xã hội. Nền giáo dục sáo rỗng, thiếu triết lý là một phần tạo nên tình trạng đó. Nhưng môi trường xã hội, từ tuyển dụng đến sử dụng nhân sự cũng là một nguyên nhân quan trọng gây nên tình trạng đó. Tuyển dụng theo bằng cấp nhưng không sử dụng hết bằng cấp thực sự là một vấn nạn. Có những người có đến dăm bảy văn bằng đại học hoặc tương đương nhưng lại không chuyên sâu một ngành nghề gì. Có những vị trí vốn chỉ cần một người lành nghề tốt nghiệp trung cấp là đủ nhưng tuyển cả thạc sĩ hoặc cao hơn vào cho đẹp hồ sơ… Nhiều loại công việc rất cần đến tri thức nhưng cuối cùng lại bỏ ngỏ để rồi càng ngày tri thức càng xa rời công việc khiến cho việc đọc sách (để tiếp cận tri thức) cũng bị sao nhãng và bỏ quên/qua.

Trong các cơ quan, việc tiếp cận tri thức không được coi trọng thì văn hóa đọc cũng không có chỗ để phát triển. Tuyển dụng cần những căn cứ cụ thể như bằng cấp, nhưng cũng cần tri thức đích thực và người tuyển dụng giỏi sẽ nhận biết được người có tri thức đích thực thế nào mà không hẳn phải soi bằng cấp. Hơn nữa, việc sử dụng tri thức, sử dụng bằng cấp sao cho phù hợp để gắn tiếp cận tri thức với hoàn thành tốt hơn nữa công việc, qua đó tạo môi trường cho văn hóa đọc phát triển. Bởi xét cho cùng, đọc sách là một kênh quan trọng để tiếp cận tri thức.

Bù đắp những khoảng trống trong văn hóa đọc?

Nếu xem gia đình là cái nôi hình thành văn hóa đọc, nhà trường là cái bệ đỡ để xây dựng văn hóa đọc thì môi trường xã hội, môi trường làm việc là cơ sở để phát triển văn hóa đọc. Người ta nói kinh tế tri thức hay văn minh trí tuệ là bởi gắn tri thức với cuộc sống, với công việc hàng ngày và tiếp cận tri thức là con đường để trưởng thành, để phát triển chứ không phải là những thuật ngữ, những diễn ngôn để trưng bày cho đẹp.

Xét lại thực tế của chúng ta, văn hóa đọc trong gia đình, trong nhà trường và trong xã hội đều có vấn đề bất cập, có thể xem là những khoảng trống cần phải được bù đắp. Trong gia đình, bố mẹ bị cuốn vào vòng xoáy kinh tế, vào cơm áo gạo tiền nên ít khi quan tâm đến việc học hành của con. Khi quan tâm lại chạy theo kết quả học tập hơn là niềm vui học tập của con cái. Vậy nên không thể khích lệ con đam mê đọc sách được chứ chưa nói đến cùng đọc sách và chia sẻ với con. Trong nhà trường, cô thầy cũng không thoát ra được chuyện cơm áo hàng ngày, bản thân cũng chưa coi trọng đúng mức chuyện đọc sách thì thật khó để dạy cho học

trò đọc sách nghiêm túc được. Ngoài xã hội, sự coi trọng tri thức chỉ như những diễn ngôn làm đẹp cho các phong trào chính trị, sách vở chỉ là những đồ trang trí trong các ngôi nhà đẹp đẽ thì văn hóa đọc cũng chỉ là những sự tưởng tượng mà thôi. Muốn bù đắp lại những khoảng trống của văn hóa đọc, cần phải thay đổi toàn bộ các nhân tố quan trọng phía trên.

Trước hết, cha mẹ phải coi trọng việc tiếp cận tri thức của con cái bằng cách tự mình tạo ra một tấm gương cho con noi theo. Dù bận rộn kiếm sống thì cũng cần dành thời gian đọc sách, chia sẻ và khích lệ con cái để tạo ra cái nôi cho văn hóa đọc trong gia đình. Bỏ bớt hình thức, bỏ đi các thành tích từ kết quả học tập của con mà chia sẻ niềm vui học tập của con để niềm vui đó trở thành cơ sở cho kết quả học tập, thì con cái sẽ bớt đi được gánh nặng học thêm, thi cử và có thêm những ngày vui với sách vở. Tiếp đến, các thầy cô cũng phải chịu trách nhiệm với học trò về đam mê sách vở, về văn hóa đọc. Thầy cô không đọc sách nghiêm túc thì sao dạy được học trò, sao làm cho học trò đọc sách được. Bởi trong công việc của thầy cô đã gắn với đọc sách, với văn hóa đọc. Chỉ giáo trình hay giáo án là chưa đủ trong bối cảnh tri thức nhân loại đang tăng hàng giờ theo cấp số nhân. Sau nữa, cũng rất quan trọng, là xã hội cần phải coi trọng tri thức, coi trọng người lao động bằng tri thức. Phải xem xét lại quy trình từ tuyển dụng đến sử dụng con người có gắn tri thức với công việc một cách nghiêm túc và hiệu quả chưa, để thay đổi cho phù hợp. Sẽ chẳng có văn minh trí tuệ nào cả, sẽ chẳng có kinh tế tri thức nào cả, khi mà đánh đồng những kẻ vô minh với những người thông hiểu tri thức. Thứ duy nhất trên tay của Lênin khi rời khỏi cuộc đời là một cuốn sách. Đó là sự khẳng định tầm quan trọng của việc đọc sách cho hậu thế.

các hoạt

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của Internet, mạng xã hội, hoạt động quảng bá các sự kiện văn hóa trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã có nhiều thay đổi tích cực. Ngoài kênh báo chí chính thống, chúng ta đã khai thác các trang mạng xã hội như Facebook, Youtube, Zalo,...trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá. Nhờ thế, các chương trình được tổ chức có sức lan tỏa mạnh mẽ, được đông đảo quần chúng nhân dân quan tâm, tham dự. Để có bước tiến hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới, thiết nghĩ những người làm công tác văn hóa cần đẩy mạnh kênh thông tin này, phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những điểm còn hạn chế.

Tại sao mạng xã hội lại là một kênh cần quan tâm? Chúng ta đều biết hiện nay nó đang là kênh truyền tải, kết nối thông tin nhanh, mạnh và phổ biến trên thế giới. Việt Nam là một nước có số lượng người sử dụng mạng xã hội lớn, thời gian sử dụng nhiều. Ba mảng được người Việt tìm kiếm, quan tâm nhiều nhất là thời trang làm đẹp, ăn uống, du lịch. Qua một vài số liệu thống kê có thể thấy, Facebook là một kênh quảng bá các hoạt động văn hóa, du lịch, ẩm thực không thể tốt hơn. Đó là một "mảnh đất" thực sự "màu mỡ" để khai thác. Ngoài khả năng lan truyền rộng, tốc độ lan truyền nhanh, mạng xã hội còn là nơi có tính tương tác cao. Mặt khác, các trang trên Facebook cho phép người lập phân tích một cách tỉ mỉ các số liệu liên quan đến thông tin đưa ra. Hiện nay, trên thế giới cũng như tại Việt Nam, công cụ này đã được sử dụng rộng rãi cho hoạt động quảng bá. Điều này đã được chứng minh qua thành công của nhiều quốc gia như Thái Lan với chiến dịch Discover Thainess hay Philippines với It's more fun in Philippines,... Ngoài Facebook, các trang Youtube, Twitter, Instagram...cũng nên được tận dụng triệt để bởi đây là những trang được người trẻ thường xuyên cập nhật, sử dụng và chia sẻ tìm kiếm thông tin.

Vậy, chúng ta sẽ tận dụng những công cụ này như thế nào? Đó là lập những tài khoản Facebook, kênh Youtube của cơ quan mình và đăng tải nội dung thông tin trên đó; thậm chí tạo ra những chiến dịch, những chương trình vận động trên mạng xã hội. Nếu các nội dung đăng tải trên mạng xã hội có nội dung thực sự hấp dẫn, sáng tạo, thu hút sự quan tâm của cộng đồng thì sẽ được chia sẻ rộng rãi. Cách làm này không chỉ giúp những bài quảng bá được biết đến nhiều hơn mà còn là cách hiệu quả để xây dựng, khẳng định thương hiệu văn hóa Nghệ An. Đặc biệt, trên các trang như Facebook, có hỗ trợ công cụ để giúp trang của mình được biết đến nhiều, tăng

Tăng cường quảng bá động văn hóa trên mạng xã hội

TRANG ĐOAN

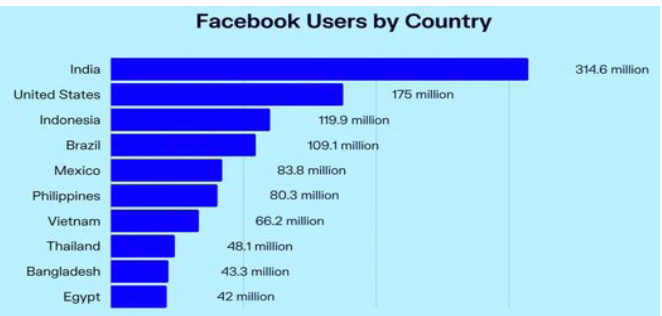

Top 10 quốc gia sử dụng Facebook nhiều nhất thế giới theo số liệu đến 5/2023, nguồn: Báo Người lao động

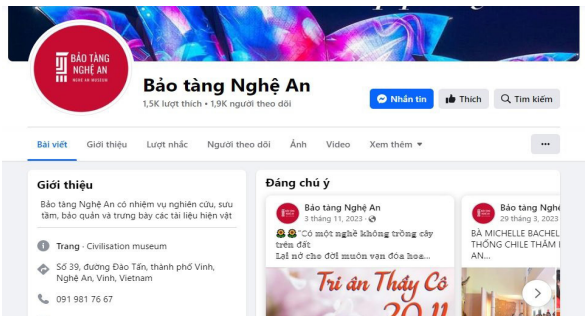

Trang Facebook của Bảo tàng Nghệ An - một trong những đơn vị tận dụng tốt hiệu quả của mạng xã hội

lượt thích, theo dõi; tăng lượt xem, tương tác của các bài viết,v..v… Bên cạnh đó Youtube, Facebook hiện nay còn cho phép bật quảng cáo kiếm tiền trên các video. Nếu biết tận dụng các trang này chúng ta không những đạt được mục đích là tăng hiệu quả của việc quảng bá di sản, các hoạt động văn hóa trên kênh của mình mà còn có thể kiếm được một nguồn thu không hề nhỏ nếu khai thác tốt. Nguồn thu này có thể sử dụng để phục vụ cho các hoạt động quảng bá cũng như bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

Có thể thấy, thời gian qua, Sở Văn hóa & Thể thao cũng như các đơn vị trực thuộc đã tích cực tận dụng mạng xã hội trong việc thông tin, quảng bá các hoạt động, sự kiện văn hóa của tỉnh, của ngành cũng như đơn vị mình. Ngoài các trang trên Facebook, còn có các nhóm mở chuyên thông tin về di sản và các hoạt động văn hóa thể thao của tỉnh một cách nhanh chóng, kịp thời (nhóm Văn hóa & Thể thao Nghệ An, Nhóm Nghệ An di sản, nhóm cổ vật,…). Một số đơn vị duy trì tốt trang Facebook của mình, có lượt theo dõi và tương tác cao như: Bảo tàng Nghệ An, Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quảng trường Hồ Chí Minh, Thư viện tỉnh,…Trước các sự kiện lớn như festival Dân ca Ví giặm, chương trình nghệ thuật chào năm mới "Hào khí Sông Lam",… đều có quảng bá trên các trang mạng xã hội, đổi ảnh đại diện hưởng ứng, tạo sức lan tỏa lớn.

Những kết quả thời gian qua rất đáng ghi nhận, minh chứng sự thay đổi trong tư duy, cách làm theo hướng tích cực. Tuy nhiên, để thực sự khai thác hiệu quả các trang mạng xã hội trong công tác quảng bá các sự kiện văn hóa, thể thao cũng như góp phần xây dựng, lan tỏa thương hiệu văn hóa Nghệ An sẽ còn nhiều việc phải làm. Chúng ta phải đầu tư hơn về mặt nội dung và hình ảnh theo hướng chỉn chu, chuyên nghiệp; có kế hoạch truyền thông, quảng bá bài bản thay vì chỉ đăng một cách tự phát, ngẫu hứng. Đặc biệt, những người làm công tác văn hóa phải thực sự thay đổi tư duy, cách làm quảng bá; phải không ngừng làm mới mình, tìm tòi những cách làm mới hiệu quả.

Với sự phát triển không ngừng của trí tuệ con người và của công nghệ, bất cứ lĩnh vực, ngành nghề nào, nếu không thay đổi để bắt kịp xu hướng thời đại đều đồng nghĩa với chấp nhận bị bỏ lại phía sau và dần dần sẽ bị loại khỏi cuộc chơi. Ngành Văn hóa cũng không nằm ngoài quy luật đó. Nếu muốn lan tỏa mạnh mẽ hơn các sự kiện văn hóa & thể thao đến với công chúng, muốn xây dựng và quảng bá thương hiệu Nghệ An đến với bạn bè trong cũng như ngoài nước, chúng ta phải thay đổi một cách triệt để và quyết liệt từ tư duy đến hành động, phải biết tận dụng tốt nhiều kênh thông tin trong đó có mạng xã hội trong việc quảng bá di sản và các hoạt động văn hóa trên địa bàn. Chắc chắn, nếu làm tốt điều này, trong tương lai, chúng ta sẽ thu về nhiều kết quả tích cực và vẻ đẹp Văn hóa xứ Nghệ sẽ ngày càng lan tỏa rộng rãi hơn.

Ranh giới mong manh giữa văn hóa tâm linh, du lịch tâm linh và mê tín dị đoan

NGÂN THANH

Từ nhiều chục năm nay, văn hóa tâm linh được giới học thuật nghiên cứu; trong các văn kiện chính thức của Nhà nước cũng đề cập nhiều. Du lịch tâm linh cũng được đề cao trong chính sách phát triển ngành du lịch ở các địa phương trong cả nước. Đáng tiếc, ranh giới giữa văn hóa tâm linh, du lịch tâm linh và mê tín dị đoan là rất mong manh, hiện tượng buôn thần bán thánh, trục lợi lòng tin tín ngưỡng đã dần trở nên phổ biến. Đã đến lúc phải nhận thức lại vấn đề và có các giải pháp để ngăn ngừa tình trạng tiêu cực này.

Chùa Ba Vàng, Uông Bí, Quảng Ninh.
Nguồn ảnh: Cổng Thông tin điện tử Bộ VHTT&DL

Văn hóa tâm linh và du lịch tâm linh

Tùy vào cách tiếp cận khác nhau mà có nhiều quan niệm/định nghĩa khác nhau về khái niệm văn hóa tâm linh. Nhưng cơ bản các học giả, nhà khoa học đều cho rằng, văn hóa tâm linh là một thành tố, một dạng thức của văn hóa. Văn hóa tâm linh mang lại niềm tin, sự linh thiêng và động lực tinh thần trong các quá trình hoạt động. Bất cứ tộc người, dân tộc nào cũng tồn tại văn hóa tâm linh trong đời sống. Tất nhiên, văn hóa tâm linh của các tộc người, các dân tộc không hề giống nhau mà có sự khác biệt, hoặc ít hay nhiều, do các điều kiện lịch sử, địa lý, phương thức sinh tồn khác nhau.

Văn hóa tâm linh của người Việt được hình thành và gắn liền với quá trình phát triển tộc người, quá trình dựng nước, giữ nước và phát triển của xã hội. Người Việt có tín ngưỡng đa thần cùng với quan niệm "dương sao âm vậy". Trong giai đoạn sau của quá trình phát triển (có thể tính từ thế kỷ X), văn hóa tâm linh Việt Nam có sự dung hợp giữa các tôn giáo và tín ngưỡng giữa các tín ngưỡng bản địa với Phật giáo, đạo giáo, Nho giáo. Từ thế kỷ XVII - XVIII, còn có sự dung hợp với Đạo Mẫu khi tín ngưỡng này xuất hiện.

Biểu hiện văn hóa tâm linh của người Việt vô cùng phong phú, đa dạng. Do vậy, việc thực hành các nghi lễ tín ngưỡng/tôn giáo đối với người Việt cũng rất đa dạng, phong phú. Và để có không gian thực hành tín ngưỡng/tôn giáo họ đã xây dựng rất nhiều các công trình đền, chùa, miếu, mạo, nhà thờ, giáo đường... Văn hóa tâm linh là sợi dây cố kết cộng đồng, lưu giữ truyền thống, là chỗ dựa về mặt tinh thần, đem lại niềm tin cho con người trong cuộc sống. Bởi vậy, từ xưa đến nay, văn hóa tâm linh có thể coi như một mạch nguồn sự sống của người Việt, dân tộc Việt Nam.

Du lịch là một hoạt động khá muộn đối với đa số người Việt Nam. Văn hóa tâm linh cũng là một khái niệm khá mới mẻ đối với ngành du lịch và văn hóa Việt Nam. Trên thế giới, du lịch tâm linh hay còn gọi là du lịch hành hương hoặc du lịch theo đức tin là một loại hình du lịch hướng đến việc hành hương, nghĩa là du lịch vì mục đích tôn giáo hoặc tâm linh thông

qua việc tham quan các di tích, di vật, công trình, đồ tạo tác tôn giáo.

Du lịch tâm linh lấy văn hóa tâm linh làm tài nguyên để đáp ứng các nhu cầu tâm linh của du khách. Vì vậy, cũng có thể quan niệm du lịch tâm linh là một hình thức của du lịch văn hóa. Hiện nay, du lịch tâm linh, thường được chia thành các loại hình: i. Phổ biến nhất là tham quan, vãn cảnh các địa điểm tín ngưỡng, tôn giáo. ii. Vãn cảnh kết hợp thực hiện nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo và, iii. Thực hiện mục tiêu giáo lý để thư thái tâm hồn, cải thiện sức khỏe tinh thần. Ngoài ra có thể thực hiện mục tiêu khảo sát, nghiên cứu về các tín ngưỡng, tôn giáo và các địa điểm, công trình tín ngưỡng, tôn giáo.

Ranh giới mong manh

Du lịch tâm linh là một hoạt động chính đáng của các cộng đồng. Đảng ta khẳng định: "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận Nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta". (Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7, khóa IX). Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (năm 2016) đã quy định: "1. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của mọi người; bảo đảm để các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng, bảo vệ giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh người có công với đất nước, với cộng đồng đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân".

Việc công nhận và bảo đảm hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước cũng có nghĩa là thừa nhận và tạo điều kiện cho du lịch tâm linh hoạt động và phát triển. Nhờ vậy, trong những năm qua, tỷ trọng khách du lịch tâm linh tăng lên nhanh chóng, góp phần đáng kể cho sự tăng trưởng du lịch của nước ta.

Tuy nhiên, đi ngược lại mục đích tốt đẹp đó, hoạt động tâm linh nói chung, du lịch tâm linh nói riêng đã và đang có nhiều biểu hiện rất đáng lo ngại, cần phê phán, lên án. Văn hóa và du lịch tâm linh đã bị cố tình nhận thức lệch lạc để thực hiện các hành mê tín dị đoan, để trục lợi kiếm tiền với vô vàn các hình thức từ tinh vi đến lộ liễu, từ cấp độ cá nhân đến quy mô tổ chức.

Rất nhiều nơi, những kẻ lợi dụng tâm linh để xây dựng các dự án, siêu dự án du lịch tâm linh có quy mô rất lớn nhưng thực tế là làm sai lệch các giá trị và ý nghĩa văn hóa tâm linh. Nhiều ngôi chùa cổ có giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh lớn đã bị lợi dụng, bị thay thế để xây mới các ngôi chùa bề thế, với nhiều "kỷ lục" nhằm mục đích kéo du khách đến để thu phí làm giàu.

Phổ biến nhất là các hành vi mê tín như gọi hồn, tìm mộ, hầu đồng, dâng sao giải hạn, gọi vong, phán số kiếp, thỉnh oan gia trái chủ... diễn ra ở hầu hết các đền, chùa trong cả nước. Bản chất ở đây là lợi dụng niềm tin tín ngưỡng, tôn giáo của người dân để lừa đảo, trục lợi. Mỗi lần hầu đồng trăm triệu đồng, thậm chí đến tiền tỷ là điều không hiếm thấy. Các lễ hội cũng bị biến tướng với rất nhiều trò bịp bợm, buôn thần bán thánh, bói toán bịp bợm. Cùng với đó, những kẻ lợi dụng tâm linh đã thực hiện việc truyền bá tinh vi để ru ngủ cộng đồng. Họ triệt để lợi dụng mạng xã hội để truyền bá mê tín dị đoan và từ đó để trục lợi.

Đáng tiếc là trong số những người cố tình, hay vô tình tham gia vào các hoạt động tâm linh lệch lạc, mù quáng có không ít là cán bộ, đảng viên và rất nhiều người có trình độ học vấn cao.

Những hiện tượng trên đang có nguy cơ trở nên phổ biến trong đời sống xã hội, xúc phạm đến tính thiêng của các tín ngưỡng, tôn giáo và tổn hại đến truyền thống văn hóa dân tộc. Không chỉ mất thời gian, tiền bạc, sức khỏe của cộng đồng vào những trò nhảm nhí, giả hiệu văn hóa tâm linh, làm giàu cho những kẻ buôn thần bán thánh mà còn là mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Nhìn vào thực tế, có thể thấy ranh giới giữa văn hóa tâm linh, du lịch tâm linh với mê tín dị đoan là rất mong manh và nếu không tỉnh táo nhận ra ranh giới này thì niềm tin tín ngưỡng của người dân sẽ bị những kẻ đội lốt lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để trục lợi.

Thực trạng này đang đặt các cơ quan quản lý và chuyên môn của chính quyền vào một tình thế không dễ giải quyết. Hy vọng các cấp chính quyền sẽ xác định chính xác ngụy văn hóa tâm linh, du lịch tâm linh, các hành vi truyền bá mê tín dị đoan và trục lợi để có những quyết sách kịp thời và hiệu quả. Và, để giải quyết được tình trạng này, quan trọng nhất là một cộng đồng tỉnh táo, không đặt sai chỗ niềm tin trong lành của mình, không bị bọn người "buôn thần bán thánh" lợi dụng.

Nhà hát Opera Sydney thu hút lượng lớn khách tham quan mỗi năm. Ảnh: internet

Nhà hát OPERA SYDNEY biểu tượng nước Úc

NGUYỄN KHẮC THUẦN

Sau 10 năm thi công, ngày 20/10/1973, Nữ hoàng Elizabeth đã cắt băng khánh thành nhà hát Opera Sydney. Và cũng từ đó Nhà hát Opera Sydney đã trở thành biểu tượng cho một thế giới hiện đại, niềm tự hào của người dân Sydney nói riêng và nước Úc nói chung, điểm tham quan không thể thiếu được của du khách khi tới đất nước này.

Kế hoạch xây dựng nhà hát này bắt đầu từ những năm 40 của thế kỷ trước. Người khởi xướng ý tưởng là Giám đốc Nhạc viện bang New South Wales Eugene. Từ ý tưởng này, ông đã tổ chức các cuộc vận động hành lang quyết liệt, rầm rộ trong cả nước và mãi đến năm 1954 mới đạt được sự đồng thuận trong chính quyền và nhân dân cả nước.

Năm 1956, chính quyền ở Úc tổ chức cuộc thi quốc tế thiết kế nhà hát Opera quốc gia. Với giải thưởng 5000 Bảng Anh. 233 đề án thiết kế trên khắp hành tinh đã gửi về Úc và cuối cùng Tom Utzon kiến trúc sư chưa có tên tuổi, 38 tuổi người Đan Mạch đã chiến thắng. Tom Utzon chiến thắng bởi ông đã vượt lên khuôn mẫu những toà nhà hình hộp vô cùng phổ biến thời đó để tạo nên một kiến trúc độc đáo với những mái vòm khiến người ta liên tưởng tới những cánh buồm trắng đang thong dong vượt biển khơi hay hình con sò biển quen thuộc của vùng đất này. Tầm nhìn của Utzon về điêu khắc và xây dựng các đường cong trên bến cảng đã phá vỡ hoàn toàn lối tạo hình của giới kiến trúc thế giới thời kỳ đó nhưng cũng gây nhiều tranh cải vì rất khó thực hiện bởi thế giới chưa có một công trình nào như vậy. Chính vì vậy mà mô hình nhà hát Opera Sydney được giới thiệu tại toà thị chính Sydney năm 1957 và hai năm sau

công trình mới được thi công. Và toà nhà đã làm thay đổi cuộc đời, sự nghiệp của kiến trúc sư Utzon và đất nước Australia.

Khởi công từ năm 1959 với từ 1.000 kỹ sư, công nhân xây dựng. Ban đầu toà nhà dự kiến xây dựng trong vòng 4 năm với tổng chi phí 7 triệu USD. Việc xây dựng gặp phải nhiều lần trì hoãn vì lý do khách quan và chủ quan và phải mất 14 năm mới hoàn thành với chi phí đội giá lên tới 12 triệu USD (phần lớn số tiền này do một công ty xổ số của Australia đầu tư).

Tổng diện tích của công trình này 1.8 ha (dài 183m, rộng 120m). Công trình đồ sộ này được xây dựng trên một hệ thống chân móng gồm 580 cột bê tông đóng sâu 25m dưới mực nước biển. Nhà hát có hệ thống cung cấp điện riêng với hệ thống truyền tải lên đến 654km, lượng điện tiêu thụ gần bằng một thị trấn 25.000 dân. Nhà hát được thiết kế một hệ thống mái vòm rất đặc biệt để gió biển có thể thổi vào bên trong giúp điều hoà nhiệt độ một cách tự nhiên. Mỗi mái lớn hình võ con sò đều được làm từ bê tông khối và được bao phủ bằng hàng triệu viên ngói màu trắng và màu kem có thể tự làm sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời như kim sa. Tại các mái vòm đều có gắn các tấm pha lê màu giúp nội thất nhà hát trở nên lung linh và huyền ảo hơn mỗi khi đón ánh mặt trời.

Chiều cao với đỉnh cao nhất là 67m (so với mặt nước biển), gần tương đương một ngôi nhà 22 tầng, nội thất bên trong nhà hát đều được sử dụng đá granite màu hồng lấy từ vùng Tanara (bang New South Wales). Ngoài ra nhà hát còn sử dụng rất nhiều gỗ tự nhiên.

Opera Sydney là tổ hợp của 5 khu nhà hát, 5 studio tập diễn, 2 sảnh chính, 4 nhà hàng, 6 quán bar và 8 của hàng lưu niệm trong đó sảnh hòa nhạc có thể chứa 2.679 khán giả, nhà hát opera có thể chứa 1.547 khán giả.

Một đặc điểm đạt đến tuyệt vời nữa chính là hệ thống âm thanh vang vọng tự nhiên mà không có một nhà hát nào trên thế giới có. Bên trong toà nhà kiến trúc như một mê cung bao gồm sảnh hoà nhạc giao hưởng (Concert hall), rạp hát cổ nhạc opera (opera theater), phòng hợp xướng (studio), rạp diễn kịch (drama theater) và rạp chiếu bóng (play hoase). Sảnh hoà nhạc là nơi có cây đàn organ dạng cơ khí

Nhà hát Opera tổ chức nhiều buổi biểu diễn nghệ thuật nổi tiếng. Ảnh: internet

to nhất thế giới (với hơn 10.000 ống sáo). Các nhà hát được biểu trưng bằng cách cắt ra thành các bán cầu có hình con sò hay lá buồm. Mỗi cánh buồm là một nhà hát độc lạ trong chỉnh thể toàn nhà hát.

Những sự tuyệt vời về âm thanh ánh sáng, sự kết hợp hài hoà giữa kiến trúc và cảnh quan đã giúp nhà hát Opera Sydney trở thành một trong những công trình kiến trúc đẹp nhất hành tinh, một trong những trung tâm trình diễn nghệ thuật bận rộn và sáng tạo nhất thế giới. Đó là điều làm nên kỳ tích: mỗi năm có từ 8,2 triệu đến 10 triệu du khách trên thế giới đến chiêm ngưỡng.

Đến nay, mỗi năm nhà hát tổ chức khoảng 1.600 buổi biểu diễn hoà nhạc giao hưởng, múa ba lê, opera, kịch sân khấu, khiêu vũ, âm nhạc, hài kịch chương trình của trẻ em, biểu diễn nghệ thuật đương đại… thu hút trên 1,2 triệu khán giả trong nước và nước ngoài tới xem, là đơn ị có số thu khổng lồ của ngành công nghiệp văn hoá đất nước này.

Ngay sau khi ra đời, nhà hát Opera Sydney đã trở thành biểu tượng về sự phát triển của nước Úc. Nhà hát đã được UNESCO công nhận là Di sản thế giới vào năm 2007. Đây là di sản thế giới thứ 2 được công nhận khi vị kiến trúc sư thiết kế ra nó còn sống. Và trong danh sách các Di sản thế giới, nhà hát Opera Sydney là công trình trẻ tuổi nhất, chiếm vị trí tương đương với các công trình nổi tiếng khác trên thế giới như Kim tự tháp ở Ai Cập, Tháp Eiffel ở Pháp.

Văn hóa nhà trường trong sự nghiệp xây dựng con người

THẢO NGUYÊN

Một tiết thực hành về các hoạt động giáo dục an toàn giao thông của các giáo viên. Ảnh: Mỹ Hà

Trong quá trình Văn hóa hóa để hoàn thiện mình, mỗi người đều phải trải qua và tồn tại, phát triển trong nhiều môi trường khác nhau. Đó là Gia đình, Nhà trường và Xã hội. Tạm hiểu đó là những cái khuôn mẫu mà trong đó các giá trị, các bản sắc của "khuôn mẫu" sẽ định hình trí tuệ, nhân cách của các thành viên. Gia phong là khuôn mẫu của văn hóa gia đình. Văn hóa nhà trường sẽ định hướng giá trị và trang bị hệ thống tri thức cho các học sinh để họ hoàn thiện dần những phẩm chất văn hóa, phẩm chất Người. Môi trường xã hội rộng lớn hơn rất nhiều, với nhiều quy mô khác nhau, đó là văn hóa quốc gia dân tộc, văn hóa các vùng miền, văn hóa các ngành nghề/lĩnh vực.v.v… Các môi trường này sẽ lại một lần nữa định hình nhân cách văn hóa cho các thành viên tồn tại trong nó.

Văn hóa nhà trường liên quan đến mọi khía cạnh của cuộc sống vật chất và tinh thần trong một nhà trường; được thể hiện chủ yếu thông qua tầm nhìn, sứ mạng, triết lý, mục tiêu, các giá trị, phong cách lãnh đạo, quản lý và cả không khí tâm lý tồn tại trong nhà trường. Văn hóa nhà trường hình thành thành một hệ thống các chuẩn mực, giá trị, niềm tin, và quy tắc ứng xử tốt đẹp cho mọi thành viên trong nhà trường.

Một số nhà nghiên cứu văn hóa và giáo dục cho rằng, vai trò văn hóa của nhà trường thể hiện ở các khía cạnh cụ thể như sau: i. Tạo ra một môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự sáng tạo, nâng cao động lực và sự quan tâm của học sinh; Thúc đẩy sự phát triển toàn diện của học sinh và khám phá tiềm năng cá nhân, từ đó tạo ra những kết quả học tập tốt hơn. ii. Hình thành những giá trị đạo đức trong học sinh, như sự tôn trọng, trung thực, trách nhiệm và tình yêu thương; Giúp tăng cường lòng tự trọng và lòng tự tin của học sinh trong quá trình học tập và giao tiếp. iii. Tạo ra môi trường an toàn về cảm xúc, thể chất và tinh thần cho

học sinh; Khuyến khích sự tôn trọng và đoàn kết giữa các thành viên trong nhà trường, giúp học sinh tự tin tham gia vào các hoạt động học tập và xã hội. iv. Khuyến khích sự tương tác, hợp tác, gắn kết giữa giáo viên, học sinh và phụ huynh, tạo ra một môi trường đáng tin cậy và ủng hộ, giúp tạo ra sự hiểu biết và cống hiến chung để đạt được mục tiêu giáo dục.v.v… Đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng sống và chuẩn mực xã hội cho học sinh; giúp hình thành những kỹ năng quan trọng như giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề và lãnh đạo; Giúp học sinh hiểu và tuân thủ các chuẩn mực xã hội, đóng góp vào xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Qua phân tích trên cho thấy vai trò của văn hóa trong nhà trường là vô cùng quan trọng, là môi trường không thể thiếu trong xã hội hiện đại. Văn hóa nhà trường không chỉ ảnh hưởng đến quá trình học tập của học sinh mà còn xây dựng nền tảng cho sự phát triển toàn diện của họ, định hình những giá trị và kỷ luật xã hội quan trọng để hướng dẫn học sinh trở thành công dân có ích cho xã hội.

Văn hóa nhà trường là hệ các chuẩn mực, giá trị định hướng cho các học sinh, sinh viên hình thành các phẩm chất văn hóa, hình thành lối/nếp sống, cách suy nghĩ, tình cảm tốt đẹp và hành động đúng đắn, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc và xu thế phát triển của thời đại. Một nhà trường nề nếp, được dạy dỗ những điều tốt đẹp, được khuyến khích bởi chính các tấm gương văn hóa là các thầy cô thì nhất định sẽ có các trò ngoan. Ngược lại, nếu trong nhà trường mà lơ là giáo dục về nhân cách, nếp sống, các thầy cô thiếu gương mẫu thì sẽ không bao giờ có trò ngoan, được định hướng, trang bị và hoàn thiện các phẩm chất văn hóa cần thiết. Một nhà trường còn gian dối trong thi cử, còn chạy theo hình thức, còn bị bệnh thành tích lũng đoạn thì không thể có trò trung thực.

Cha ông ta đã có câu: "Không thầy đố mày làm nên" là khẳng định vai trò của người thầy, nhà trường. Và trong bối cảnh xã hội hiện đại, cũng nên hiểu là vai trò văn hóa của nhà trường, của văn hóa học đường trong qua trình xây dựng Con người văn hóa.

Xây dựng văn hóa nhà trường phải là một quá trình lâu dài mới có kết quả bền vững. Suốt mấy chục năm vừa qua, cả xã hội đã cùng ngành Giáo dục nỗ lực xây dựng môi trường văn hóa học đường nhưng xem ra môi trường này đang có nhiều biểu hiện sa sút. Nổi lên là các hiện tượng gian dối trong học tập, thi cử bởi bệnh thành tích và thi đua. Hai là nạn bạo lực học đường. Ba là nạn lạm thu. Và thứ tư, tuy là cá biệt nhưng trong một số nhà trường đã xuất hiện ma túy, dâm ô... Dư luận xã hội đang tỏ ra bi quan, lo lắng về sự sa sút của môi trường văn hóa cực kỳ quan trọng này.

Tại nhiều diễn đàn, các chính khách, nhà quản lý, các chuyên gia đã đề xuất nhiều giải pháp, cả tầm vĩ mô lẫn vi mô để thúc đẩy quá trình làm trong sạch và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa học đường. Đó là các giải pháp về nhận thức, quản lý, về tổ chức, về sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể… Nhưng, văn hóa là câu chuyện con người. Vì vậy, để khắc phục những lỗ hổng, xây dựng được một môi trường văn hóa học đường tốt đẹp, điều cốt tử là chúng ta phải có một Triết lý giáo dục mà từ đó sẽ thúc đẩy phát triển được tiềm năng và phẩm chất của Thầy và Trò, tạo cho họ cơ hội được tiếp nhận tri thức, các chuẩn mực đạo đức để xây dựng những giá trị mới hiện đại và nhân văn hơn. Các giải pháp về tổ chức, về quản lý có thể hạn chế được một phần các hành vi tiêu cực nhưng về cơ bản vẫn không giải quyết được triệt để khi mà tính tự giác chưa được hình thành. Có một triết lý giáo dục đúng đắn, nhân văn và hiện đại sẽ là tiền đề giải quyết được tất cả các vấn đề về quản lý, tổ chức…, để mọi người tự giác hướng đến các giá trị tốt đẹp.

Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc (11/2021), Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: "Trọng tâm xây dựng và phát triển văn hóa là xây dựng con người có nhân cách và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh…". Hẳn nhiên, vai trò của nhà trường là vô cùng quan trọng vì văn hóa nhà trường là môi trường văn hóa đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng con người có nhân cách. Làm gì, làm thế nào để xây dựng nhà trường thành môi trường văn hóa lành mạnh trong bối cảnh hiện nay vẫn đang là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu.

Lễ hội Mường Ham

Xuân về vui hội Mường Ham

NGÂN THU

Mường Ham xã Châu Cường, huyện Qùy Hợp là một không gian văn hóa có từ lâu đời. Trải qua những thăm trầm lịch sử, tiểu vùng văn hóa này dường như đã bị lãng quên. Đến nay một số giá trị văn hóa cổ truyền của không gian văn hóa Mường Ham đã được khôi phục như đền Mường Ham, lễ hội Mường Ham (hội hang Pựn Pang - Nang Ni xưa).

Mường Ham xưa bao gồm các xã: Châu Cường, Châu Quang, Châu Thái, Châu Lý, Bắc Sơn, Nam Sơn, Châu Đình ngày nay. Cái tên Mường Ham giờ chỉ còn là một bản nhỏ của xã Châu Cường, thế nhưng Mường Ham vẫn còn lưu giữ được những giá trị văn hóa Thái cổ truyền hết sức độc đáo và phong phú từ đời sống vật chất đến văn hóa tâm linh…

Người xưa kể rằng: lúc bấy giờ, khoảng cuối thế kỷ XIX, vùng Mường Tôn (thuộc Qùy Châu, Quế Phong ngày nay) là trung tâm của "9 bản, 10 mường" xảy ra loạn lạc. Một Tạo Mường thuộc dòng họ Lo Kăm đã sai người đưa đứa con trai độc nhất của mình đến một thung lũng nhỏ hẹp, có tên là Tủng Nháu để tránh nạn, đứa trẻ ấy tên là Tạo Nọi. Tại vùng đất mới này, Tạo Nọi cùng gia nhân bắt đầu gây dựng cuộc sống mới: khai phá đất hoang, thuần dưỡng thú rừng, trồng cây, giữ lửa... họ đặt tên cho mường mới là Mường Nọi.

Một thời gian sau, khi loạn đã yên, Tạo Mường đã mất, người dân mới rước Tạo Nọi từ Mường Nọi ra Mường Lớn (gồm các xã Châu Cường, Châu Quang, Châu Thái, Châu Lý, Bắc Sơn, Nam Sơn, Châu Đình ngày nay) để tiếp tục mở rộng và phát triển. Mường Lớn sau này được đặt tên là Mường Hảm. Từ "Hảm" tiếng Thái có nghĩa là "khiêng", "rước", qua thời gian người ta đọc chệch là Mường Ham. Tạo Nọi trở thành thủ lĩnh tập hợp và chỉ huy các dòng họ cùng nhau làm ăn, sinh sống và xây dựng cuộc sống mới.

Lịch sử ra đời và phát triển của Mường Ham được biết đến qua

những câu chuyện truyền thuyết dân gian...; gắn với các tư liệu thư tịch cổ như chữ Thái lai - tay, chữ Hán, chữ quốc ngữ; trong gia phả của các dòng họ lớn; trong trí nhớ của các già bản, các thầy mo với những bài cúng, các nhà thờ, các lễ hội của cư dân vùng Mường Ham xưa... Mường Ham là một phần lịch sử của Quỳ Hợp.

Sau khi được dân mường rước về Mường Ham, Tạo Nọi đã ở lại vùng đất này và cho dựng một đền thờ gọi là *Tến Hảm* (đền Mường Ham).

Thời gian đầu, ở đền Mường Ham người ta dùng trâu hoặc dê làm lễ vật tế cúng. Từ khi chuyển sang thờ Tạo Nọi, đền chỉ cúng bằng lợn, gà và *hò mọc* là chính. Theo tục lệ truyền từ đền Chín Gian, Tạo Nọi được coi như một *Pù lắc xưa* (người cai quản làng bản) nên chỉ được cúng bằng lợn, gà chứ không được cúng trâu. Đến ngày cúng, các bản đội mâm đến, riêng bản Mường Ham là bản gốc nên phải mổ lợn làm lễ vật. Khi bản Mường Ham chưa bưng mâm cúng đến thì ông mo chưa được cử hành lễ. Ngoài mâm cơm cúng, còn có một chum rượu cần; một đôi trai gái chưa vợ chưa chồng ăn mặc đẹp được ngồi phía trước chum rượu, phía sau mâm cúng... Ông mo đứng chính giữa mâm cơm thờ của bản Mường Ham, các tạo bản đứng xung quanh. Cúng xong thì đánh chín hồi chiêng trống để thông báo cho thần linh biết rồi mới bưng mâm xuống. Các *tạo* lần lượt đi nếm xem mâm cúng của bản nào ngon hơn, sau đó thì uống rượu cần. Chỉ có các *tạo* mới được cầm cần rượu, người dân chỉ được uống rượu cần khi vào phần hội...

Phần hội với những hoạt động như đánh cồng chiêng, uống rượu cần, thi hát *nhuốn xuổi*, cùng nhiều trò vui khác rất sôi nổi. Phần hội này có liên quan chủ yếu đến hội hang Pựn Pang - Nang Ni.

Hang Pựn Pang gắn với truyện thơ *Lái Khủn Tưởng - Khủn Tính - Nang Ni* kể rằng: ngày xưa, vào một buổi sáng Tết Nguyên Đán, Tạo Mường là Khủn Pang (cha của tạo Khủn Tưởng, là ông của tạo Khủn Tinh) cùng đoàn tùy tùng cưỡi voi, cưỡi ngựa đi xem dân Mường đón Tết vui xuân qua đây thấy có hang động đẹp, ông cùng quân lính vào thăm hang động và nghỉ chân qua đêm ở đây. Sau này người dân đặt tên cho hang động này là hang Pựn Pang. Còn động Nang Ni thì gắn với câu chuyện tình giữa Khủn Tinh và nàng vượn Nang Ni: Vì yêu Khủn Tinh, Nang Ni đã theo chàng về nhà chung sống với chàng, nhưng sau đó bị mắc mưu hai người vợ trước của Khủn Tinh, Nang Ni phải bế con bỏ chạy lên núi đá trú ẩn. Khủn Tinh vì yêu thương hai mẹ con Nang Ni nên chàng đã chạy theo nàng lên núi đá. Tuy nhiên, giây phút hạnh phúc, vui vẻ giữa Khủn Tinh và Nang Ni cùng con trai bé bỏng chưa được bao lâu thì Khủn Tinh lại bị hai người vợ trước đến bắt về nhà.

Theo *Lịch sử đền Mường Ham*: Hội chính trước đây diễn ra vào ngày 4; 5 và 6 tháng Giêng âm lịch, ngay sau Tết Nguyên đán. Khoảng đất rộng và bằng phẳng phía trước cửa hang Pựn Pang được dựng một ngôi nhà theo lối kiến trúc *hạn huổng* (kiểu nhà sàn nhưng không có mái) để thanh niên nam nữ trong cả mường đến giao duyên và vào hang chơi... Một chum rượu cần lớn được đặt tại nơi gọi là *na huổng*, phần sân trước của *hạn huổng*. Sau khi làm lễ *khảy tủ khảy cỏn* (lễ xin mở cửa hang) xong, tất cả mọi người dân trong mường và khách khứa từ xa đến đều được tham gia uống rượu cần, nhảy múa, sau đó mới vào chơi trong hang. Lễ vật dâng cúng trong lễ *khảy tủ khảy cỏn* gồm có một chum rượu cần, một đôi cá nướng đặt quay lưng vào nhau, ngoài ra còn có thêm rượu siêu và trầu cau... Theo luật tục truyền lại từ xa xưa, người dân đến chơi hội hang có thể tự do bày tỏ tình cảm yêu đương trai gái; những mối tình từng dở dang có cơ hội gặp lại để tâm sự, giãi bày. Tuy nhiên, tình cảm đó chỉ được giới hạn trong lễ hội, hết lễ, ai về nhà nấy, không được vấn vương quyến luyến người kia. Lễ vật dâng cúng trong lễ "xin mở cửa hang" là hai con cá nướng được đặt quay lưng vào nhau là tượng trưng cho luật tục này.

Thời xưa, ban ngày mọi người vào chơi hang, tham dự các trò vui hoặc đi thăm thú cảnh sắc núi non ở các thung lũng gần đó. Vào ban đêm thì cùng nhau quây quần tụ tập vui chơi hát nhuốn xuổi giao duyên xung quanh *hạn huổng*, cùng nhau uống rượu cần và hát đối đáp theo hình thức xuổi nhuốn tò pẹ. Các cô gái ngồi trên *hạn huổng* thêu khăn, thêu váy xung quanh đống lửa lớn được đốt lên từ chiếc bếp đặt ở ngay chính giữa. Chỉ có các chàng trai hát đối đáp thật giỏi và làm cho các cô gái vừa ý mới được các cô thả thang mời lên ngồi trên sàn để tâm tình, trò chuyện. Mặc dù sàn của *hạn huổng* rất thấp, chỉ cách mặt đất hơn một mét nhưng nếu như không được các cô gái thả thang xuống mời thì chẳng có chàng trai nào tự tiện nhảy lên đó cả, bởi ai làm như thế sẽ bị coi là con người bất nhã và bị mang tiếng xấu. Các chàng trai không được mời lên trên sàn thì họ vẫn tụ tập xung quanh sàn, gảy đàn môi, thổi khèn, thổi pì nhuốn cho đến sáng... Người dân đến chơi hang thuộc đủ mọi lứa tuổi, những người đã có gia đình, thậm chí có người đã nhiều tuổi nhưng vẫn đi đến chơi hội hang để... gặp lại người của một

Đền Mường Ham

thời tình xưa nghĩa cũ. Theo luật tục trong hội hang, các cặp vợ chồng khi đến tham gia cũng được coi như những người còn son trẻ, không được phép có chuyện ghen tuông, ràng buộc.

Những người đi dự lễ hội phải mất vài ngày đi đường, trèo đèo lội suối, vượt núi, xuyên rừng mới đến được Mường Ham. Các xã ở xa như Châu Thành, Châu Hồng, Châu Tiến, Liên Hợp, Châu Lộc (xưa gọi là Mướng Nhốn, Mướng Nghình, Mướng Hạt, Mướng Cuổng...), người dân không đến tham dự các kỳ lễ chính được thì bao giờ cũng có ít nhất vài người trong mường đến tham dự kỳ hội chính. Khi đến dự hội hang, họ luôn được người Mường Ham xưa nể trọng, họ được coi là những người tài giỏi, đại diện cho con người và văn hóa của bản mường nơi họ sinh sống... Trong quá trình đi lại giao lưu giữa các mường với nhau, kể cả những mường ở Quỳ Châu và Quế Phong, chính những người này đã sáng tạo và lưu truyền truyện thơ *Lái mồng mướng* (Truyện trông mường) nổi tiếng. Nếu như Đền Chín Gian đuợc coi là không gian để hình thành nên truyện thơ *Lái lống mướng* (Truyện xuống mường) thì đền Mường Ham và hội hang Pựn Pang - Nang Ni là yếu tố quan trọng trong việc hình thành truyện thơ *Lái Khủn Tưởng - Khủn Tính - Náng Ní*.

Thời trước, khi về tham dự lễ hội Mường Ham và dự hội hang Pựn Pang - Nang Ni không phải ai cũng có can đảm để leo trèo vào thăm Mường Nọi. Họ phải trèo qua một hẻm đá với độ cao khoảng hơn 5m, chiều dài chỉ vài chục mét để vào thung lũng Mường Nọi. Thung lũng Mường Nọi nằm trong một tổng thể chung của ba thung lũng: Tủng Cọc, Tủng Nọi (Mường Nọi) và Tủng Nhấu.

Để bảo tồn những giá trị văn hóa Mường Ham, chính quyền và Nhân dân Qùy Hợp, đặc biệt là bản Mường Ham, xã Châu Cường đã có nhiều nỗ lực phục dựng các giá trị văn hóa truyền thống. Năm 2006, hội hang Pựn Pang - Nang Ni được nâng tầm lễ hội cấp huyện lấy tên là Lễ hội Mường Ham.

Từ khi được nâng tầm lễ hội cấp huyện, mỗi năm Lễ hội Mường Ham thu hút hàng vạn lượt du khách gần xa. Không gian lễ hội được xác định bao gồm địa bàn các xã, thị trấn, cộng đồng dân cư trong huyện Quỳ Hợp, kể cả các xã thuộc vùng sâu vùng xa thuộc các huyện lân cận. Lễ hội diễn ra trong 3 ngày từ mùng 5 đến mùng 7 tháng Giêng âm lịch. Ngày 05 Tết khai mạc lễ hội, dựng hội trại của các xã, uống rượu cần, liên hoan dân nhạc dân vũ và các trò vui, vào chơi hang... Ngày 06 Tết, tiếp tục diễn ra các hoạt động liên hoan văn nghệ, thể thao, dân nhạc dân vũ, vào chơi hang, tham quan Mường Nọi... Ngày 07 Tết diễn ra lễ Khai hạ. Sau lễ Khai hạ là chuyển sang tuần lễ "Hành hương về Mường Nọi" kéo dài cho đến 16 tháng Giêng âm lịch. Trong tuần lễ này, chính quyền xã Châu Cường tổ chức một Ban tiếp đón để đón tiếp và hướng dẫn Nhân dân ở các nơi tiếp tục đến tham quan Mường Nọi và thắp hương tại đền thờ Tạo Nọi.

Phần lễ được được tổ chức trang nghiêm theo những nghi thức tâm linh của người Thái cổ. Phần hội bao gồm các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí đa dạng, phong phú vừa thể hiện được những nét đặc sắc của văn hóa Thái xưa, vừa mang hơi thở của thời đại. Đặc biệt, hội thi nấu món ăn truyền thống của các dân tộc và cuộc thi viết chữ dân tộc Thái, một loại chữ viết đã bị mai một mà gần đây chính quyền địa phương đang cố gắng khôi phục lại, thu hút hàng ngàn người tham gia.

Lễ hội Mường Ham được khôi phục theo nguyện vọng của người dân đất mường. Đây là dịp để mọi người cùng nhau ôn lại và phát huy những truyền thống văn hóa, lịch sử của bản mường. Lễ hội làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tâm linh các dân tộc miền Tây xứ Nghệ; góp phần lan tỏa những giá trị văn hóa của Mường Ham đến với du khách thập phương.

(Bài viết sử dụng tư liệu:
Lịch sử đền Mường Ham
do UBND xã Châu Cường cung cấp)

Hồi sinh TRANG PHỤC TRUYỀN THỐNG NGƯỜI Ơ ĐU

BÙI HÀO

Các thiếu nữ Ơ Đu trong Ngày hội văn hóa các dân tộc có số dân dưới 10.000 người tại tỉnh Lai Châu, tháng 11/2023. Ảnh: Hồng Minh

Những bộ trang phục truyền thống của người Ơ Đu tưởng chừng như đã mất đi theo năm tháng và sự biến đổi của văn hóa xã hội. Nhưng rồi nhờ sự nỗ lực của nhiều người, trong đó chủ yếu là những người phụ nữ ở bản Văng Môn, mà hiện nay, những bộ trang phục này lại được hồi sinh. Đó là công lao không nhỏ của một số người phụ nữ nơi đây. Họ không chỉ giúp cho đồng bào Ơ Đu giữ được trang phục truyền thống, mà còn tác động tích cực đến quá trình khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

Gần 100 hộ gia đình Ơ Đu sinh sống tại bản Văng Môn (xã Nga My, huyện Tương Dương) hiện nay đều chủ yếu từ các xã Kim Đa, Kim Tiến tái định cư về đây từ năm 2006. Họ di cư về thành nhiều đợt khác nhau. Và biến Văng Môn trở thành bản trung tâm tập trung đông nhất của người Ơ Đu ở Việt Nam. Trước đây, người Ơ Đu cũng có trang phục truyền thống. Nhưng do những hoàn cảnh khác nhau, nghề dệt may của họ lại bị lụi tàn dần, họ mặc trang phục của người Thái, hoặc thuê người Thái làm trang phục cho mình. Phần lớn phụ nữ Ơ Đu không biết dệt may. Chính vì vậy mà bộ trang phục truyền thống của họ cùng bị mai một và mất mát dần.

Khi chuyển đến bản Văng Môn, gần như trong bản không còn mấy ai mặc trang phục truyền thống. Trước đó, người Ơ Đu không có bản riêng, mà sống rải rác trong các bản của người Thái, Khơ Mú. Nay tập trung về một bản, có bộ máy quản lý bản, có chi bộ Đảng nên việc bảo tồn bản sắc văn hóa cũng được quan tâm nhiều hơn. Một trong những yếu tố văn hóa quan trọng đầu tiên phải khôi phục là bộ trang phục truyền thống. Như đã nói, phần lớn phụ nữ Ơ Đu không biết dệt may. Và theo quy tắc hôn nhân, phụ nữ Ơ Đu hầu hết lấy chồng người Thái, Khơ Mú và đi về sinh sống ở các bản nhà chồng. Còn phụ nữ về làm dâu ở Văng Môn thì chủ yếu là người Thái và Khơ Mú (chỉ có 3 gia đình là người Ơ Đu kết hôn với nhau mới gần đây). Vậy nên, công việc khôi phục lại bộ trang phục truyền thống của người Ơ Đu lại đặt lên vai những nàng dâu Thái và Khơ Mú, đặc biệt là những phụ nữ Thái làm dâu Ơ Đu bởi người Thái vốn nổi tiếng về nghề dệt may thổ cẩm. Trong số đó, phải kể đến vai trò của hai người quan trọng nhất là bà Vi Thị Dung và bà Lo Thị Nga.

Bà Vi Thị Dung sinh năm 1947 tại bản Cành Pải, xã Kim Đa, huyện Tương Dương. Từ khi 10 tuổi bà đã được dạy học dệt may. Trong bản của bà chủ yếu người Thái, chỉ có 4-5 hộ gia đình Ơ Đu sinh sống xen kẽ. Năm 1966, khi chưa đầy 20 tuổi, bà kết hôn với ông Lo Hồng Phong là một người Ơ Đu cùng bản. Hai ông bà sinh được 7 người con gồm 4 trai 3 gái. Năm 2007, gia đình bà chuyển xuống bản Văng Môn do quê cũ thuộc vào diện tái định cư để lấy đất xây dựng thủy điện Bản Vẽ. Khi về Văng Môn, thấy người Ơ Đu đã tập trung lại với nhau thành một bản nhưng lại không còn trang phục truyền thống. Bà đi trao đổi với cán bộ trong bản và một số người khác tìm cách khôi phục lại bộ trang phục truyền thống của người Ơ Đu. Các cán bộ cũng động viên người dân trong bản ai còn giữ được bộ trang phục truyền thống của ông bà, cha mẹ thì thông báo để xin mượn nhằm tìm hiểu và khôi phục lại. May mắn là bà Dung được bà Lương Thị Hồng đưa cho mượn một bộ trang phục truyền thống của phụ nữ Ơ Đu do bà nội của chồng để lại. Từ bộ trang phục này, bà Dung đã dành nhiều thời gian để tìm hiểu, trao đổi với một số người khác rành về nghề dệt may như bà Lo Thị Nga để cùng tìm cách khôi phục. Qua một thời gian tìm hiểu kỹ và làm thử mấy lần thì các bà cũng khôi phục lại được bộ trang phục truyền thống của phụ nữ Ơ Đu. Nó không được đúng chuẩn như trang phục của người Ơ Đu trước đây, nhưng cũng được hầu hết người Ơ Đu ở Văng Môn chấp nhận là trang phục truyền thống dân tộc mình. Từ đó, bà Dung bắt đầu tập hợp một số phụ nữ khéo léo và yêu thích dệt may trong bản lại để dạy dệt may và các kỹ thuật để tạo ra một bộ trang phục truyền thống. "Thấy các cộng đồng khác có trang phục truyền thống mà người Ơ Đu không có thì cũng thấy buồn. Tôi về làm dâu Ơ Đu đã hơn một nửa thế kỷ, chồng tôi là người Ơ Đu, các con tôi cũng là người Ơ Đu, nên thấy mình cũng có trách nhiệm để khôi phục bộ trang phục cho con cháu. Nghĩ vậy nên tôi hỏi cán bộ và một số người khác. Họ đều ủng hộ, thế là chúng tôi làm. Phải qua mấy lần thất bại chúng tôi mới làm được một bộ hoàn chỉnh và ưng ý. Bây giờ thì có gần hai chục người trong bản có thể dệt, thêu, nhưng cắt may thì khó hơn. Nếu cắt may không chuẩn thì sẽ làm hỏng tấm vải và bộ trang phục cũng không

Bà Vi Thị Dung đang dệt thổ cẩm

thể đẹp được. Nên nhiều người sau khi dệt và thêu xong thì mang đến nhờ tôi cắt giúp và chỉ cho may để chắc chắn hơn. Bây giờ, hầu như gia đình nào cũng có trang phục truyền thống trong nhà để dùng khi cần. Thấy vậy mà vui vì những cố gắng của mình và mọi người đã có kết quả". Bà Dung tâm sự.

Cũng như bà Dung, bà Lo Thị Nga là một phụ nữ Thái về làm dâu Ơ Đu. Bà Nga sinh năm 1972 tại bản Pủng, xã Kim Đa. Từ nhỏ cũng được học nghề dệt may từ mẹ và khá khéo tay trong nghề này. Năm 1992, bà kết hôn với ông Lo Văn Tới, một người Ơ Đu ở bản Cam gần nhà. Đến năm 2006 thì gia đình bà tái định cư đến bản Văng Môn sinh sống. Khi bà Vi Thị Dung trao đổi ý định khôi phục lại trang phục truyền thống của người Ơ Đu thì bà Nga cũng tham gia nhiệt tình và trở thành cộng sự quan trọng nhất với bà Dung. May mắn đến với bà khi trong đống đồ cũ của bố chồng còn giữ được một bộ trang phục truyền thống của đàn ông Ơ Đu. Thế là bà Nga lấy bộ trang phục này ra giặt sạch phơi khô rồi mở ra để nghiên cứu từ đường kim mũi chỉ. So với trang phục nữ thì trang phục nam cũng đơn giản hơn, ít hoa văn thêu thùa, nhưng lại đòi hỏi về chất nhuộm và sự chắc chắn của đường may. Từ đó, bà khôi phục lại bộ trang phục truyền thống của đàn ông Ơ Đu. Hiện tại, bộ trang phục này đã phổ biến với người dân Ơ Đu ở bản Văng Môn. Bà Nga chia sẻ: "Từ khi về làm dâu Ơ Đu, tôi thường hỏi bố mẹ chồng về các phong tục tập quán của bên chồng để chuẩn bị cho việc thực hành trong gia đình. Qua đó, tôi có một ít hiểu biết về văn hóa bên chồng. Nhưng do ở quê cũ, chủ yếu là người Thái nên cũng chẳng quan tâm đến việc khôi phục trang phục truyền thống của người Ơ Đu. Khi tái định cư về đây, Nhà nước quan tâm hơn đến việc khôi phục bản sắc văn hóa truyền thống của người Ơ Đu nên tôi nghĩ mình cũng có trách nhiệm đóng góp. Thế nên tôi mới tìm tòi lại đồ đạc cũ của bố chồng để lại và có được bộ trang phục cũ để tìm hiểu và khôi phục. Hiện tại, khá nhiều người trong bản đã biết may bộ trang phục truyền thống Ơ Đu. Nhưng phần lớn người ta vẫn mua của tôi và bà Dung may là chính".

Nghệ nhân Ơ Đu trình diễn nghề dệt thổ cẩm trong Ngày hội văn hóa các dân tộc có số dân dưới 10.000 người tại tỉnh Lai Châu - tháng 11/2023. Ảnh: Hồng Minh

Có thể nói, để có bộ trang phục truyền thống của người Ơ Đu ở bản Văng Môn hiện nay, cả trang phục nam và nữ, công lao của bà Vi Thị Dung và bà Lo Thị Nga là rất lớn. Không chỉ tìm kiếm và khôi phục lại, hai bà còn truyền nghề cho nhiều phụ nữ trong bản. Số khung cửi trong bản cũng tăng lên đánh kể. Ban đầu chỉ có hai khung cửi của bà Dung với bà Nga, này đã có hơn chục khung cửi. Năm 2019, Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An cũng hỗ trợ cho 20 khung cửi để phát triển nghề dệt may, nhưng chỉ một nửa trong số đó hoạt động được. Qua sự giúp đỡ của bà Dung và bà Nga, nhiều người Thái và Khơ Mú về làm dâu ở Văng Môn đã biết dệt may. Hình ảnh nhiều người phụ nữ trong bản cùng tập hợp nhau lại vừa thêu may vừa trò chuyện vốn đã biến mất lâu rồi nay lại sống lại và dần phổ biến hơn. Nhiều người đã tự dệt may trang phục cho gia đình sử dụng. Còn những gia đình không có người dệt may được thì họ phải đặt mua của nhà bà Dung và bà Nga với giá một bộ trang phục đàn ông là 300 ngàn đồng và trang phục cho phụ nữ là 600 ngàn đồng. Mỗi gia đình đều có trang phục truyền thống để mặc khi

Già làng Lo Văn Cường với trang phục truyền thống của đàn ông Ơ Đu

cần thiết. Con cái đến trường cũng cần một bộ để mặc vào ngày lễ chào cờ hoặc các lễ lớn. Công việc dệt may của bà Dung và bà Nga cùng vì vậy mà phát triển hơn, tạo ra một nguồn thu nhập nhất định. Quan trọng hơn, các bà đã làm sống lại bộ trang phục truyền thống của người Ơ Đu, qua đó góp phần vào việc bảo tồn, phát huy bản sắn văn hóa dân tộc thiểu số rất ít người này.

Trong danh mục Thành phần các dân tộc Việt Nam công bố năm 1979, Ơ Đu là dân tộc đứng cuối cùng với dân số còn lại rất ít ỏi. Qua nhiều thế hệ sinh sống rải rác và xen kẽ với các cộng đồng khác nên bản sắc văn hóa dân tộc Ơ Đu bị mai một, mất mát gần hết. Vài thập kỷ qua, Đảng và Nhà nước không ngừng xây dựng và thực hiện nhiều chính sách để hỗ trợ cho người dân Ơ Đu khôi phục văn hóa, phát triển kinh tế để theo kịp và bình đẳng với các cộng đồng khác. Đó là những nỗ lực to lớn của chính quyền dành cho đồng bào. Nhưng trong quá trình đó, cũng có đóng góp to lớn của nhiều người dân bình thường như bà Vi Thị Dung, bà Lo Thị Nga trong việc khôi phục bộ trang phục truyền thống và làm hồi sinh những khung cửi ở Văng Môn hay những người khác trong những lĩnh vực khác. Bà Dung, bà Nga được coi là những người ngoại tộc. Họ là những người Thái về làm dâu Ơ Đu, nhưng họ đã góp phần to lớn của mình vào việc khôi phục bản sắc văn hóa Ơ Đu. Như ông Lo Xuân Tình, Bí thư Chi bộ bản Văng Môn đánh giá: "Người Ơ Đu chúng tôi còn quá ít người, lại khắt khe trong việc kết hôn và không cho con em trong tộc lấy nhau vì cùng một họ. Thế nên phụ nữ thì đi làm dâu dân tộc khác, còn đàn ông thì lấy người dân tộc khác về làm vợ. Cứ như vậy mà phụ nữ người Thái và Khơ Mú lại đóng vai trò quan trọng trong đời sống của các gia đình ở Văng Môn. Chính họ đã và đang giữ gìn và khôi phục các giá trị văn hóa truyền thống của người Ơ Đu".

NHỮNG NĂM QUA, HUYỆN MIỀN NÚI QUỲ HỢP ĐÃ MẠNH DẠN KHAI THÁC LỢI THẾ VĂN HÓA ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH. NHIỀU SẢN PHẨM ĐỘC ĐÁO, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC ĐÃ ĐƯỢC TẠO RA, VỪA GÓP PHẦN TỪNG BƯỚC PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH VỪA NÂNG CAO Ý THỨC CỦA NGƯỜI DÂN TRONG VIỆC BẢO TỒN, PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN.

Giữ gìn bản sắc tạo đà cho du lịch văn hóa phát triển

Huyện Quỳ Hợp hiện có 3 dân tộc Kinh, Thái, Thổ sinh sống, mỗi dân tộc có những bản sắc văn hóa riêng thể hiện qua trang phục, kiến trúc nhà ở, phong tục tập quán, ngôn ngữ. Trong đó, đồng bào dân tộc Thái, Thổ chiếm hơn 53% dân số của huyện. Bởi vậy, đời sống văn hóa tinh thần của người dân trong huyện thể hiện đậm nét đặc trưng văn hóa Thái với các làn điệu Xuối, Lăm, Nhuôn… và văn hóa Thổ với những câu hát tập

Đêm hội sắc xuân miền Tây Nghệ An tại Quỳ Hợp. Ảnh: Trang Đoan

QUỲ HỢP: Khai thác lợi thế văn hóa để phát triển du lịch

PHAN GIANG

tính tập tang, đu đu điềng điềng…hay các trò chơi dân gian độc đáo, cùng văn hóa ẩm thực đa dạng, phong phú... Đây là những nét đặc trưng riêng để hướng tới phát triển du lịch địa phương. Năm 2001, huyện Quỳ Hợp được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chọn xây dựng huyện điểm văn hóa khu vực Bắc Trung Bộ. Huyện có 20 xã, 1 thị trấn, có hệ thống cơ sở hạ tầng tốt, nhất là hệ thống giao thông với nhiều tuyến đường chạy qua, như Quốc lộ 48C nối Quốc lộ 48 với Quốc lộ 7 qua Quỳ Hợp, Quốc lộ 48D nối từ Châu Thôn (Quế Phong) qua Quỳ Hợp đến Tân Xuân (Tân Kỳ), Quốc Lộ 48E từ Quỳ Hợp đi huyện Nghĩa Đàn. Hệ thống giao thông được kiên cố hóa, Y tế, internet phục vụ đến các tất cả các xã và các xóm, bản. Tài nguyên khoáng sản khá đa dạng và phong phú, có từ các loại khoáng sản quý hiếm như vàng, đá quý, đá trắng đến các loại khác như thiếc, sắt và các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng như đá vôi, đá xây dựng, cát, sỏi... Trong đó, có nhiều loại có ý nghĩa quan trọng trong phạm vi vùng, cả nước và quốc tế như thiếc, đá trắng... Đây là lợi thế lớn của huyện trong việc thu hút đầu tư phát triển du lịch của địa phương.

Bên cạnh đó, Quỳ Hợp còn có khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống với nhiều loại động vật và thực vật quý hiếm đang được Nhà nước và các tổ chức quốc tế quan tâm bảo tồn. Có hệ thống hang động khá đa dạng và độc đáo, được gắn với nhiều di tích, danh thắng như Hang Poòng, Hang Hổ, Hang Bản Vực, Thác Tiên, Thác Bản Bìa, Thác Bản Tạt, Bãi Tập, Đền Dinh, Đền Mó, Chùa La, Đền Le, Đền Choọng, Đền Thờ Tạo Nọi... Nhằm giữ gìn, bảo tồn nguyên vẹn nét văn hóa ấy, những năm qua, huyện Quỳ Hợp đã quan tâm, chỉ đạo phục dựng các lễ hội

Vũ điệu của người Thổ trong Ngày văn hóa các dân tộc Việt Nam tỉnh Nghệ An được tổ chức tại huyện Quỳ Hợp

truyền thống, thành lập các câu lạc bộ dân ca dân tộc Thái, Thổ, duy trì hoạt động của đội văn nghệ quần chúng… Qua đó, tạo điều kiện để các nghệ nhân, quần chúng được sáng tạo, giao lưu, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người dân trên địa bàn.

Trên mảnh đất giàu truyền thống văn hóa Quỳ Hợp đã xuất hiện nhiều nghệ nhân luôn cố gắng giữ gìn và vun đắp cho những nét văn hóa truyền thống dân tộc Thái, Thổ. Điển hình là các Nghệ nhân Ưu tú: Sầm Văn Bình, Trương Sông Hương, Lương Thị Phiên. Với nhiều năm sưu tầm nghiên cứu về văn hóa dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, các nghệ nhân luôn trăn trở làm sao để bảo tồn được các giá trị văn hóa mà ông cha để lại, khi mà nhiều phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc không còn được duy trì, thế hệ trẻ hầu như rất ít người còn hiểu về các phong tục tập quán của dân tộc mình.

Sau gần 2 năm thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/HU, ngày 25/10/2021 của Huyện ủy về "tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường thu hút đầu tư, phát triển du lịch gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số huyện Quỳ Hợp giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030", UBND huyện Quỳ Hợp đã ban hành nhiều văn bản để bảo tồn các di tích lịch sử, danh thắng và bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn huyện như làm hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích Đền Mó (xã Nghĩa Xuân), Đền thờ Tạo Nọi, Mường Ham (xã Châu Cường); tổ chức hội thảo về phục dựng Đền Dinh (xã Tam Hợp) và triển khai xây dựng Đền Le (xã Châu Quang). Huyện đã xây dựng thêm 1 mô hình CLB văn hóa dân gian dân tộc Thổ cấp tỉnh và mô hình CLB văn hóa dân gian dân tộc Thổ xóm Đột Mả và xóm Mó xã Nghĩa Xuân cấp huyện, 03 mô hình CLB văn hóa dân gian dân tộc Thái và dân tộc Thổ tại các xã Châu Cường, Nghĩa Xuân và Minh Hợp. Tích cực khảo sát các danh thắng trên địa bàn huyện như: Hang Bản Vực, thác Bản Bìa (Châu Lý), thác Tiên (Châu Thành), Mó nước (Nghĩa Xuân, Văn Lợi), Đập Bản Mồng (Yên Hợp)... Toàn huyện hiện có 17 CLB văn hóa dân gian tại các xã, thị trấn. Trong đó, có 12 Câu lạc bộ văn hóa dân gian dân tộc Thái, Thổ và 1 CLB dân ca Ví, Giặm - hài kịch, 1 CLB dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh. Trung bình mỗi CLB có từ 25 đến 40 hội viên; Hội viên ở độ tuổi đoàn viên chiếm 25%, thiếu niên chiếm 20% số hội viên còn lại chủ yếu là người lớn tuổi. Hầu hết các CLB duy trì đều đặn lịch sinh hoạt và tăng cường khai thác các làn điệu dân ca cổ để truyền dạy cho các thế hệ qua các buổi sinh hoạt định kỳ. Có 50% CLB tích cực tham gia các Liên hoan văn nghệ quần chúng. Nổi bật là CLB Đột Tân và CLB xã Châu Cường, CLB bản Cồn Xáo (Châu Lý)…

Xây dựng hạ tầng làm nền tảng thu hút đầu tư phát triển du lịch

Việc bảo tồn, gìn giữ những nét đẹp văn hóa của các dân tộc ở huyện Quỳ Hợp thời gian qua đã tạo ra tiềm năng, thế mạnh để phát triển hình thức du lịch cộng đồng, trải nghiệm, tạo ra sản phẩm du lịch đặc sắc mà tỉnh đang quan tâm đầu tư. Nhận rõ tiềm năng ấy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Quỳ Hợp khóa XXI đã có Nghị quyết số 15-NQ/HU, ngày 25/10/2021 về "tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường thu hút đầu tư, phát triển du lịch gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số huyện Quỳ Hợp giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030" với mục tiêu vừa giữ gìn được bản sắc văn hóa vừa tạo đà cho sự phát triển du lịch, góp phần nâng cao đời sống người dân. Thông qua nghị quyết nhằm huy động cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở và sự chung tay

vào cuộc của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn đẩy mạnh hoạt động phát triển du lịch.

Tại Nghị quyết 15, huyện Quỳ Hợp đặt mục tiêu đến năm 2025 hình thành rõ nét, đa dạng, phong phú các sản phẩm du lịch gắn với lợi thế của địa phương, như: du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng. Được sự hỗ trợ của UBND tỉnh, Quỳ Hợp đã xây dựng mô hình du lịch cộng đồng, nhà Văn hóa cộng đồng tại Bản Choọng Bùng, xã Châu Lý. Huyện cũng đã đầu tư gần 10 tỷ đồng xây dựng, tôn tạo công viên Hồ Thung Mây. Điểm du lịch Bản Choọng Bùng, xã Châu Lý được hỗ trợ 1.792 triệu đồng từ Chương trình mục tiêu quốc gia. Ngoài ra, huyện còn vận dụng lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch từ ngân sách tỉnh, nguồn thực hiện Nghị quyết 88 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và các nguồn khác trên địa bàn huyện Quỳ Hợp.

Nhằm đưa Nghị quyết 15 vào thực tiễn cuộc sống, UBND huyện Quỳ Hợp đã xây dựng hai kế hoạch thực hiện, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị, cá nhân và người đứng đầu. Phải khẳng định rằng, ở huyện miền núi như Quỳ Hợp, việc phát triển du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống đang là hướng đi đúng đắn và phù hợp với điều kiện thực tiễn. Và trong quá trình tổ chức thực hiện, huyện Quỳ Hợp đã tập trung huy động các nguồn lực xã hội và phối hợp tổ chức thành công nhiều sự kiện lớn như "Đêm hội Sắc xuân miền Tây" - một không gian văn hóa đậm bản sắc tỉnh Nghệ An năm 2020; Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Nghệ An; Ngày hội Văn hóa các dân tộc tỉnh Nghệ An năm 2023... Thông qua những sự kiện này, không chỉ nhằm quảng bá, kêu gọi, thu hút đầu tư, xúc tiến phát triển du lịch, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, mà còn là động lực để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Do vậy, chủ trương này đang nhận được sự đồng thuận chung từ phía người dân.

Bản Choọng Bùng xã Châu Lý có Câu Lạc bộ văn hóa dân gian dân tộc Thái còn lưu giữ, bảo tồn và duy trì văn hóa, các hình thức biểu diễn nghệ thuật truyền thống của đồng bào Thái

Sau gần 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 15 ngày 25/10/2021 của BCH Đảng bộ huyện, Quỳ Hợp đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Đó là, bước đầu đã phê duyệt Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết, xây dựng các kế hoạch triển khai thực hiện như công tác quy hoạch, khảo sát một số điểm di tích, danh thắng như hang Bản Vực (Châu Lý), Đập Bản Mồng (Yên Hợp), Đồi Chè (Minh Hợp), Mó nước (Nghĩa Xuân); Đã hình thành được 1 bản du lịch cộng đồng (vượt kế hoạch 1 năm); Đã xây dựng các chương trình quảng bá đăng tải trên cổng thông tin điện tử huyện và quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng. Huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng tạo động lực thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn huyện; Thực hiện tốt công tác bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc; làm tốt công tác tập huấn, phối hợp với Phòng Nông nghiệp xây dựng các sản phẩm OCOP... bước đầu đã hình thành các sản phẩm du lịch Quỳ Hợp phong phú và đa dạng.

Nhằm tạo đòn bẩy cho du lịch văn hóa phát triển, huyện Quỳ Hợp đang tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền người dân giữ gìn bản sắc, phát huy giá trị văn hóa dân tộc thông qua các buổi họp dân tại các xóm bản; thường xuyên mở lớp truyền dạy dân ca, dân nhạc, dân vũ các dân tộc thiểu số,… để thế hệ mai sau nhân lên lòng tự hào về những nét đẹp văn hóa truyền thống quê hương mình… Qua đó, góp phần xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

10 sự kiện

VĂN HÓA - THỂ THAO nổi bật năm 2023

NĂM 2023 ĐÃ KHÉP LẠI VỚI NHIỀU SỰ KIỆN VĂN HÓA THỂ THAO ĐÁNG NHỚ. BBT VĂN HÓA THỂ THAO NGHỆ AN BÌNH CHỌN 10 SỰ KIỆN VHTT TIÊU BIỂU DIỄN RA TẠI NGHỆ AN VÀ CỦA NGHỆ AN 2023 NHƯ SAU:

1. **Lễ hội Làng Sen năm 2023** được tổ chức từ ngày 10-19/5 với nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao: Lễ diễu hành từ Quảng trường Hồ Chí Minh về quê bác; dâng hoa trước Tượng đài Bác Hồ; dâng hoa, dâng hương tại Khu Di tích Kim Liên và đền Chung Sơn; Các chương trình nghệ thuật "Người mẹ Làng Sen", "Từ Làng Sen đến thành phố mang tên Hồ Chí Minh"; Liên hoan tiếng hát Làng Sen; Biểu diễn dân ca Ví, Giặm và giao lưu nghệ thuật; Triển lãm các chuyên đề về Bác Hồ: Những tấm gương bình dị mà cao quý, Hồ Chí Minh - Chân dung một con người; Lễ hội đường phố "Quê hương mùa sen nở"; Cuộc thi Bác Hồ trong trái tim thanh thiếu nhi Nghệ An; Cuộc thi ẩm thực chế biến món ăn từ sen; Festival Khinh khi cầu Fly Up Vietnam - Cửa Lò 2023; Thi đấu bóng chuyền, võ cổ truyền; Hội trại và các trò chơi dân gian gắn với tuổi thơ của Bác Hồ.

2. **Lần đầu tiên Festival Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh** được tổ chức tại thành phố Vinh từ ngày 28/7-05/8. Trong khuôn khổ Festival, chiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật có quy mô lớn được tổ chức như: Chương trình nghệ thuật khai mạc Festival có chủ đề ***"Ví, Giặm - Tinh hoa tỏa sáng"*** với sự tham gia của nhiều nghệ sĩ, ca sĩ nổi tiếng trong nước và quốc tế; Hội diễn Đàn, Hát dân ca 3 miền với sự tham gia của trên 1.000 nghệ nhân, diễn viên đến từ 29 đoàn nghệ thuật quần chúng của các tỉnh/thành phố trên toàn quốc; Liên hoan Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh liên tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh ***"Đôi bờ Ví, Giặm"*** với sự tham gia của 700 nghệ nhân đến từ 19 Câu lạc bộ dân ca Ví, Giặm của 2 tỉnh Nghệ An - Hà Tĩnh; Biểu diễn Ví, Giặm phụ vụ Nhân dân và du khách tại các điểm du lịch ở Nam Đàn, Cửa Lò và một số điểm tại Hà Tĩnh; Lễ hội đường phố ***"Sắc màu di sản"*** với các màn trình diễn di sản văn hóa các vùng, miền trong cả nước và các nhóm nhảy tại phố đi bộ TP.Vinh,…

3. Nghệ An giành giải cao tại các hội diễn, liên hoan toàn quốc. Tại Hội diễn Đàn, Hát dân ca 3 miền do Cục Văn hóa cơ sở tổ chức ở Nghệ An từ ngày 01-05/8, Đoàn NTQC tỉnh Nghệ An đã đạt Huy chương Vàng toàn đoàn với chương trình *"Dòng sông Ví, Giặm"*. Trong Ngày hội Văn hóa các dân tộc có số dân dưới 1.000 người do Bộ VH,TT&DL tổ chức tại tỉnh Lai Châu từ ngày 03-05/11, Đoàn Nghệ An đạt 1 giải A, 6 giải B, 2 giải C các nội dung: Liên hoan văn nghệ quần chúng; giới thiệu sản phẩm văn hóa đặc trưng; trình diễn trang phục truyền thống; trình diễn, giới thiệu trích đoạn nghi lễ đón mừng tiếng sấm đầu năm, trình diễn nghề dệt thổ cẩm truyền thống của dân tộc Ơ Đu. Thư viện Nghệ An đạt giải xuất sắc tại Liên hoan Cán bộ thư viện toàn quốc tuyên truyền phát triển văn hóa đọc và giới thiệu sách về chủ quyền biển đảo Việt Nam *"Việt Nam - Đất nước bên bờ sóng"*. Liên hoan do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tổ chức ở Trung tâm Văn hóa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ ngày 08-11/8 với sự tham gia của hơn 700 thành viên đến 30 đơn vị thư viện trên toàn quốc.

4. Chương trình "Ngày hội kết đoàn" được tổ chức tại phố đi bộ TP. Vinh và Quảng trường Hồ Chí Minh với sự tham gia của các Đoàn NTQC của các huyện, thành, thị tỉnh Nghệ An; Đoàn nghệ thuật các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh. Chương trình diễn ra trong 3 ngày (từ 10-12/11) với nhiều hoạt động văn hóa đặc sắc: Quảng diễn văn hóa nghệ thuật lễ hội đường phố với chủ đề ***"Sắc màu văn hóa các dân tộc Nghệ An"***; ***"Đêm hội kết đoàn"***; trưng bày chuyên đề ảnh "Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản văn hóa Nghệ An"; trưng bày, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng tiêu biểu vùng, miền các địa phương.

5. Chương trình nghệ thuật "Truông Bồn - Dấu chân anh hùng" do Báo Nhân dân phối hợp với UBND tỉnh Nghệ An tổ chức vào tối ngày 29/10, tại Khu di tích lịch sử Truông Bồn (xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương) nhân kỷ niệm 55 năm sự kiện lịch sử Truông Bồn nhằm tôn vinh truyền thống cách mạng vẻ vang của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tri ân các anh hùng, liệt sĩ, những người có công với cách mạng, đặc biệt là 13 chiến sĩ

TNXP anh hùng thuộc Đại đội 317 - Tổng đội TNXP chống Mỹ, cứu nước đã hy sinh anh dũng tại địa danh huyền thoại Truông Bồn. Dịp này, Báo Nhân dân, UBND tỉnh Nghệ An, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam và Trung ương Đoàn TNCS HCM đã trao tặng quà, sổ tiết kiệm, nhà tình nghĩa tới thân nhân các liệt sĩ hy sinh tại Truông Bồn và bà Trần Thị Thông - Nhân chứng lịch sử; cựu TNXP và thanh thiếu niên tỉnh Nghệ An có hoàn cảnh khó khăn.

6. Hội nghị sơ kết Liên hiệp Thư viện Bắc miền Trung nhiệm kỳ 2022 - 2024 và Tọa đàm ngành Thư viện chuyên đề "Chuyển đổi số trong hoạt động thư viện - Thực trạng và giải pháp" đã diễn ra vào ngày 21/10, tại TP. Vinh. Trong nhiệm kỳ 2022 - 2024, Liên hiệp Thư viện các tỉnh Bắc miền Trung đã chủ động xây dựng kế hoạch, khắc phục khó khăn, đoàn kết, đồng sức, đồng lòng, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động nghiệp vụ và hoàn thành các chỉ tiêu giữa nhiệm kỳ đặt ra, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương. Có 12 tham luận của các đại biểu, nhà khoa học trình bày tại buổi tọa đàm, tập trung vào nhiều vấn đề liên quan đến công tác chuyển đổi số của thư viện.

7. Lễ Tổng kết và trao giải cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc tỉnh Nghệ An, lần thứ V năm 2023 và **Sơ kết 5 năm tổ chức cuộc thi giai đoạn 2019-2023, Phát động cuộc thi tuyên truyền, giới thiệu sách năm 2023** được UBND tỉnh tổ chức vào ngày 21/10, tại TP. Vinh. Ban Tổ chức đã trao thưởng cho 3 tập thể (Giải Nhất: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Vinh; 02 giải Nhì: Phòng GD&ĐT huyện Đô Lương và Phòng GD&ĐT huyện Diễn Châu) và 51 cá nhân đạt giải Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc cấp tỉnh năm 2023 (gồm

3 giải Nhất, 6 giải Nhì, 9 giải Ba, 15 giải Khuyến khích và 18 giải chuyên đề). Qua 5 năm triển khai cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc giai đoạn 2019 - 2023, đã có trên 530.000 bài dự thi. Trung bình mỗi năm có trên 100.000 bài dự thi vòng sơ loại cấp huyện và trên 3.500 bài được chọn gửi về vòng sơ khảo cấp tỉnh và mỗi năm có 20 bài được chọn dự thi cấp quốc gia với kết quả đạt được qua 5 năm (02 giải tập thể, 42 giải cá nhân tại vòng chung kết toàn quốc) giữ vững vị trí tốp đầu trong cả nước về số bài đạt giải cao. Tại lễ tổng kết, 4 tập thể và 6 cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; 1 tập thể và 5 cá nhân được Sở Văn hóa và Thể thao tặng Giấy khen vì có thành tích trong tổ chức cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc giai đoạn 2019 - 2023.

8. Nghệ An có thêm 5 nghệ sĩ được phong tặng danh hiệu NSND, NSUT. Trong đợt phong tặng danh hiệu NSND, NSUT năm 2023, Nghệ An có 5 nghệ sĩ được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu cao quý, trong đó có 1 NSND và 4 NSUT. 1 nghệ sĩ được phong tặng danh hiệu NSND là NSUT Nguyễn An Ninh; 4 Nghệ sĩ được phong tặng danh hiệu NSUT là: Quế Thị Thương, Hồ Văn Thông, Nguyễn Minh Tâm, Thiên Huế. Tất cả các nghệ sĩ đều thuộc Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh Nghệ An.

9. Giải Nông thôn Việt Marathon - Nghệ An 2023 "Về miền Ví, Giặm" do UBND tỉnh Nghệ An phối hợp với Tạp chí Nông thôn Việt tổ chức trong 2 ngày 19 - 20/8 thu hút sự tham gia của 4.000 VĐV đến từ nhiều tỉnh, thành trên cả nước và các VĐV người nước ngoài đến từ các quốc gia: Nhật Bản, Hà Lan, New Zealand, Áo, Trung Quốc, Ấn Độ, Afghanistan.

10. Nhiều vận động viên Nghệ An thi đấu xuất sắc trên đấu trường quốc tế, châu Á và Đông Nam Á, mang vinh quang về cho nước nhà, tỉnh nhà. Tiêu biểu là các VĐV: **Nguyễn Thị My (Cầu mây) đạt 7 huy chương**: 4 HCV (Vô địch thế giới, Asiad 19, Vô địch châu Á), 2 HCB (Vô địch thế giới, Sea games 32), 1 HCĐ (Vô địch thế giới); **Ngô Thị Ngọc Quỳnh (Cầu mây) đạt 4 huy chương**: 3 HCV (Vô địch thế giới, Vô địch châu Á), 1 HCĐ (Vô địch thế giới); **Nguyễn Trọng Dũng (Lặn) đạt 13 huy chương**: 8 HCV (Vô địch châu Á, Sea games 32, Vô dịch quốc gia, Vận động viên xuất sắc), 3 HCB (Vô địch châu Á, Sea games 32, Vô dịch quốc gia), 2 HCĐ (Vô địch châu Á, Vận động viên xuất sắc); **Nguyễn Tú Anh (Lặn) đạt 10 huy chương**: 6 HCV (Vô địch châu Á, Vô địch quốc gia, Vận động viên xuất sắc), 2 HCB (Vô dịch quốc gia, Vận động viên xuất sắc), 2 HCĐ (Vô địch châu Á, Vô địch quốc gia); **Lê Thị Tuyết Mai (Điền Kinh) đạt 4 HCV** giải Vô địch trẻ châu Á; **Trần Thị Lan (Taekwondo) đạt 2 HCV** (Vô địch Đông Nam Á, Vô địch các CLB quốc tế); **Phạm Thị Hồng Thanh (Cử tạ) đạt 1 HCĐ** (Vô địch châu Á), **3 HCV** (Vô địch quốc gia); **Nguyễn Tất Lộc (Jujitsu) đạt 3 HCV** Vô địch quốc gia. Năm 2023, Nghệ An tổ chức thành công 3 giải do Trung ương ủy quyền: giải Vô địch Đẩy gậy toàn quốc; giải Vô địch Kéo co toàn quốc; giải Vô địch Cầu mây quốc gia. Thể thao thành tích cao của Nghệ An (tính đến 01/12/2023), đã tham gia thi đấu 83 giải, đạt 414 huy chương (124 HCV, 126 HCB, 164 HCĐ). Về bóng đá, mùa giải năm 2023, các đội U9, U11, U17 đạt HCĐ; U15, U19, U21 đạt HCB; U13 đạt HCV tại giải quốc gia. Những kết quả đó không chỉ khẳng định vị thế của thể thao Nghệ An trong nền thể thao nước nhà mà còn đóng góp quan trọng trong xây dựng thể lực, tầm vóc con người Nghệ An trên con đường hội nhập và phát triển.

Ngô Thị Ngọc Quỳnh và Nguyễn Trọng Dũng

NGỌC MAI - HỒ HÀ (thực hiện)

*** Ngày 17/01, Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng dâng hoa, dâng hương tưởng niệm tại Khu Di tích Quốc gia đặc biệt Kim Liên và Khu Di tích lưu niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong.** Thành kính dâng lẵng hoa tươi thắm lên anh linh của Chủ tịch Hồ Chí Minh với lòng biết ơn vô hạn và kính trọng sâu sắc, Chủ tịch nước và Đoàn công tác nguyên mãi học thập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, nguyện cống hiến vì một đất nước Việt Nam phồn vinh, Nhân dân hạnh phúc. Dâng hoa, dâng hương tưởng niệm Tổng Bí thư Lê Hồng Phong, Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng cùng các đồng chí lãnh đạo Trung ương, tỉnh Nghệ An đã tỏ lòng thành kính, biết ơn vô hạn đối với công lao của Tổng Bí thư Lê Hồng Phong - Người đã hiến dâng trọng đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và cũng là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của quê hương Nghệ An.

Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng cùng đoàn công tác dâng hoa tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Liên.

Cùng ngày, Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng cùng đoàn công tác dự chương trình "Tết nhân ái" xuân Giáp Thìn năm 2024 tại xã Thanh Thủy, huyện Thanh Chương; thăm và chúc tết các cán bộ, chiến sĩ đồn biên phòng cửa khẩu Thanh Thủy.

* **Hội Báo Xuân Giáp Thìn 2024** đã khai mạc vào sáng 30/01, tại huyện Đô Lương. Với chủ đề "Mừng Đảng, mừng Xuân, mừng đất nước, quê hương đổi mới", Hội báo năm nay có 11 gian trưng bày, giới thiệu báo Xuân năm 2024 của các báo Trung ương, ngành, báo Đảng các địa phương trên toàn quốc; giới thiệu thiết bị truyền hình tiên tiến của Đài Phát thanh - Truyền hình Nghệ An và gian trưng bày, giới thiệu các sản phẩm OCOP của huyện Đô Lương. Trong khuôn khổ Hội Báo Xuân Giáp Thìn 2024, Ban Chỉ đạo Giải Báo chí "Búa Liềm Vàng - Nghệ An năm 2023" đã trao giải cho 42 tác phẩm xuất sắc về đề tài Xây dựng Đảng.

Ban tổ chức Hội Báo cũng trao giải thưởng cho 10 tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí sáng tác quảng bá về chủ đề "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" của Nghệ An đạt giải cấp trung ương, giai đoạn 2021-2023.

Dịp này, Ban tổ chức Hộ Báo xuân đã tặng quà các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn huyện Đô Lương; trao các ấn phẩm báo Xuân cho Ban Quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ để tổ chức gian trưng bày báo Tết phục vụ Nhân dân và du khách.

* Trong khuôn khổ **Chương trình "Xuân biên giới - Tết biển đảo" năm 2024,** sáng 26/1, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp cùng SABECO tổ chức **Chương trình "Tết sẻ chia, năm Rồng khởi sắc"** tại huyện Diễn Châu; thăm, tặng quà Hải đội 137, xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc và Đồn Biên phòng xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu. Chương trình "Tết sẻ chia, năm Rồng khởi sắc" đã trao tặng các suất quà ý nghĩa cho 350 người lao động. Mỗi suất quà có giá trị 700.000 đồng, bao gồm bao lì xì 300.000 đồng tiền mặt và các nhu yếu phẩm ngày Tết. Chương trình nhằm tri ân những đóng góp của các lực lượng tuyến đầu, những người đã đóng góp rất lớn cho sự phát triển của nền kinh tế và an ninh chủ quyền của Việt Nam; Đồng thời, tôn vinh truyền thống văn hóa ngày Tết cổ truyền của Việt Nam, lan tỏa tinh thần đoàn kết, đoàn viên và sẻ chia yêu thương trong cộng đồng.

*** Ngành Văn hóa và Thể thao tặng quà Tết cho đồng bào xã Châu Khê, huyện Con Cuông.** Hưởng ứng Thư kêu gọi ủng hộ, giúp đỡ người nghèo đón Tết Giáp Thìn - 2024 của Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An, chiều ngày 29/01, tại UBND xã Châu Khê, đồng chí Trần Thị Mỹ Hạnh - Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở VH&TT cùng đoàn công

Đồng chí Trần Thị Mỹ Hạnh - Giám đốc Sở VH&TT trao quà Tết cho đồng bào xã Châu Khê, huyện Con Cuông

tác đã trao tiền hỗ trợ xây dựng 6 ngôi nhà, trị giá 50 triệu/1 ngôi nhà và 100 suất quà, trị giá 500 ngàn/1 suất cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn của xã Châu Khê, huyện Con Cuông. Cũng tại đây, đại diện Đoàn Thanh niên ngành VH&TT đã trao tặng 1 suất quà cho 1 em học sinh thuộc xã mà Đoàn Thanh niên nhận đỡ đầu trong năm 2023.

*** Hội thảo khoa học "Từ Đề cương về văn hóa Việt Nam - định hướng chiến lược phát triển văn hóa tỉnh Nghệ An đến năm 2030"** được tổ chức vào ngày 27/12. Ban Tổ chức đã nhận được 50 báo cáo tham luận của các cơ quan, tổ chức, các cá nhân nhà quản lý, nhà khoa học và những người trực tiếp làm công tác văn hóa nghệ thuật trong cả nước, tập trung làm rõ một số nội dung: Bối cảnh ra đời và giá trị lý luận, thực tiễn của Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943; Thực trạng phát triển văn hóa Nghệ An giai đoạn hiện nay; Giải pháp, định hướng phát triển văn hóa tỉnh Nghệ An đến năm 2030 từ giá trị của Đề cương về văn hóa Việt Nam; đồng thời các tác giả cũng đề xuất, kiến nghị một số cơ chế, chính sách về phát triển văn hóa của tỉnh Nghệ An trong tương lai.

Định hướng chiến lược phát triển văn hóa tỉnh Nghệ An đến năm 2030 được xác định: tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách riêng của tỉnh Nghệ An về xây dựng văn hóa và nguồn lực con người; tập trung phát triển công nghiệp văn hóa; tăng cường công tác vận động xã hội hóa; tăng cường đầu tư cho các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa của Nghệ An; Phát huy giá trị các loại hình nghệ thuật truyền thống,…

*** Lễ tổng kết, trao giải Cuộc vận động sáng tác văn học nghệ thuật về chủ đề "Xây dựng nông thôn mới, xây dựng con người, văn hóa Nghệ An đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"** đã diễn ra vào chiều ngày 27/12. Cuộc vận động này được phát động từ năm 2022 và đã thu hút đông đảo văn nghệ sĩ chuyên nghiệp và không chuyên trên mọi miền Tổ quốc hưởng ứng tham gia. Ban Tổ chức đã nhận được 367 tác phẩm, cụ thể: lĩnh vực âm nhạc có 111 ca khúc của 64 nhạc sĩ; lĩnh vực kịch bản sân khấu có 45 tác phẩm của 26 tác giả; lĩnh vực nhiếp ảnh có 67 bộ ảnh của 20 tác giả; lĩnh vực văn học có 144 tác phẩm của 38 tác giả (gồm 16 truyện ngắn; 26 chùm thơ; 01 trường ca thơ; 41 bút ký; 59 tản văn; 01 tiểu thuyết).

Kết quả: Lĩnh vực Kịch bản sân khấu, Văn học và Nhiếp ảnh, mỗi lĩnh vực có 01 giải Nhất, 02 giải Nhì, 03 giải Ba và 05 giải Khuyến khích. Riêng lĩnh vực Ca khúc, có 03 giải Nhì (không có giải Nhất), 03 giải Ba và 05 giải Khuyến khích.

* Tối 31/12/2023, tại Quảng trường Hồ Chí Minh, TP. Vinh, Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì và phối hợp với Công ty nước giải khát SavaBeco tổ chức **Chương trình nghệ thuật Countdown (đếm ngược) chào năm mới 2024 "Hào khí sông Lam".** Chương trình gồm 2 chương: "Bức tranh xứ Nghệ" và "Hào khí sông Lam". "Bức tranh xứ Nghệ" với màn trình diễn của các nghệ sĩ, diễn viên Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh, các nhóm hoạt động nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đặc biệt là sự xuất hiện của đội tuyển U13 Sông Lam Nghệ An vô địch mùa giải 2023. "Hào khí Sông Lam" với nhiều sắc màu nghệ thuật như: trình diễn công nghệ ánh sáng hiện đại laser, Leddscreer Matrix kết hợp âm nhạc và múa tương tác của các vũ đoàn, nhóm nhảy, cùng các ngôi sao nổi tiếng làng giải trí Việt Nam; Trung tâm Nghệ thuật Truyền thống tỉnh... Chương trình đã mang đến những phút giây đầy cảm xúc tự hào của người dân trong giờ phút thiêng liêng của năm cũ sang năm mới.

*** Triển lãm "Bác Hồ với Thiếu nhi - Thiếu nhi với Bác Hồ"** do Báo Thiếu niên Tiền phong và Nhi đồng (Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh) cùng Vụ Giáo dục chính trị và Công tác

học sinh, sinh viên (Bộ Giáo dục và Đào tạo) phối hợp với Khu Di tích Kim Liên tổ chức tại Trường Tiểu học Hoàng Trù, Kim Liên, Nam Đàn vào ngày 19/01. Với hơn 50 bức ảnh, tài liệu, được trưng bày theo 3 phần: Bác Hồ chăm lo giáo dục thiếu nhi, Tình cảm của thiếu nhi đối với Bác Hồ và Xứng danh Cháu ngoan Bác Hồ, triển lãm nhằm tiếp tục khẳng định công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc đào tạo, dìu dắt, giáo dục thế hệ trẻ cũng như vị trí, vai trò của thiếu nhi Việt Nam. Cũng trong buổi triển lãm, các cán bộ thuyết minh Khu di tích Kim liên đã nói chuyện với học sinh Trường TH Hoàng Trù về chủ đề "Bác Hồ với thiếu nhi - Thiếu nhi với Bác Hồ".

*** Công ty CP Dệt may Hoàng Thị Loan trao tặng Khu Di tích Kim Liên bộ tranh những người thân trong gia đình Chủ tịch Hồ Chí Minh.** Bộ tranh gồm 4 bức chân dung màu (là thân phụ, thân mẫu, chị gái và anh trai của Bác Hồ): ông Nguyễn Sinh Sắc, bà Hoàng Thị Loan, bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Sinh Khiêm. Tác giả của bộ tranh là ông Nguyễn Tô Cảnh - nguyên Bí thư Đảng ủy, nguyên Tổng Giám đốc Công ty Dệt may Hoàng Thị Loan. Buổi lễ trao tặng diễn ra vào ngày 23/01, tại Khu Di tích Kim Liên.

Dịp này, hưởng ứng Thư kêu gọi của Bí thư Tỉnh ủy về giúp đỡ người nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, lãnh đạo và Công đoàn Công ty đã trực tiếp trao tặng 40 suất quà trị giá 20 triệu đồng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn.

Cũng tại buổi lễ, Khu Di tích Kim Liên phối hợp với Bảo tàng Hồ Chí Minh tổ chức khai mạc triển lãm ảnh **"Những tấm gương bình dị mà cao quý".**

* Ban Quản lý Di tích Nghệ An phối hợp cùng Ban Quản lý Di tích đền Hoàng Mười **Trao quà khuyến học và nói chuyện chuyên đề "Quê hương, cuộc đời sự nghiệp cách mạng của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai"** vào sáng ngày 23/01, tại Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai, xã Hưng Thông huyện Hưng Nguyên. Buổi nói chuyện đã trang bị cho các em nhiều kiến thức về lịch sử địa phương, về những đóng góp của đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai và các bậc tiền bối đối với cách mạng Việt Nam. Qua đó, góp phần giáo dục tinh thần yêu nước, yêu lịch sử cho các em học sinh. Trong chương trình, Ban Quản lý Di tích Nghệ An cùng Ban Quản lý Di tích đền Hoàng Mười đã trao tặng 26 suất quà cho các em học sinh với tổng giá trị 14.300.000đ.

*** Diễn Châu biểu dương 38 khu dân cư văn hóa tiêu biểu 5 năm liên tục (2019-2023).** Năm 2019, tỷ lệ gia đình văn hóa của Diễn Châu là 82,1%; tỷ lệ Dòng họ văn hóa (DHVH) là 77,1%; tỷ lệ khu dân cư văn hóa (KDCVH) là 77%. Đến năm 2023, các tỷ lệ tương ứng đạt: 87,7%, 91,3% và trên 91%. Bình quân mỗi năm, Diễn Châu có từ 5-8 dòng họ được công nhận danh hiệu DHVH. Hiện Diễn Châu có 194 lượt cơ quan, doanh nghiệp được công nhận đạt danh hiệu cơ quan văn hóa. Nhiều xã, nhiều năm liền có 100% khu dân cư được công nhận danh hiệu KDCVH. 38 KDCVH tiêu biểu 5 năm liên tục, giai đoạn 2019-2023 đã được UBND huyện tuyên dương, khen thưởng vào chiều 08/01.

*** Khen thưởng các vận động viên đạt thành tích cao tại các giải thể thao quần chúng toàn quốc.** Trong 6 tháng cuối năm 2023, các đoàn VDDĐ Nghệ An đã tham gia thi đấu 3 giải thể thao quần chúng toàn quốc (Giải Cầu lông, Bóng bàn gia đình thể thao toàn quốc ở tỉnh Lâm Đồng; Giải Vô địch Đẩy gậy trẻ toàn quốc ở thành phố Hải Phòng; Giải Bơi cứu đuối thanh thiếu nhi, học sinh toàn quốc "Đường đua xanh" ở Khánh Hòa), giành được 7 Huy chương Vàng, 7 Huy chương Bạc và 21 Huy chương Đồng. Lễ tuyên dương khen thưởng đã được Sở VH&TT tổ chức vào ngày 14/01.

NGỌC MAI - HỒ PHONG (tổng hợp)